



BÁO CÁO GIÁM SÁT TOÀN CẦU VỀ GIÁO DỤC

2016

Giáo dục vì con người và hành tinh:

XÂY DỰNG TƯƠNG LAI BỀN VỮNG CHO MỌI NGƯỜI



Tổ chức Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc



Các Mục tiêu
Phát triển
Bền vững



Báo cáo
Giám sát
Toàn cầu về
Giáo dục

BÁO CÁO GIÁM SÁT TOÀN CẦU VỀ GIÁO DỤC

2016

Giáo dục vì con người và hành tinh:

XÂY DỰNG TƯƠNG LAI BỀN VỮNG CHO MỌI NGƯỜI

Báo cáo này là ấn phẩm độc lập được UNESCO ủy thác thay mặt cho cộng đồng quốc tế. Đây là sản phẩm của nỗ lực tập thể gồm các thành viên của Nhóm tác giả cũng như nhiều cá nhân, tổ chức, cơ quan và chính phủ các nước.

Việc thiết kế và trình bày các tư liệu trong ấn phẩm này không phản ánh quan điểm của UNESCO về địa vị pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực địa lý nào cũng như thẩm quyền của họ hoặc việc phân định ranh giới hay biên giới của quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực địa lý đó.

Nhóm tác giả Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục chịu trách nhiệm lựa chọn và trình bày các nội dung trong ấn phẩm này và những ý kiến trong báo cáo này không nhất thiết là của Tổ chức UNESCO và cũng không thể hiện cam kết của Tổ chức này.

Trách nhiệm chính về các quan điểm và đánh giá thể hiện trong Báo cáo này thuộc về Trưởng nhóm.

Nhóm tác giả Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục

Trưởng nhóm: Aaron Benavot

Manos Antoninis, Madeleine Barry, Nicole Bella, Nihan Köseleci Blanchy, Marcos Delprato, Glen Hertelendy, Catherine Jere, Priyadarshani Joshi, Katarzyna Kubacka, Leila Loupis, Kassiani Lythrangomitis, Alasdair McWilliam, Anissa Mechtar, Branwen Millar, Claudine Mukizwa, Yuki Murakami, Taya Owens, Judith Randrianatoavina, Kate Redman, Maria Rojnov, Anna Ewa Ruzkiewicz, Will Smith, Emily Subden, Rosa Vidarte và Asma Zubairi.

Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục là ấn phẩm độc lập thường niên. Báo cáo này được một nhóm các chính phủ, các cơ quan đa phương và các quỹ tư nhân tài trợ và do UNESCO chủ trì và hỗ trợ.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Nhóm tác giả Báo cáo Giám sát Giáo dục Toàn cầu
UNESCO, 7, place de Fontenoy
75352 Paris 07 SP,
Pháp
Email: gemreport@unesco.org
Tel.: +33 1 45 68 07 41
www.unesco.org/gemreport
https://gemreportunesco.wordpress.com

Bất kỳ sai sót hoặc thiếu sót nào được phát hiện sau khi in ấn sẽ được chỉnh sửa tại phiên bản trực tuyến tại www.unesco.org/gemreport

© UNESCO, 2016

Tài liệu bản quyền

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn
hóa Liên Hiệp Quốc

Năm 2016 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn
hóa Liên Hiệp Quốc

7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, Pháp

Sắp chữ: UNESCO

Thiết kế đồ họa: FHI 360

Thiết kế Layout: FHI 360

Ảnh bìa trước và sau: Fadil Aziz/

ALCIBBUM PHOTOGRAPHY

Chuỗi ấn phẩm mới Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục

2016 Giáo dục vì con người và hành tinh:
Xây dựng tương lai bền vững cho mọi người

Chuỗi ấn phẩm Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN

2015 GDCMN 2000-2015: Thành tựu và thách thức
2013/4 Dạy và học: Đảm bảo chất lượng cho mọi người
2012 Thanh niên và kỹ năng: Phát huy giá trị của giáo dục
2011 Khủng hoảng chìm: Xung đột vũ trang và giáo dục
2010 Tiếp cận các đối tượng thiệt thòi
2009 Khắc phục tình trạng bất bình đẳng: Tầm quan trọng của công tác quản trị
2008 Giáo dục cho mọi người: Mục tiêu có đạt được vào 2015?
2007 Nền tảng vững chắc: Chăm sóc và giáo dục mầm non
2006 Biết chữ - chìa khóa cho cuộc sống
2005 GDCMN: Chất lượng là trên hết
2003/4 Giới và GDCMN: Bước tiến đến sự bình đẳng
2002 GDCMN: Liệu thế giới có đang đi đúng hướng?

Trong ảnh bìa là những trẻ em độ tuổi đến trường tại Đảo Palau Papan thuộc quần đảo Togean trong cụm đảo Sulawesi, In-đô-nê-xi-a. Trẻ em, thuộc bộ tộc Bajo, sống trong nhà sàn và hàng ngày phải đi qua chiếc cầu dài 1,8 km sang đảo Melange để đến trường.

ED-2016/WS/33

Lời tựa

Tháng 5 năm 2015, Diễn đàn Giáo dục Thế giới tại Incheon (Cộng hòa Hàn Quốc) quy tụ hơn 1.600 đại biểu đến từ 160 quốc gia và vùng lãnh thổ với chung một mục tiêu: làm thế nào để đạt được nền giáo dục bình đẳng, hòa nhập, chất lượng và học tập suốt đời cho mọi người vào năm 2030?

Tuyên bố Incheon về Giáo dục đến năm 2030 chính là phương tiện quan trọng để đề ra Mục tiêu Phát triển Bền vững về Giáo dục, đó là “Đảm bảo nền giáo dục bình đẳng, hoà nhập, chất lượng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người”. Theo đó, UNESCO được ủy thác vai trò chỉ đạo, điều phối và giám sát Chương trình nghị sự Giáo dục đến năm 2030. Đồng thời, Tuyên bố Incheon cũng kêu gọi Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục (Báo cáo GSTCGD) cần phải giám sát và báo cáo độc lập về tình hình thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững về Giáo dục (gọi tắt là MTPTBV 4), cũng như hợp phần giáo dục thuộc các MTPTBV khác, trong hành trình 15 năm tới.

Mục tiêu tối thượng của chương trình nghị sự này là không bỏ mặc bất kỳ ai phía sau. Điều đó kêu gọi phải có hệ thống số liệu chất lượng và cơ chế giám sát khoa học. Ấn phẩm Báo cáo GSTCGD 2016 cung cấp những thông tin quý giá để chính phủ các nước và các nhà hoạch định chính sách tiến hành giám sát và đẩy nhanh tiến độ thực hiện MTPTBV 4, trên cơ sở những chỉ số và chỉ tiêu đã có, với sự bình đẳng và hòa nhập là những thước đo chính về mức độ thành công tổng thể.

Báo cáo này làm sáng tỏ 3 thông điệp, đó là:

Thứ nhất, là sự khẩn thiết phải có các cách tiếp cận mới. Với xu hướng hiện tại, chỉ có 70% số trẻ em ở các quốc gia có mức thu nhập thấp được hoàn thành tiểu học vào năm 2030, một mục tiêu đáng ra đã phải hoàn thành vào năm 2015. Chúng ta cần có những thiện chí chính trị, hệ thống chính sách, sự đổi mới và nguồn lực để khắc phục xu hướng này.


Thứ hai, nếu chúng ta thực sự nghiêm túc về MTPTBV 4, chúng ta phải hành động với tinh thần khẩn trương cao độ, cộng với cam kết dài lâu. Nếu không đảm bảo được điều đó sẽ không chỉ tác động tiêu cực đến tình hình giáo dục mà còn làm chậm tiến độ thực hiện từng mục tiêu phát triển sau: xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sức khỏe, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hướng tới các thành phố vững mạnh, và các xã hội bình đẳng và hòa nhập hơn.

Sau cùng, chúng ta phải thay đổi căn bản lối tư duy về giáo dục cũng như vai trò của nó trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và sự phát triển toàn cầu. Hơn bao giờ hết, giáo dục có vai trò thúc đẩy các loại kỹ năng, thái độ và hành vi chuẩn mực làm bệ phóng cho sự tăng trưởng hòa nhập và bền vững.

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững kêu gọi chúng ta cần phải xây dựng cách ứng phó mang tính tích hợp và tổng thể trước nhiều thách thức kinh tế, xã hội và môi trường đang hiển hiện trước mắt. Điều này đòi hỏi phải vượt ra khỏi các ranh giới truyền thống và hình thành các mối quan hệ đối tác hiệu quả, có tính chất liên ngành.

Tương lai bền vững cho mọi người chính là một viễn cảnh về nhân phẩm con người, hòa nhập xã hội và bảo vệ môi trường. Là viễn cảnh mà ở đó sự tăng trưởng kinh tế không làm trầm trọng hóa tình trạng bất bình đẳng mà thay vào đó là tạo nên sự thịnh vượng cho mọi người; nơi các khu vực đô thị và thị trường lao động được thiết kế với phương châm trao quyền năng cho mọi người, đồng thời các hoạt động kinh tế dù ở cấp cộng đồng hay trong khối doanh nghiệp, đều có định hướng xanh hóa. Phát triển bền vững chính là niềm tin rằng phát triển con người không thể thành hiện thực nếu không có một hành tinh khỏe mạnh. Việc xúc tiến chương trình nghị sự mới về phát triển bền vững đòi hỏi tất cả chúng ta đều phải suy ngẫm về mục đích sau cùng của việc học tập trong suốt cuộc đời. Bởi lẽ, nếu làm đúng, giáo dục có quyền tối thượng trong việc nuôi dưỡng các thế hệ công dân có trình độ, sâu sắc, bản lĩnh và có lương tri, những người có thể vạch ra lộ trình hướng tới một hành tinh an toàn hơn, xanh hơn, và công bằng hơn cho mọi người. Báo cáo này cung cấp các minh chứng cần thiết để củng cố các lập luận cũng như vạch ra những chính sách thiết thực để hiện thực hóa viễn cảnh trên cho mọi người.

Irina Bokova
Tổng Giám đốc UNESCO



Giới thiệu

Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục (Báo cáo GSTCGD) 2016 vừa ưu việt nhưng cũng vừa gợi lên nhiều băn khoăn. Đây là một báo cáo tầm cỡ: toàn diện, sâu sắc và thông thái. Song đây cũng là báo cáo gây đau đầu. Một mặt nó khẳng định rằng giáo dục là linh hồn của phát triển bền vững và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV), nhưng mặt khác nó cũng cho thấy chúng ta đang ở cách xa tầm với tới các MTPTBV ở mức nào. Báo cáo này cần phải gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh trên toàn thế giới và thúc đẩy việc nhân rộng mang tính lịch sử về quy mô hành động để có thể hiện thực hóa MTPTBV 4.

Báo cáo GSTCGD đưa ra sự lý giải chính thống về việc giáo dục chính là thành phần căn bản nhất của mọi bình diện phát triển bền vững. Giáo dục tốt hơn đem lại sự thịnh vượng lớn hơn, cải thiện chất lượng nông nghiệp, nâng cao điều kiện chăm sóc y tế, giảm thiểu bạo lực, tăng cường bình đẳng giới, thúc đẩy vốn con người và củng cố môi trường tự nhiên. Giáo dục là chìa khóa giúp mọi người trên khắp thế giới hiểu được tại sao phát triển bền vững lại là khái niệm quan trọng đến vậy cho tương lai chung của chúng ta. Giáo dục giúp trang bị cho chúng ta những công cụ cốt yếu – kinh tế, xã hội, công nghệ, thậm chí là đạo đức – để triển khai các MTPTBV và hiện thực hóa chúng. Những thực tế này sẽ được làm sáng tỏ một cách hết sức công phu và khác lạ xuyên suốt bản báo cáo. Có rất nhiều thông tin có thể khai thác trong hệ thống bảng biểu, đồ thị và văn bản.

Tuy nhiên, báo cáo cũng nhấn mạnh khoảng cách rất lớn về giáo dục giữa thế giới của ngày hôm nay và mốc hứa hẹn đạt tới vào năm 2030. Sự chênh lệch về trình độ học vấn giữa người giàu và người nghèo, trong và giữa các quốc gia, là thực sự đáng báo động. Ở nhiều quốc gia nghèo, trẻ em nghèo phải đối mặt với những rào cản gần như không thể vượt qua trong điều kiện hiện nay. Các em thiếu sách vở ở nhà; không có cơ hội học mẫu giáo; và phải vào học ở những cơ sở không có điện, nước, công trình vệ sinh, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn; sách giáo khoa, và những trang thiết bị hay đồ dùng thiết yếu của một nền giáo dục cơ bản còn rất xa vời so với một nền giáo dục chất lượng. Thực tế khiến nhiều người sửng sốt. Trong khi MTPTBV 4 phần đầu hoàn thành phổ cập THPT vào năm 2030, nhưng tỷ lệ hoàn thành hiện tại ở các quốc gia có mức thu nhập thấp mới chỉ vón vện có 14%.

Báo cáo GSTCGD tiến hành một hoạt động quan trọng nhằm xác định xem có bao nhiêu quốc gia sẽ đạt được chỉ tiêu vào năm 2030 theo lộ trình hiện nay, hoặc thậm chí là theo lộ trình của quốc gia có tốc độ cải thiện nhanh nhất trong khu vực. Câu trả lời khiến ta phải suy ngẫm: chúng ta cần có sự tiến bộ chưa từng có trong tiến lệ, bắt đầu ngay từ lúc này, thì mới có cơ may thành công đối với MTPTBV 4.

Những người hay nhạo báng có thể nói, 'Chúng tôi đã nói với các vị rồi, MTPTBV rõ ràng là không thể thành hiện thực được', và khuyên rằng chúng ta nên chấp nhận 'thực tế' đó. Song, như báo cáo đã khẳng định bằng vô vàn cách khác nhau, sự tự mãn ấy là quá khinh suất và vô đạo đức. Nếu chúng ta không trang bị đầy đủ giáo dục học đường cho thế hệ trẻ hiện nay, chúng ta sẽ đẩy họ và toàn thế giới tới viễn cảnh nghèo đói, hủy hoại môi trường, và thậm chí là bạo lực xã hội và bất ổn trong nhiều thập kỷ tới. Có lẽ không có sự nguy hiểm nào cho tính tự mãn. Thông điệp của báo cáo này là chúng ta phải chung tay hành động để nâng cao thành tựu giáo dục theo phương thức chưa từng có trong lịch sử.

Một trong những phương tiện quan trọng để thúc đẩy các thành tựu về giáo dục là tài chính. Ở đây một lần nữa, báo cáo lại làm cho người đọc phải vắt óc suy nghĩ. Viện trợ phát triển cho giáo dục hiện nay còn thấp hơn mức viện trợ năm 2009. Đây là một sự thiếu hụt lớn của các nước giàu. Liệu những nước tài trợ này có thực sự tin rằng họ đang 'tiết kiệm được tiền' bằng việc cắt giảm viện trợ cho giáo dục tại các quốc gia có mức thu nhập thấp trên thế giới? Sau khi đọc xong báo cáo này, các nhà lãnh đạo và người dân tại các quốc gia có mức thu nhập cao sẽ nhận thức sâu sắc được rằng đầu tư cho giáo dục chính là yếu tố căn bản cho sự thịnh vượng trên toàn cầu, và rằng mức viện trợ hiện nay, khoảng 5 tỷ USD mỗi năm cho giáo dục tiểu học – tương đương 5 USD/người/năm ở các nước giàu! – là một sự đầu tư nhỏ tới mức bi thảm cho sự nghiệp phát triển bền vững và hòa bình tương lai của thế giới.

Báo cáo GSTCGD 2016 đưa ra vô cùng nhiều những phân tích, khuyến nghị và chuẩn mực để tiến lên phía trước. Báo cáo đưa ra những gợi ý hết sức có giá trị về cách thức giám sát và đo lường tiến độ thực hiện MTPTBV 4. Thông qua các ví dụ, báo cáo cũng chứng minh tính khả thi của những thước đo về đầu vào, chất lượng và kết quả giáo dục tinh vi hơn nhiều so với các thước đo thô về nhập học và hoàn thành mà chúng ta vẫn thường làm và tin dùng hiện nay. Sử dụng cơ sở dữ liệu lớn, các công cụ khảo sát tốt hơn, hệ thống giám sát và công nghệ thông tin hiện đại, chúng ta có thể thu được những chỉ tiêu thống kê tinh tế hơn nhiều về quy trình và kết quả giáo dục ở tất cả các cấp.

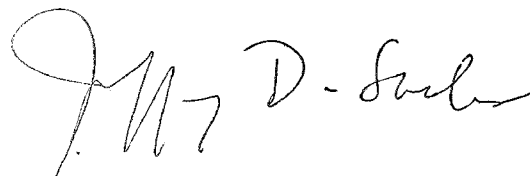
15 năm trước, thế giới rất cuộc cũng thừa nhận sự tàn khốc của đại dịch HIV/AIDS và các hiểm họa khác về sức khỏe, từ đó có những bước đi cụ thể để nhân rộng quy mô can thiệp y tế cộng đồng trong bối cảnh thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ. Từ đó mới sinh ra những sáng kiến như Quỹ Toàn cầu Phòng, chống HIV/AIDS, Lao phổi và Sốt rét, Liên minh Toàn cầu về Vắc-xin và Miễn dịch (hiện nay đổi thành Gavi, Liên minh Vaccine) và nhiều ví dụ khác. Những nỗ lực này đã dẫn tới sự gia tăng đột biến về các can thiệp y tế cộng đồng và lượng kinh phí hỗ trợ. Mặc dù không đạt được hết những chỉ tiêu (phần lớn là do cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã chấm dứt đà tăng trưởng về nguồn kinh phí cho y tế cộng đồng), song những nỗ lực ấy đã tạo nên nhiều đột phá mà sức ảnh hưởng của nó vẫn còn dư âm tới tận bây giờ.

Độc giả nên đọc Báo cáo GSTCGD 2016 như là một lời kêu gọi hành động vì giáo dục là linh hồn của các MTPTBV. Quan điểm của cá nhân tôi, vốn thường được nhắc đi nhắc lại trong vài năm trở lại đây, là sự khẩn thiết phải có một Quỹ Toàn cầu về Giáo dục được xây dựng dựa trên những bài học có giá trị của Quỹ Toàn cầu Phòng, chống HIV/AIDS, Lao phổi và Sốt rét. Sự hạn hẹp về nguồn kinh phí chính là nút thắt của thách thức trong giáo dục, như được báo cáo này chỉ ra hết sức rõ ràng thông qua từng mảng số liệu chéo giữa các nước và số liệu khảo sát hộ gia đình.

Tài liệu mang tính thuyết phục này kêu gọi chúng ta hãy có phản ứng với những cơ hội, tính cấp bách và mục tiêu toàn cầu đã được cô đọng trong MTPTBV 4: phổ cập giáo dục chất lượng tốt cho mọi người và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời. Tôi kêu gọi mọi người ở khắp mọi nơi hãy cùng nghiên cứu kỹ báo cáo này và khắc cốt ghi tâm những thông điệp chính. Điều quan trọng nhất là chúng ta hãy cùng hành động theo tinh thần của các thông điệp đó ở mọi cấp, từ cộng đồng địa phương đến cộng đồng toàn cầu.

Jeffrey D. Sachs

Cố vấn đặc biệt của Tổng thư ký LHQ
về các Mục tiêu Phát triển Bền vững



Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục 2016

Báo cáo tóm tắt

GIỚI THIỆU

Tại Phiên họp thứ 70 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc được tổ chức vào tháng 9 năm 2015, các quốc gia thành viên đã thông qua chương trình nghị sự mới về phát triển toàn cầu với tên gọi: *Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.

Trọng tâm của Chương trình nghị sự này là 17 MTPTBV, bao gồm MTPTBV 4 về giáo dục. Các MTPTBV đề ra những ưu tiên phát triển đến năm 2030 và kế thừa cả Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ lẫn Mục tiêu GDCMN, khi thời hạn đề ra đối với các mục tiêu này kết thúc vào năm 2015.

“
Báo cáo chỉ ra rằng giáo dục sẽ không phát huy được tối đa tiềm năng của mình trong việc phát triển thế giới trừ khi tỷ lệ đến trường được cải thiện một cách mạnh mẽ, việc học tập trở thành nỗ lực theo đuổi cả đời và hệ thống giáo dục các nước thực sự coi trọng phát triển bền vững.”

Báo cáo Giám sát Toàn cầu về Giáo dục (Báo cáo GSTCGD), ấn phẩm được xây dựng trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của chuỗi ấn phẩm Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN, được giao một sứ mệnh mới, đó là đánh giá tiến độ thực hiện giáo dục trong khuôn khổ Chương trình nghị sự 2030. Báo cáo GSTCGD 2016, ấn phẩm đầu tiên trong chuỗi ấn phẩm 15 năm tới, nghiên cứu mối quan hệ phức tạp giữa giáo dục và các khía cạnh khác của phát triển bền vững, song song với việc giám sát tình hình thực hiện MTPTBV 4. Báo cáo chỉ ra rằng giáo dục sẽ không phát huy được tối đa tiềm năng của mình trong việc phát triển thế giới trừ khi tỷ lệ đến trường được cải thiện một cách mạnh mẽ, việc học tập trở thành nỗ lực theo đuổi cả đời và hệ thống giáo dục các nước thực sự coi trọng phát triển bền vững.

Phần nội dung theo chuyên đề của báo cáo nêu bật những minh chứng, thực tiễn và chính sách chứng tỏ rằng giáo dục có thể đóng vai trò là chất xúc tác để thực hiện toàn bộ Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững. Phần này trình bày các lập luận chặt chẽ về các loại hình giáo dục có ý nghĩa quan trọng để đạt được các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sức khỏe, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hướng tới các thành phố có khả năng chống chịu, và các xã hội công bằng và hòa nhập hơn.

Phần nội dung giám sát giải quyết nhiều thách thức liên quan đến cách thức đánh giá tiến độ thực hiện MTPTBV 4, bao gồm những khuyến nghị cụ thể được đưa ra cho mục đích thay đổi chính sách.

Cả 7 chỉ tiêu giáo dục và 3 phương thức triển khai tương ứng thuộc MTPTBV 4 đều được lần lượt xem xét. Ngoài ra, tài chính cho giáo dục và các hệ thống giáo dục cũng được phân tích, tới mức hợp phần giáo dục trong các MTPTBV khác có thể được giám sát. Các nền tảng và cơ chế phối hợp tiềm tàng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát toàn cầu về giáo dục trong giai đoạn 15 năm tới cũng được xác định ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

BẢNG 1:

Mối liên hệ điển hình giữa giáo dục và các Mục tiêu Phát triển Bền vững khác

Mục tiêu 1	Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc đưa con người thoát khỏi nghèo đói.	Mục tiêu 10	Nếu được tiếp cận bình đẳng, giáo dục tạo nên một sự khác biệt rõ rệt trong công tác giảm thiểu bất bình đẳng về kinh tế - xã hội.
Mục tiêu 2	Giáo dục đóng vai trò chủ đạo trong việc giúp mọi người hướng tới áp dụng các phương pháp canh tác bền vững hơn, cũng như giúp họ hiểu biết về dinh dưỡng.	Mục tiêu 11	Giáo dục có thể trang bị cho con người các kỹ năng để cùng tham gia hình thành và duy trì những thành phố bền vững hơn, đồng thời nâng cao khả năng ứng phó trong các tình huống thảm họa.
Mục tiêu 3	Giáo dục có thể tạo nên sự khác biệt to lớn đối với hàng loạt vấn đề về y tế, bao gồm tình trạng tử vong ở trẻ em, sức khỏe sinh sản, lây lan bệnh tật, lối sống lành mạnh và hạnh phúc.	Mục tiêu 12	Giáo dục có thể tạo nên một sự khác biệt hết sức quan trọng trong các mô hình sản xuất (chẳng hạn như liên quan đến kinh tế xoay vòng) và sự hiểu biết của người tiêu dùng về những hàng hóa được sản xuất bền vững hơn và ngăn ngừa phát sinh chất thải.
Mục tiêu 5	Giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái là yếu tố đặc biệt quan trọng để đảm bảo biết chữ cơ bản, cải thiện kỹ năng và năng lực tham gia, đồng thời cải thiện các cơ hội trong cuộc sống.	Mục tiêu 13	Giáo dục là chìa khóa giúp nâng cao hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu, về cách ứng phó và giảm nhẹ, nhất là ở cấp địa phương.
Mục tiêu 6	Giáo dục và đào tạo nâng cao kỹ năng và năng lực để sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững hơn và có thể thúc đẩy tăng cường vệ sinh.	Mục tiêu 14	Giáo dục là yếu tố quan trọng để nâng cao nhận thức về môi trường biển và xây dựng sự đồng thuận chủ động về cách sử dụng bền vững và thông thái.
Mục tiêu 7	Các chương trình giáo dục, nhất là giáo dục không chính quy và phi chính quy, có thể thúc đẩy bảo tồn năng lượng tốt hơn và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	Mục tiêu 15	Giáo dục và đào tạo nâng cao kỹ năng và năng lực làm nền tảng cho các sinh kế bền vững, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, nhất là ở những môi trường đang bị đe dọa.
Mục tiêu 8	Giữa các lĩnh vực như thịnh vượng kinh tế, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng thị trường lao động và trình độ giáo dục có mối quan hệ trực tiếp.	Mục tiêu 16	Học tập xã hội là yếu tố sống còn để thúc đẩy và đảm bảo các xã hội dân chủ, hòa nhập và công bằng, cũng như sự gắn kết xã hội.
Mục tiêu 9	Giáo dục là yếu tố cần thiết để phát triển những kỹ năng cơ bản để xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu hơn và thúc đẩy công nghiệp hóa bền vững hơn.	Mục tiêu 17	Học tập suốt đời nâng cao năng lực để hiểu biết và thúc đẩy các chính sách và thực tiễn phát triển bền vững.

Nguồn: ICSU và ISSC (2015).



Trẻ em dùng bảng đen làm điểm tựa để viết tại Trường Dan Saa, Ni-giê

TÁC GIẢ: TAGAZA DJIBO/UNESCO

HÀNH TINH

LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH TINH, CHÚNG TA PHẢI CÓ TƯ DUY MANG TÍNH TỔNG THỂ. GIÁO DỤC PHẢI DẠY CHO CON NGƯỜI CÁCH SUY NGHĨ THEO TINH THẦN TẬP THỂ CHỨ KHÔNG PHẢI THEO CÁ NHÂN. CHÚNG TA PHẢI CÙNG NHAU HÀNH ĐỘNG.



NHƯ VẬY, GIÁO DỤC CẦN PHẢI CÁN TRỌNG - NẾU CHÚNG TA CHỈ HỌC HỜI ĐỂ CẢI THIỆN SINH KẾ VÀ NÂNG CAO THU NHẬP, THÌ ĐIỀU ĐÓ CÓ THỂ DẪN TỚI NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG



CHÚNG TA CẦN HỌC TẬP NHỮNG KỸ NĂNG XANH MỚI VÀ HỌC CÁCH HÀNH XỬ MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM ĐỂ NGĂN CHẶN TÌNH TRẠNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬM



VÀ HÃY NHÌN QUANH TAI THƯỜNG THÌ CHÚNG TA KHÔNG PHẢI LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÀM TIÊN NGHĨ TỚI NHỮNG VẤN ĐỀ NÀY. CHÚNG TA CÓ THỂ HỌC HỜI TỪ CÁC CỘNG ĐỒNG BẢN ĐỊA. HỌ LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ CÁCH RIÊNG CỦA MÌNH ĐỂ SỐNG HÀI HÒA VỚI MẸ TRÁI ĐẤT.



NHÀ TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM MỌI THỨ ĐỂ ỨNG PHÓ VỚI MÔI TRƯỜNG. VÀ KHÔNG CHỈ CÓ CHÚNG TA - GIÁO VIÊN CỦA CHÚNG TA CŨNG CẦN PHẢI TÌM HIỂU VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬM!



TUY NHIÊN, VIỆC HỌC KHÔNG CHỈ DỪNG LẠI Ở NHÀ TRƯỜNG - CÁC CỘNG ĐỒNG VÀ DOANH NGHIỆP CẦN PHẢI KHÔNG NGỪNG TÌM RA NHỮNG CÁCH MỚI ĐỂ BẢO VỆ HÀNH TINH.



Giáo dục và phát triển bền vững: Mối liên hệ giữa chúng và tầm quan trọng của mối liên hệ đó

Hành tinh: Tính bền vững về môi trường

Hành động của con người, dù của cá nhân hay tập thể, đã tạo sức ép nặng nề lên hành tinh cũng như các sinh vật sống trên hành tinh. Vì rõ ràng loài người đang góp phần hủy hoại môi trường, nhanh chóng làm mất đi đa dạng sinh học và gây ra tình trạng biến đổi khí hậu, nên những hành động của họ cũng phải đưa ra giải pháp cho những thách thức này.

Giáo dục, kết hợp với những sáng kiến từ Chính phủ, xã hội dân sự và khu vực tư nhân, có thể đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi cần thiết sang các xã hội bền vững hơn về môi trường. Giáo dục định hình hệ thống các giá trị và quan điểm. Đồng thời, giáo dục cũng góp phần xây dựng các kỹ năng, khái niệm và công cụ có thể sử dụng để giảm thiểu hoặc ngăn chặn thông lệ thiếu bền vững.

Vai trò đa chiều của giáo dục trong việc thúc đẩy tính bền vững không phải lúc nào cũng mang tính tích cực. Giáo dục có thể góp phần vào những hành vi thông lệ không mang tính giảm bền vững, bao gồm tiêu dùng quá mức các nguồn lực, làm trầm trọng thêm tình trạng mai một tri thức và lối sống bản địa mang tính tương đối bền vững. Có lẽ cần phải định hình và chuyển đổi giáo dục theo hướng đảm bảo rằng tác động mà giáo dục mang lại có tính tích cực.

HÀNH VI CON NGƯỜI ĐÃ DẪN TỚI CUỘC KHỦNG HOẢNG MÔI TRƯỜNG

Ba trong số những nhân tố phổ biến nhất lý giải cách thức mà hành vi con người dẫn tới suy thoái môi trường gồm nhân khẩu học, lối sống hiện đại và hành vi cá nhân. Theo cách giải thích từ góc độ nhân khẩu học, hiện đang có quá nhiều người trên hành tinh của chúng ta: dân số toàn cầu đã tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 1950 – 2015, và dự kiến sẽ tăng thêm 1 tỷ người lên đến 8,5 tỷ vào năm 2030. Khái niệm về lối sống hiện đại để cập đến mức độ tiêu thụ tài nguyên trên đầu người cao hơn ở những người sinh sống tại các khu đô thị và các nước giàu có hơn. Những quốc gia có mức sống tăng lên nhanh chóng đã chứng kiến dấu chân sinh thái của họ tăng gần gấp đôi trong vòng 2 thập kỷ qua. Năm 2012, hầu hết các quốc gia có mức thu nhập cao đều có dấu chân sinh thái không bền vững. Lý giải hành vi con người coi các cá thể vừa là nguồn gốc sinh ra các vấn đề môi trường vừa là giải pháp tiềm năng cho những vấn đề đó thông qua, chẳng hạn các chính sách thúc đẩy tái chế, sử dụng xe đạp và các phương tiện xe cơ giới tiết kiệm nhiên liệu.

HỌC TẬP LÀ YẾU TỐ CĂN BẢN ĐỂ GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC NÀY

Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết các thách thức về môi trường. Giáo dục, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái, là phương tiện hữu hiệu nhất nhằm làm giảm tỷ lệ tăng dân số, làm tăng quyền tự chủ của phụ nữ đối với các quyết định liên quan đến sinh đẻ và thời gian mang thai. Giáo dục có thể cải thiện sinh kế bằng việc nâng cao thu nhập, và con người có trình độ chính là chìa khóa cho sự chuyển đổi các nền kinh tế và các hệ thống cung ứng lương thực. Giáo dục có thể tác động đến những hành vi môi trường của mỗi cá nhân lẫn tập thể thông qua các phương pháp học tập hiện đại, học tập truyền thống và học tập suốt đời.

CÁCH TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI: HỌC THÔNG QUA TRƯỜNG LỚP

“
Kết quả phân tích 78 chương trình giáo dục cấp quốc gia cho thấy rằng 55% trong số đó sử dụng thuật ngữ ‘sinh thái’ và 47% sử dụng thuật ngữ ‘giáo dục môi trường’.
 ”

Nhà trường giúp học sinh hiểu rõ được một vấn đề cụ thể về môi trường, hậu quả của nó cũng như những loại hành động cần thiết để giải quyết vấn đề đó. Kiến thức về môi trường đang ngày càng được lồng ghép vào chương trình giáo dục chính quy. Kết quả phân tích 78 chương trình giáo dục cấp quốc gia cho thấy rằng 55% trong số đó sử dụng thuật ngữ ‘sinh thái’ và 47% sử dụng thuật ngữ ‘giáo dục môi trường’.

Chẳng hạn, ở Ấn độ, sau khi có phán quyết của Tòa án Tối cao, năm 2003 các cơ quan nhà nước bắt đầu xây dựng đại trà nội dung giáo dục môi trường, theo đó hơn 300 triệu học sinh tại 1,3 triệu trường học được tiếp cận giáo dục môi trường.

HÌNH 1:**Mức độ phát triển con người cao đồng nghĩa với chi phí sinh thái cao**

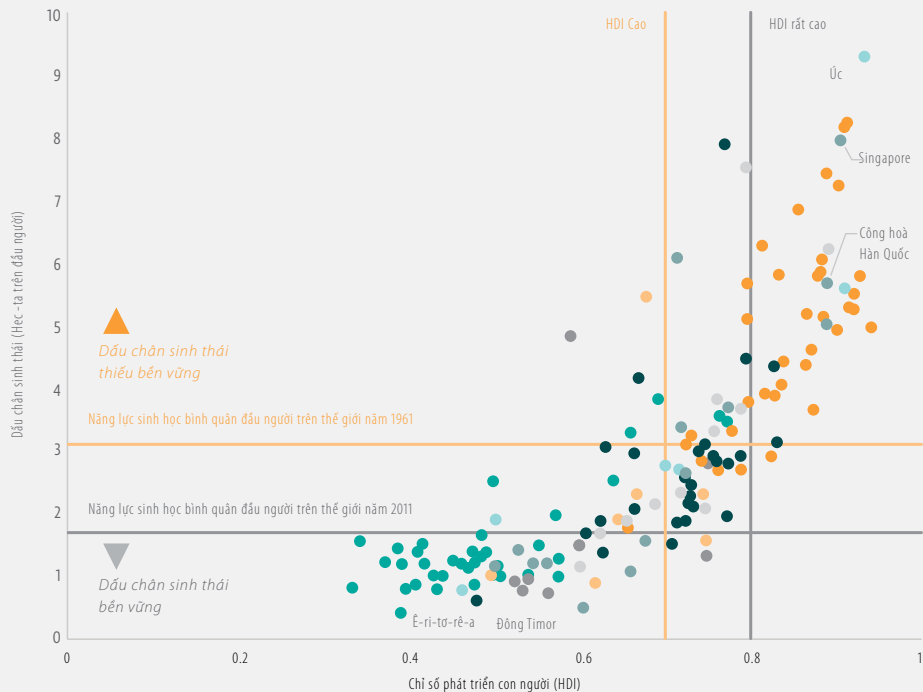
Tổng dấu chân sinh thái theo chỉ số phát triển con người, theo quốc gia, năm 2012

Một **dấu chân sinh thái** dưới 1,7ha trên đầu người, với dân số hiện tại và diện tích đất sản xuất và diện tích biến hiện có (sức tài sinh học), được xem là bền vững; trái đất có thể tái tạo việc khai thác tài nguyên của một quốc gia.

Chỉ số Phát triển Con người (HDI), đo Chương trình Phát triển LHQ giới thiệu) đo thành tựu trung bình của một quốc gia về sức khỏe, kiến thức và mức sống. Một mức HDI đạt từ 0,8 trở lên cho biết mức độ phát triển con người rất cao.

Chỉ số HDI cao của Singapore (0.91) gần với dấu chân sinh thái trên đầu người cao (7,97). Điều đó có nghĩa là, người dân ở Singapore, mặc dù sống một cuộc sống tốt đẹp, cũng có nhu cầu cao về tài nguyên.

- Đông Á và Đông Nam Á
- Châu Âu và Bắc Mỹ
- Châu Mỹ La-tinh và Vùng Ca-ri-bê
- Bắc Phi và Tây Á
- Thái Bình Dương
- Nam Á
- Tiểu vùng Sahara Châu Phi



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD dựa trên số liệu từ Mạng lưới Dấu chân Toàn cầu (2016).

Giáo dục môi trường khuyến khích lối sống bền vững, giảm thiểu chất thải, cải thiện việc sử dụng năng lượng, tăng cường sử dụng phương tiện giao thông công cộng, ủng hộ các chính sách và hành động vì môi trường. Ở E-xtô-ni-a và Thụy Điển, nơi phát triển bền vững được đưa thành nội dung không tách rời của chương trình giáo dục, trong Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (PISA) 2006, học sinh có khả năng trả lời chính xác các câu hỏi về khoa học môi trường hơn những em ở những nước không có nội dung này. Một số nhà trường đã áp dụng cách tiếp cận 'toàn trường' trong giáo dục môi trường. Nghiên cứu về những nhà trường này ở Vương Quốc Anh cho thấy có cải thiện trong tình hình của nhà trường cũng như tình trạng sức khỏe và kết quả học tập của học sinh, và giảm thiểu dấu chân sinh thái của nhà trường.

CÁCH TIẾP CẬN TRUYỀN THỐNG: HỌC THÔNG QUA CỘNG ĐỒNG

Tri thức truyền thống – đặc biệt là tri thức bản địa – về những lĩnh vực như nông nghiệp, sản xuất lương thực và bảo tồn đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy môi trường bền vững qua nhiều thế kỷ nay. Đã có nhiều ví dụ về những kinh nghiệm quản lý đất đai truyền thống của các cộng đồng bản địa hiện được công nhận rộng rãi trên phạm vi toàn cầu là những cách tiếp cận lý tưởng để bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì các quy trình vận hành của hệ sinh thái. Ở Cô-lôm-bi-a, Hội đồng các khu dân cư bền vững khu vực châu Mỹ (CASA) hiện đang áp dụng khái niệm *buen Vivir* (sống tốt), trong đó công nhận sự đóng góp của các cộng đồng bản địa, tại các nơi như dự án cộng đồng sinh thái đô thị, các làng bản bền vững truyền thống, và các trung tâm giáo dục bền vững.

Tri thức địa phương và bản địa đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành của hệ sinh thái, các hệ thống cảnh báo sớm thảm họa thiên tai, phòng chống và thích ứng biến đổi khí hậu. Sáng kiến hệ thống nông thôn bang Alaska (AKRSI) ở Mỹ, theo đó học sinh được tiếp xúc với những người lớn tuổi thuộc cộng đồng bản địa, là một ví dụ về việc nhà trường tiếp cận và lĩnh hội kiến thức bản địa. Việc giảng dạy tại nhà trường bằng các ngôn ngữ bản địa cũng góp phần chia sẻ kiến thức giữa các thế hệ.

CÁCH TIẾP CẬN HỌC TẬP SUỐT ĐỜI: HỌC THÔNG QUA CÔNG VIỆC VÀ ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT

Ngoài giáo dục chính quy, các cơ quan nhà nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức phi lợi nhuận và các nhóm cộng đồng; liên đoàn lao động và khu vực tư nhân đều có thể góp sức thay đổi hành vi của cá nhân và tập thể.

Các chiến dịch được Chính phủ hậu thuẫn có thể nâng cao nhận thức về một vấn đề môi trường, nêu bật những nguyên nhân của vấn đề và gợi ý cách khắc phục vấn đề đó. Năm 2015, Chính phủ Ê-ti-ô-pi-a và các đối tác đã phát động chiến dịch kéo dài 2 năm nâng cao nhận thức cho người dân nhằm khuyến khích sử dụng các sản phẩm chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo, văn hóa và xã hội có thể giúp phổ biến những giá trị và hành vi thân thiện với môi trường. Một số ví dụ bao gồm cuộc vận động bảo vệ môi trường của Giáo hoàng Francis, Đức Dalai Lama và Hiệp hội Hồi giáo về Ứng phó Biến đổi Khí hậu.

Nơi làm việc là địa chỉ hết sức quan trọng để học tập về môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã phát động các sáng kiến nhằm giảm thiểu dấu chân sinh thái của mình, đồng thời giáo dục cho đội ngũ nhân viên và công chúng về bảo vệ môi trường. Cuộc điều tra vào năm 2008 của Cơ quan thông tin kinh tế (EIU) cho biết trên 40% các nhà lãnh đạo doanh nghiệp toàn cầu thấy rằng điều rất quan trọng là phải hài hòa giữa các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với môi trường bền vững. Các liên đoàn lao động cũng thúc đẩy các thông lệ bền vững hơn tại nơi làm việc.

Thông qua các chiến dịch truyền thông, các dự án, quan hệ đối tác và các liên minh xanh, các tổ chức phi chính phủ (NGO) đóng vai trò sống còn trong việc huy động sự hỗ trợ của người dân cho công tác bảo tồn. Các nhóm vận động qua trang Web như Avaaz, với 44 triệu hội viên tại 194 quốc gia, giúp nâng cao nhận thức về môi trường bằng các sáng kiến như chiến dịch kéo dài suốt 2 năm nhằm cấm sử dụng thuốc trừ sâu đe dọa sự sống của loài ong.

ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐÒI HỎI PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP THEO HƯỚNG LÔNG GHÉP

Giáo dục nâng cao khả năng ứng phó của con người trước các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu. Đồng thời, giáo dục cũng khuyến khích sự hỗ trợ và tham gia của họ vào những hành động giảm nhẹ thảm họa thiên tai. Mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục có hiệu quả hơn trong việc ứng phó biến đổi khí hậu so với việc đầu tư vào cơ sở vật chất như xây dựng đê biển hay các hệ thống tưới tiêu. Giáo dục cho phụ nữ giúp giảm thiểu số ca thương vong liên quan đến thảm họa thiên tai. Kết quả dự báo chỉ ra rằng, nếu tiến độ thực hiện giáo dục bị đình trệ, thì số lượng ca thương vong trong tương lai liên quan đến thảm họa thiên tai sẽ tăng 20% mỗi thập kỷ. Những cộng đồng chịu nhiều rủi ro nhất từ các biến cố liên quan đến biến đổi khí hậu thường là ở những nước có trình độ giáo dục thấp và không đồng đều.

“
Nếu tiến độ thực hiện giáo dục bị đình trệ, thì số lượng ca thương vong trong tương lai liên quan đến thảm họa thiên tai sẽ tăng 20% mỗi thập kỷ.”

Giáo dục có thể giúp các cộng đồng phòng chống, ứng phó và thích ứng với các thảm họa thiên tai. Một nghiên cứu về Cuba, Cộng hòa Đô-mi-ni-ca và Haiti phát hiện ra rằng thiếu giáo dục và tỷ lệ biết chữ thấp đã cản trở người dân địa phương hiểu biết những cảnh báo thảm họa. Ở Phi-líp-pin, các cộng đồng địa phương đã phối hợp với các nhà quản lý giáo dục và các đối tác khác để dạy cho giới trẻ về thích ứng biến đổi khí hậu, theo đó giúp nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng.

THỊNH VƯỢNG

THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA ĐANG THAY ĐỔI NHANH CHÓNG, CẢ VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI LẤN KINH TẾ.



CHÚNG TA KHÔNG PHẢI LÚC NÀO CŨNG CHỈ MUA MUA MUA, VÀ SẢN XUẤT MÀ THIẾU CÂN TRỌNG. THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA CẦN PHÁT TRIỂN THEO CÁCH HÒA NHẬP TẤT CẢ MỌI NGƯỜI, VÀ BẢO VỆ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA CHO THẾ HỆ MẠI SAU.



ĐIỀU NÀY ĐỒNG NGHĨA VỚI VIỆC PHẢI HỌC HỎI VÀ TIẾP THU NHỮNG KỸ NĂNG MỚI CŨNG NHƯ KHÔNG NGỪNG HỌC TẬP TRONG SUỐT CUỘC ĐỜI CỦA CHÚNG TA.



CHẴNG HẠN, NGƯỜI NÔNG DÂN CÓ THỂ HỌC CÁCH TRỒNG THÊM NÔNG SẢN, VÀ TRỒNG THEO CÁCH KHÔNG LÀM HẠI ĐẾN MÔI TRƯỜNG.



CHÚ TRỌNG ĐẾN GIÁO DỤC CÓ THỂ GIÚP ĐỠ MỌI NGƯỜI - VÀ NÓI NHƯ VẬY CÒ NGHĨA LÀ TẤT CẢ MỌI NGƯỜI KHI ĐƯỢC GIÁO DỤC THÊM, CÒN NGƯỜI SẼ ĐƯỢC TRẢ CÔNG CAO HƠN, ĐỒNG THỜI CÓ THỂ THOÁT KHỎI NGHỀ ĐỒI.



SONG, GIÁO DỤC CŨNG PHẢI CÓ NHỮNG CÁI TIỀN - HIỆN TẠI MÁY TÍNH CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC RẤT NHIỀU VIỆC, VÌ VẬY SINH VIÊN CẦN PHẢI CÓ CÁC KỸ NĂNG CAO HƠN, VÀ NHỮNG KỸ NĂNG PHÙ HỢP VỚI THẾ GIỚI CÔNG VIỆC ĐANG KHÔNG NGỪNG THAY ĐỔI.



Thịnh vượng: các nền kinh tế hòa nhập và bền vững

Nền kinh tế thế giới cần trở nên hòa nhập và bền vững về môi trường nếu chúng ta muốn thực hiện thành công Chương trình nghị sự 2030. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi này.

Giáo dục và HTSD là những yếu tố cần thiết để đảm bảo việc sản xuất và tiêu dùng được bền vững, trang bị các kỹ năng để hình thành nền công nghiệp xanh, và định hướng giáo dục đại học và nghiên cứu tới sự sáng tạo xanh. Đồng thời, giáo dục và HTSD còn đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi các ngành kinh tế chủ chốt, chẳng hạn như nông nghiệp, vốn là chỗ dựa vững chắc cho các quốc gia cả giàu lẫn nghèo và các hộ gia đình.

Cùng với việc phải trở nên bền vững, nền kinh tế cũng phải trở nên hòa nhập hơn và bớt bất công hơn. Giáo dục có chất lượng có thể góp phần thực hiện các mục tiêu này. Một lực lượng lao động được đào tạo tốt hơn là nền tảng để đảm bảo tăng trưởng kinh tế theo hướng hòa nhập, chú trọng đến phúc lợi của con người. Giáo dục làm giảm nghèo bằng việc tăng khả năng tìm được việc làm tốt với mức thu nhập ổn định, đồng thời giúp thu hẹp khoảng cách thu nhập do các yếu tố về giới, địa vị kinh tế - xã hội và các yếu tố gây phân biệt đối xử khác.

XANH HÓA CÔNG NGHIỆP SẼ LÀM TĂNG NHU CẦU VỀ KỸ NĂNG

Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh đồng nghĩa với việc tạo nên các nền công nghiệp xanh và 'xanh hóa' các nền công nghiệp hiện hữu. Các nền công nghiệp xanh đã sử dụng một số lượng lớn nhân công, và dự kiến sẽ tăng đáng kể ở các nước có thu nhập thấp hơn. Chẳng hạn, các nguồn năng lượng tái tạo có lẽ chiếm gần nửa trong tổng mức tăng về sản lượng điện trên toàn cầu trong giai đoạn 2015-2040, đặc biệt là ở Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Mỹ La-tinh và Châu Phi.

Việc xây dựng các nền công nghiệp xanh phụ thuộc nhiều vào lực lượng lao động tay nghề cao có trình độ đào tạo đại học chuyên ngành; việc xanh hóa các nền công nghiệp hiện hữu đòi hỏi phải tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng cho những lao động có tay nghề thấp và trung bình, thường là đào tạo tại chỗ. Trong bối cảnh nền kinh tế đang trong quá trình thay đổi nhanh chóng, các nhà hoạch định chính sách và nhà giáo dục phải xác định cần đào tạo những kỹ năng gì.

Tính bền vững và tăng trưởng xanh đòi hỏi phải nâng cao đáng kể đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Để hệ thống giáo dục đại học có thể cung ứng đủ người có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực, cần phải có các chương trình đào tạo đa dạng và chuyên sâu tương ứng, cùng với các chương trình đào tạo liên ngành. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo chính phủ các nước cần tăng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực năng lượng lên gấp 5 lần mỗi năm để hoàn thành chuyển dịch nhanh chóng sang cường độ các-bon thấp.

GIÁO DỤC CÓ THỂ GIÚP CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP

“
Các chính sách về dạy nghề và kỹ năng giúp thu hẹp khoảng cách giữa người nông dân và công nghệ mới.
 ”

Trong giai đoạn 2015–2030, ngành nông nghiệp trên khắp thế giới phải đối mặt với thách thức chưa từng có tiền lệ. Đây là một trong những ngành kinh tế chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi sự suy thoái về môi trường và tạo ra 1/3 lượng phát thải khí nhà kính. Trong khi đó, tốc độ tăng dân số đòi hỏi phải tăng đáng kể nhưng bền vững sản lượng lương thực và phân phối các nguồn thực phẩm công bằng hơn.

Giáo dục là yếu tố sống còn cho việc sản xuất lương thực bền vững. Giáo dục tiểu học và trung học trang bị cho các thế hệ nông dân tương lai những kỹ năng cơ bản cũng như kiến thức cốt lõi về những thách thức liên quan đến tính bền vững trong nông nghiệp. Các chính sách về dạy nghề và kỹ năng giúp thu hẹp khoảng cách giữa người nông dân và công nghệ mới. Các chương trình giáo dục xóa mù chữ và chương trình khuyến nông có thể giúp người nông dân nâng cao năng suất. Nghiên cứu nông nghiệp gắn với giáo dục đại học giúp tạo ra những sáng kiến có thể nâng cao tính bền vững. Song, nhiều quốc gia và nhà tài trợ đã ngừng hoặc giảm đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu này. Điển hình là tỷ trọng cho nghiên cứu nông nghiệp công của tiểu vùng Sahara Châu Phi trong chi tiêu toàn cầu giảm từ 10% năm 1960 xuống còn 6% năm 2009.

GIÁO DỤC VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI ĐÓNG GÓP VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ DÀI HẠN

Tăng cường giáo dục tiểu học và trung học góp phần vào tăng trưởng kinh tế dài hạn. Thành tựu giáo dục ở các cấp học này giúp lý giải sự chênh lệch gấp đôi về tốc độ tăng trưởng giữa Đông Á và Tiểu vùng Sahara Châu Phi trong giai đoạn từ năm 1965 đến năm 2010. Giáo dục chất lượng tốt và lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao làm tăng năng suất và thúc đẩy thay đổi công nghệ. Sự chênh lệch về chất lượng giữa các hệ thống giáo dục giúp lý giải câu chuyện ‘thần kỳ’ ở Đông Á về tăng trưởng kinh tế hay ‘các thập kỷ bị đánh mất’ ở Châu Mỹ La-tinh. Để các quốc gia được thịnh vượng, đầu tư vào giáo dục trung học và giáo dục đại học có chất lượng tốt là điều kiện bắt buộc. Điều này đặc biệt đúng với Tiểu vùng Sahara Châu Phi, nơi có tỷ lệ nhập học thô giáo dục đại học chỉ đạt 8% vào năm 2014.

Nếu muốn giáo dục tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng, cần đảm bảo rằng giáo dục phải theo kịp sự vận động của thế giới việc làm đang thay đổi rất nhanh chóng. Công nghệ không chỉ làm tăng cầu về đội ngũ lao động có tay nghề cao mà còn làm giảm cầu đối với lực lượng lao động có kỹ năng trung bình, chẳng hạn như vị trí thư ký, nhân viên bán hàng và thợ đứng máy, vì công việc của những người này dễ tự động hóa hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến hàng triệu người trong tương lai: trong năm 2015, gần 2/3 tổng số việc làm rơi vào những nghề có kỹ năng trung bình.

“
Đến năm 2020, thế giới có thể sẽ thiếu 40 triệu lao động có trình độ đại học so với nhu cầu.”

Nhiều minh chứng chỉ ra rằng hầu hết các hệ thống giáo dục đều không bắt kịp nhu cầu của thị trường. Đến năm 2020, thế giới có thể sẽ thiếu 40 triệu lao động có trình độ đại học so với nhu cầu, đồng thời lại thừa tới 95 triệu người có trình độ thấp hơn.

” Những kỹ năng và năng lực được hình thành thông qua giáo dục phổ thông toàn diện – tư duy phản biện, làm việc theo nhóm và theo dự án, kiến thức vững chắc, kỹ năng thuyết trình và giao tiếp – vẫn được coi trọng trong thị trường lao động. Do đó, việc lĩnh hội được các kỹ năng cơ bản và có khả năng chuyển đổi là điều cực kỳ quan trọng để phục vụ công việc trong tương lai. Thách thức đối với hệ thống giáo dục các nước là làm thế nào để trang bị các kỹ năng đó cho học sinh một cách hiệu quả nhất.

GIÁO DỤC CÓ THỂ HỖ TRỢ HÒA NHẬP XÃ HỘI

Giáo dục là điều kiện tiên đề để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững và không bỏ mặc ai lại phía sau. Giáo dục thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao thu nhập của những người nghèo nhất và, nếu được phân bổ đồng đều, sẽ giảm thiểu bất bình đẳng. Nếu như 10 quốc gia thành viên gần đây của Liên minh Châu Âu (EU) đạt được các chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 trong việc cắt giảm tỷ lệ bỏ học sớm và tăng tỷ lệ nhập học đại học, thì họ có thể giảm được 3,7 triệu người có nguy cơ sống trong nghèo khó.

Tuy nhiên, tăng cường đào tạo và trang bị kỹ năng không phải lúc nào cũng được chuyển hóa đồng đều thành việc giảm thiểu bất bình đẳng xã hội. Song song với những nỗ lực mở rộng giáo dục bình đẳng, chính phủ các quốc gia cần chú trọng tới các chính sách tái phân bổ thu nhập trong xã hội nhằm giúp đảo ngược xu hướng thu nhập bất bình đẳng đang ngày càng gia tăng trong bản thân các quốc gia.

GIÁO DỤC CẢI THIỆN CÁC KẾT QUẢ CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Tỷ lệ thất nghiệp của người lao động có trình độ giáo dục thường thấp hơn các nhóm đối tượng khác, đặc biệt là ở các quốc gia giàu. Trong khối OECD, năm 2013 chỉ có 55% người lớn trong độ tuổi 25-64 chưa có trình độ THPT được tuyển dụng, so với 73% những người có trình độ THPT hoặc trung cấp và 83% những người có trình độ đại học. Ở những nước nghèo, mối quan hệ này thường khá yếu trong thanh niên, cho thấy cầu về lao động có tay nghề cao còn hạn chế và rằng hệ thống giáo dục ở các quốc gia đó chưa trang bị cho người học những kỹ năng phù hợp.

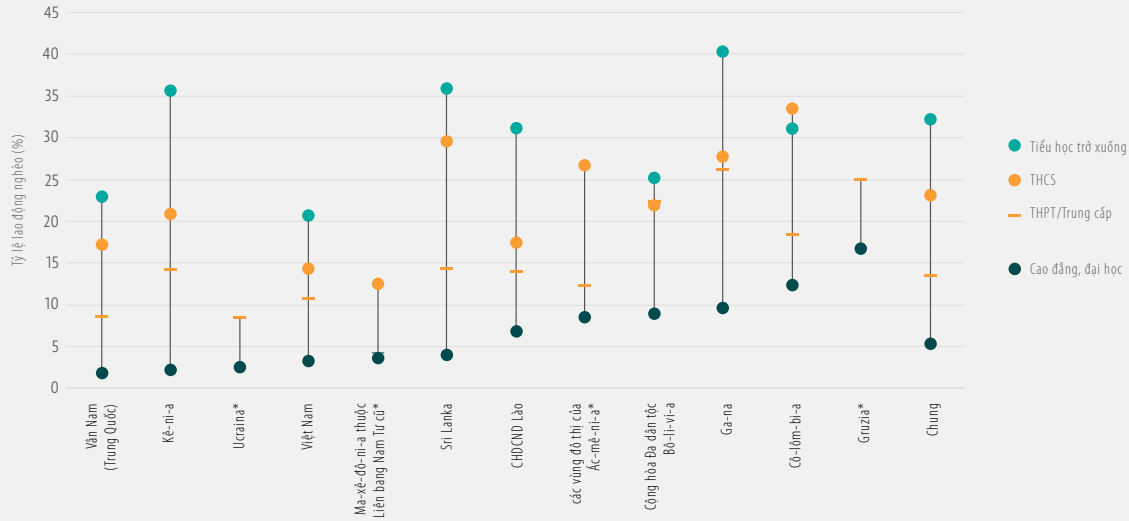
Giảm cách biệt trong giáo dục có thể làm tăng khả năng tiếp cận việc làm đầy đủ cho các nhóm đối tượng yếu thế. Kết quả phân tích phục vụ cho Báo cáo GSTCGD 2016 chỉ ra rằng nếu những người lao động có điều kiện thuận lợi và những người yếu thế có cùng trình độ đào tạo, thì sự chênh lệch trong việc tham gia làm các công việc có chất lượng thấp kém (lao động nghèo) có thể giảm 39%.

Giáo dục có mối liên hệ rõ ràng với mức thu nhập – xét trên cả 139 quốc gia, tỷ suất thu hồi trên mỗi năm học bổ sung là 9.7%. Những quốc gia nghèo hơn và thiếu lao động có tay nghề ghi nhận tỷ suất thu hồi cao nhất. Tuy nhiên, để đảm bảo người học được hưởng lợi nhiều nhất từ việc nâng cao trình độ học vấn đòi hỏi đầu tư cho giáo dục phải đi kèm với những chính sách kinh tế kích cầu đối với lao động có tay nghề.

HÌNH 2:

Trình độ giáo dục tăng lên đồng nghĩa với việc tham gia làm các công việc có chất lượng thấp kém giảm đi

Lao động nghèo (dưới 50% thu nhập trung bình hàng tuần) theo trình độ giáo dục tại 12 quốc gia có mức độ thu nhập thấp và trung bình



*Mẫu khảo sát này giới hạn ở các đối tượng lao động toàn thời gian (ít nhất 30 giờ/tuần) trong độ tuổi 15-64 và những người thiếu việc làm tại các vùng đô thị. Trình độ giáo dục được loại khỏi những quốc gia có dấu hoa thị do mức độ ghi nhận thấp.

Nguồn: Số liệu đang xử lý của STEP

Mặc dù tăng trưởng xanh mang lại nhiều cơ hội tăng việc làm, nhưng tình trạng mất việc là điều không thể tránh khỏi khi các ngành công nghiệp thiếu bền vững về môi trường bị đóng cửa. Do đó, cần phải có các chính sách HTSD mở rộng để thúc đẩy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giúp cho những đối tượng bị mất việc có thể dễ dàng chuyển sang những công việc mới.



Người đàn ông đứng trong đôi sắn đang được trồng bằng kỹ thuật cải tiến tại, Boukoko, Cộng hòa Trung Phi.

TÁC GIẢ: RICCARDO GANGALE/FAO

CON NGƯỜI

XÉT Ở MỘT PHƯƠNG DIỆN NÀO ĐÓ, CHÚNG TA ĐỀU KHÁC NHAU, NHƯNG NẾU XÉT Ở MỘT PHƯƠNG DIỆN KHÁC, CHÚNG TA ĐỀU NHỊ NHAU: TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU MUỐN ĐƯỢC ĐỜI XỬ BẰNG NHÂN PHẨM, MUỐN ĐƯỢC KHỎE MẠNH VÀ AN TOÀN.



NẾU CHÚNG TA MUỐN GIẢNG DẠY CHO TRẺ EM, CHÚNG CẦN PHẢI KHỎE MẠNH. VÀ NẾU BẠN MUỐN KHỎE MẠNH, BẠN CẦN BIẾT CÁCH TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN.



THẬT KHỔNG MAY, NHỮNG NGƯỜI CẦN ĐƯỢC GIÁO DỤC NHẤT THÌ THƯỜNG LẠI LÀ NHỮNG ĐỐI TƯỢNG BỊ TỬ CHỐI TIẾP CẬN.



VÀ BỊ TỬ CHỐI CẢ CÁC QUYỀN CƠ BẢN NỮA.

BÌNH ĐẲNG GIỚI CŨNG VẪN CÒN LÀ VẤN ĐỀ LỚN. HÃY NGHĨ XEM SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO LÀ PHỤ NỮ TRONG CHÍNH TRỊ VÀ KHỎI DOANH NGHIỆP CHỈ ĐẾM TRÊN ĐẦU NGÓN TAY! BẠO LỰC VỚI PHỤ NỮ, NGAY CẢ TRONG GIA ĐÌNH HỌ, LÀ ĐIỀU XẢY RA THƯỜNG NGÀY.



SONG, GIÁO DỤC CHO PHỤ NỮ GIÚP ĐẤM TRANH CHỐNG LẠI NHỮNG PHÁN XÉT KHÔNG ĐÚNG VỀ NHỮNG GÌ PHỤ NỮ CÓ THỂ VÀ NÊN LÀM. ĐỒNG THỜI GIÚP HỌ CÓ ĐƯỢC CƠ HỘI TỐT HƠN ĐỂ THAM GIA VÀO CHÍNH TRỊ VÀ TIẾP CẬN VIỆC LÀM TỐT.



NGOÀI RA, GIÁO DỤC CHO PHỤ NỮ CŨNG CẢI THIỆN TÌNH HÌNH SỨC KHỎE CỦA GIA ĐÌNH HỌ.

ĐÃ ĐẾN LÚC PHẢI CÙNG CHUNG TAY HÀNH ĐỘNG NẾU CHÚNG TA MONG MUỐN CHẤM DỨT TÌNH TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ



Con người: phát triển xã hội theo hướng hòa nhập

Phát triển xã hội đem lại những cải thiện về chất lượng cuộc sống và bình đẳng, đồng thời phù hợp với nguyên tắc dân chủ và công bằng. Giáo dục là đòn bẩy mạnh mẽ, và cũng là bình diện quan trọng, của phát triển xã hội. Giáo dục đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo rằng con người có thể sống cuộc sống chất lượng tốt và cải thiện đời sống của con cái họ. Giáo dục có thể tăng cường bình đẳng giới bằng việc trao quyền cho những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, mà phần lớn trong số họ là phụ nữ và trẻ em gái.

Giáo dục có mối liên hệ qua lại với các lĩnh vực khác, cũng giống như y tế, dinh dưỡng, nước và năng lượng đều có vai trò nòng cốt đối với giáo dục. Sức khỏe của trẻ em quyết định đến khả năng học tập của các em, cơ sở y tế có thể được dùng là cơ sở đào tạo, và đội ngũ giáo viên khỏe mạnh là yếu tố không thể thiếu đảm bảo ngành giáo dục hoạt động tốt.

Suy cho cùng, chúng ta cần phải có cách tiếp cận tổng thể trong phát triển con người để giải quyết những thách thức của đói nghèo đa chiều.

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI THEO HƯỚNG HÒA NHẬP LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ ĐẢM BẢO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG CHO MỌI NGƯỜI

Phát triển xã hội theo hướng hòa nhập đòi hỏi phải phổ cập các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế, nước, vệ sinh, năng lượng, nhà ở và giao thông, một kịch bản rất xa vời so với thực tế hiện nay. Bất chấp những tiến bộ đạt được, bình đẳng giới theo đúng nghĩa của nó vẫn còn khá mong lung ở hầu hết các quốc gia – chẳng hạn, phụ nữ phải làm ít nhất gấp đôi các công việc không lương so với nam giới, và thường phải làm việc trong khu vực phi chính thức.

“
phụ nữ phải làm ít
nhất gấp đôi các công
việc không lương so
với nam giới.”

Phát triển xã hội theo hướng hòa nhập đòi hỏi phải giải quyết tình trạng bị loại trừ và phân biệt đối xử vốn ăn sâu vào tiềm thức đối với phụ nữ, người khuyết tật, cư dân bản địa, các đồng bào dân tộc và ngôn ngữ thiểu số, người tị nạn và các đối tượng di cư, cùng nhiều nhóm thiệt thòi và dễ tổn thương khác. Để thay đổi những chuẩn mực có tính chất phân biệt đối xử, đồng thời trao quyền năng cho phụ nữ và nam giới, cần phải cải thiện giáo dục cũng như kiến thức để tác động đến hệ thống các giá trị và thái độ.

Nhiều nhóm bị loại trừ khỏi tiếp cận giáo dục và giáo dục chất lượng, bao gồm các nhóm chủng tộc, các đồng bào dân tộc và ngôn ngữ thiểu số, người khuyết tật, người di cư, dân cư sống trong khu ổ chuột, trẻ bị nhiễm HIV, trẻ ‘không đăng ký’ và trẻ mồ côi. Sự chênh lệch về mức độ thu nhập; khác biệt về vị trí địa lý, loại hình dân tộc, và giới tính đều là những yếu tố lý giải cho hiện tượng loại trừ trong giáo dục ở nhiều quốc gia. Cho đến nay, nghèo đói vẫn là rào cản lớn nhất trong tiếp cận giáo dục. Trong số những thanh niên độ tuổi 20-24 tại 101 quốc gia có thu nhập thấp tới trung bình, trung bình số năm học ở trường của những người nghèo nhất ít hơn những người giàu nhất 5 năm; mức chênh lệch giữa người sống trong các khu ổ chuột và người dân thành thị là 2,6 năm, trong khi giữa nữ giới và nam giới là 1,1 năm.

Những yếu tố trên đây thường bị chông chéo với nhau. Chẳng hạn, phụ nữ có hoàn cảnh nghèo khó, bị cô lập về mặt dân tộc hoặc không gian địa lý, thường có trình độ học vấn kém hơn nhiều so với nam giới có cùng hoàn cảnh. Ở phần lớn các quốc gia, chỉ có gần một nửa số phụ nữ nghèo nông thôn là có các kỹ năng biết chữ cơ bản. Ở những quốc gia như Afghanistan, Bénin, CH Chad, Ê-ti-ô-pi-a, Ghi-nê, Pa-kít-tan và Nam Sudan, nơi sự chênh lệch vẫn còn hết sức nghiêm trọng, nhiều phụ nữ trẻ nghèo thường chưa học hết một năm trong nhà trường.

GIÁO DỤC GIÚP CẢI THIỆN THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Giáo dục có thể cải thiện thành tựu phát triển xã hội trên nhiều lĩnh vực, tiêu biểu là y tế và địa vị của phụ nữ. Giáo dục trang bị những kiến thức và kỹ năng cụ thể về y tế và dinh dưỡng, qua đó làm thay đổi hành vi cải thiện điều kiện y tế. Ở Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Pa-ra-goay và Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a, những bệnh nhân có trình độ giáo dục thấp chỉ được tiếp cận với đội ngũ bác sĩ có tay nghề thấp.

Những hoạt động dịch vụ ở nhà trường, chẳng hạn như cung cấp các bữa ăn và chiến dịch vận động chăm sóc y tế, có thể có tác động tức thì đến tình trạng sức khỏe. Hơn nữa, các bữa ăn tại trường có thể làm tăng tỷ lệ đi học. Ở khu vực nông thôn miền bắc Buốc-ki-na Pha-xô, bữa ăn trưa phục vụ tại trường hàng ngày và khẩu phần ăn mang về giúp tăng tỷ lệ nhập học nữ thêm từ 5 đến 6 điểm phần trăm sau một năm triển khai.

Những hoạt động dịch vụ ở nhà trường có thể cung cấp các thông tin về tình trạng sức khỏe và dẫn tới sự thay đổi hành vi. Những dịch vụ về nước sạch, vệ sinh trong nhà trường giúp cải thiện sự bình đẳng trong chăm sóc sức khỏe, điều kiện kinh tế và giới. Ở Phần Lan, các bữa ăn tại trường được xem là khoản đầu tư cho học tập và là cách để giảng dạy cho học sinh những thói quen ăn uống lâu bền cũng như nâng cao nhận thức về các lựa chọn thức ăn.

“
Ở Ni-giê-ri-a, người ta ước
tính, với 4 năm học thêm ở
trường, tỷ lệ sinh của các em
gái có thể giảm 1 con trên
mỗi em.”

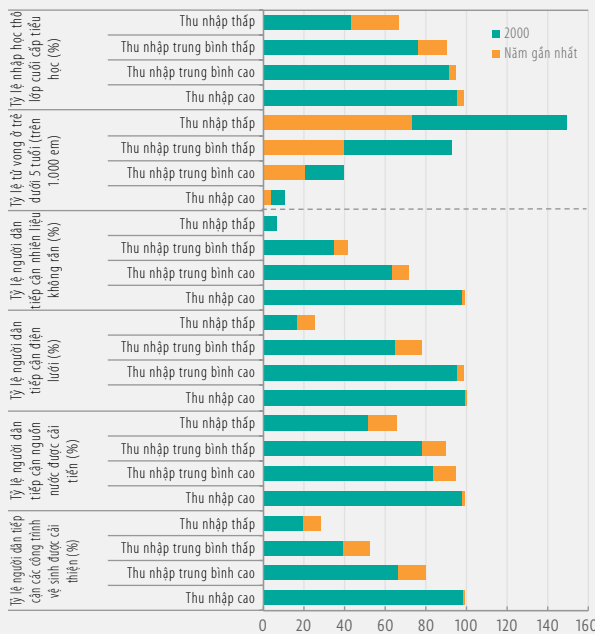
Các bà mẹ có trình độ giáo dục cao sẽ hiểu biết hơn trong việc ăn uống của các con và đảm bảo tình trạng sức khỏe tốt cho con mình. Ngoài ra, trình độ giáo dục của các bà mẹ còn có tác động liên hệ rất lớn, làm thay đổi tư duy gia đình và các chuẩn mực xã hội. Ở Ni-giê-ri-a, người ta ước tính, với 4 năm học thêm ở trường, tỷ lệ sinh của các em gái có thể giảm 1 con trên mỗi em. Các chương trình giáo dục ngắn hạn dành cho các bà mẹ có con nhỏ có thể tác động đáng kể đến sức khỏe và dinh dưỡng. Các chương trình giáo dục không chính quy theo đối tượng mục tiêu có thể rất hữu hiệu giúp phụ nữ lập kế hoạch sinh con.

Giáo dục có thể giảm tỷ lệ tử vong ở bà mẹ. Tăng thời gian giáo dục cho nữ giới từ 0 lên 1 năm sẽ giúp tránh được 174 trường hợp tử vong ở bà mẹ trên 100.000 ca sinh đẻ.

HÌNH 3:

Tới nay đã có nhiều tiến bộ trong việc cải thiện giáo dục cơ bản và điều kiện chăm sóc y tế cũng như cung ứng các dịch vụ thiết yếu, nhưng vẫn còn nhiều thách thức lớn

Tiếp cận dịch vụ cơ bản, cải thiện về kết quả giáo dục và điều kiện chăm sóc y tế, năm 2000 và năm gần nhất



Chú thích: 'Năm gần nhất' là năm 2012 đối với việc tiếp cận nhiên liệu không rắn và điện lưới, năm 2014 đối với tỷ lệ nhập học thời lớp cuối cấp tiểu học, và năm 2015 đối với tiếp cận các công trình nước và vệ sinh và tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi.

Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện TK UNESCO và Ngân hàng Thế giới (2016).

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC

Giống như giáo dục có tác động tích cực đến phát triển xã hội, phát triển xã hội nếu không có tính hòa nhập cũng ảnh hưởng đến giáo dục, cả tích cực lẫn tiêu cực. Sức khỏe và dinh dưỡng hình thành nền tảng cho các hệ thống giáo dục: đây là những nhân tố giúp đảm bảo khả năng đến trường và học tập của trẻ em, cũng như khả năng hỗ trợ cho các em từ phía gia đình. Ở Kê-ni-a, những em gái được tẩy giun có khả năng vượt qua kỳ thi tốt nghiệp tiểu học toàn quốc cao hơn 25% so với các em khác. Điều kiện sống thời thơ ấu cũng đặt nền móng cho việc học tập. Khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng đối với giáo viên có thể giảm tỷ lệ vắng mặt và nghỉ việc ở các đối tượng này.

Khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, vệ sinh và nguồn năng lượng có ảnh hưởng tích cực đến giáo dục. Ở Ga-na, việc giảm một nửa thời gian đi lấy nước giúp tăng tỷ lệ đi học ở trẻ em gái, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Ở vùng nông thôn Pê-ru, khi mà số hộ gia đình được tiếp cận điện lưới tăng từ 7,7% năm 1993 lên 70% năm 2013, thì thời gian học tập của trẻ em tăng 93 phút mỗi ngày.

CÂN PHẢI CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP CÂN THIỆP XÃ HỘI VÀ GIÁO DỤC MANG TÍNH LỒNG GHÉP

Những tiến bộ về cân bằng giới trong giáo dục vẫn chưa được chuyển đổi một cách có hệ thống thành bình đẳng giới. Chẳng

hạn, ở các quốc gia Châu Á như Nhật Bản và Cộng hòa Hàn Quốc, mặc dù tình hình giáo dục của phụ nữ đã tăng lên, nhưng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ vẫn còn hạn chế bất luận nhu cầu về lực lượng lao động có trình độ ngày càng tăng do cơ cấu lao động đang trên đà già hóa. Tương tự, sẽ không thể nào thay đổi một cách bền vững các hành vi liên quan đến sức khỏe chỉ bằng những can thiệp về giáo dục.

Thực trạng trên cho thấy sự cần thiết phải có những can thiệp và chính sách bao quát hơn, lồng ghép giáo dục vào những hành động như thay đổi luật pháp hay các chính sách về lực lượng lao động. Những chương trình bảo trợ xã hội có mục đích giảm rủi ro và tính dễ tổn thương – chẳng hạn như lương hưu, hỗ trợ tiền mặt và tài chính vi mô – đều có thể có tác động trong nhiều lĩnh vực, từ việc giảm nghèo để cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục. Chẳng hạn, các chính sách thân thiện với gia đình và cơ chế làm việc linh hoạt có thể khuyến khích duy trì tham gia lực lượng lao động ở nữ giới.

Khắc phục tình trạng định kiến giới thông qua những chương trình trong đó có sự tham gia của cả nam giới và nữ giới có thể có hiệu quả. Ở Bra-xin, Sáng kiến mang tên 'Chương trình H' đã được triển khai bao gồm các lớp giáo dục theo nhóm đối tượng, các chiến dịch vận động do thanh niên làm chủ nhằm thay đổi tư duy của nam giới trẻ tuổi về khuôn mẫu giới; chương trình này đã được áp dụng ở trên 20 quốc gia.



Selina Akter, sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Hộ sinh, sắm vai người mẹ trong lúc các sinh viên cùng thực hành chăm sóc sau sinh tại Viện Điều dưỡng Dinajpur, Băng-la-đét.

HÒA BÌNH

TÌNH TRẠNG XUNG ĐỘT LÀM HỦY HOẠI GIÁO DỤC. NHÀ TRƯỜNG, HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN HIỆN ĐANG BỊ TẤN CÔNG VÀ BỊ CHỨC PHẢI DI DỜI.



TUY NHIÊN, XUNG ĐỘT KHIẾN CHO CÔNG TÁC GIÁO DỤC THẬM CHỈ TRỞ NÊN QUAN TRỌNG HƠN.



TÌNH TRẠNG XUNG ĐỘT LÀM HỦY HOẠI GIÁO DỤC. NHÀ TRƯỜNG, HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN HIỆN ĐANG BỊ TẤN CÔNG VÀ BỊ CHỨC PHẢI DI DỜI.



KHI CHÚNG TA ĐƯỢC GIÁO DỤC, NHIỀU KHẢ NĂNG CHÚNG TA SẼ BỎ PHIÊM, VÀ BIỂU TÌNH TRẠNG HÒA BÌNH, THAY VÌ DÙNG SÚNG ĐẠN.



VÀ NẾU CHÚNG TA KHÔNG THỂ ĐỌC ĐƯỢC CÁC VĂN BẢN HAY HIỂU ĐƯỢC CÁC QUYỀN LỢI VỀ PHÁP LÝ CỦA MÌNH, THÌ LÀM SAO CHÚNG TA CÓ THỂ



LOẠI HÌNH GIÁO DỤC PHÙ HỢP CHÍNH LÀ CÔNG CỤ PHÒNG NGỪA HỮM HIỆU, NGAY CẢ KHI VẤN ĐỀ NÀY KHÔNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC THỎA



Hòa bình: tham gia chính trị, hòa bình và tiếp cận công lý

Bạo lực dai dẳng và xung đột vũ trang triển miên gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn và chất lượng cuộc sống con người. Việc phòng ngừa bạo lực và duy trì hòa bình bền vững đòi hỏi phải có các thiết chế dân chủ và mang tính đại diện cũng như các hệ thống tư pháp hoạt động hiệu quả. Giáo dục là yếu tố quan trọng trong việc tham gia chính trị, hòa nhập, vận động chính sách và dân chủ. Mặc dù giáo dục có thể góp phần gây ra xung đột, nhưng giáo dục cũng có thể làm giảm hoặc xóa bỏ nó. Giáo dục có thể đóng vai trò quan trọng trong công cuộc kiến tạo hòa bình và giúp khắc phục những hậu quả đáng báo động của việc lơ là trong quy trình này. Các sáng kiến giáo dục, nhất là những sáng kiến được các tổ chức xã hội dân sự khởi xướng và điều hành, có thể giúp các nhóm đối tượng thiệt thòi tiếp cận được công lý.

GIÁO DỤC VÀ BIẾT CHỮ TĂNG CƯỜNG THAM GIA VÀO CHÍNH TRỊ

Giáo dục làm tăng kiến thức về các nhà lãnh đạo chính trị quan trọng cũng như sự vận hành của các hệ thống chính trị. Các cá nhân cần có thông tin và kỹ năng để đăng ký bầu cử, hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của quá trình bầu cử, đồng thời quan tâm đến kết quả bầu cử. Ở miền Tây Kê-ni-a, chương trình học bổng dành cho các đối tượng trẻ em gái thuộc các đồng bào dân tộc yếu thế về chính trị đã giúp tăng tỷ lệ tham gia giáo dục trung học, đồng thời tăng cường kiến thức về chính trị cho các em. Ở Pa-kít-xtan, chiến dịch nâng cao nhận thức cho cử tri trước cuộc bầu cử năm 2008 đã giúp tăng xác suất bỏ phiếu ở phụ nữ thêm 12 điểm phần trăm. Ở Ni-giê-ri-a, chiến dịch phòng chống bạo lực trước cuộc bầu cử năm 2007 đã giúp giảm sự hăm dọa và tăng tỷ lệ bỏ phiếu thêm 10% ở cử tri.

Trình độ giáo dục cao cũng có thể giúp người ta có lối tư duy phản biện và quan tâm đến chính trị, đồng thời có thể tăng sự đại diện cho các nhóm đối tượng thiệt thòi. Học sinh nhiều khả năng tham gia chính trị thông qua các chương trình giáo dục công dân được thiết kế công phu và một môi trường học tập mở trong đó hỗ trợ thảo luận các chủ đề gây tranh cãi và cho phép học sinh được lắng nghe và bày tỏ các quan điểm khác biệt. Một nghiên cứu trên 35 quốc gia đã chỉ ra rằng sự cởi mở trong các cuộc thảo luận trên lớp làm tăng ý định tham gia chính trị của người học. Ở It-xra-en và I-ta-li-a, một môi trường lớp học cởi mở, dân chủ được xem là yếu tố giúp học sinh quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề chính trị và công dân.

Có mối liên hệ chặt chẽ giữa trình độ giáo dục cao hơn và sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan ra quyết định ở cấp trung ương và địa phương. Việc gia tăng đại diện của phụ nữ trong các tổ chức chính trị và cơ quan công quyền có thể giúp làm giảm sự cách biệt về giới trong giáo dục bằng việc cung cấp các hình mẫu cho phụ nữ nói chung, đồng thời nâng cao tinh thần hiếu học của họ. Ở khắp 16 bang lớn nhất Ấn Độ, số lượng phụ nữ tham gia chính trị ở cấp quận tăng thêm 10% đã kéo theo sự gia tăng 6% về tỷ lệ hoàn thành tiểu học, đồng thời có sự tác động lớn hơn đối với giáo dục trẻ em gái.

“
Trình độ biết chữ được
nâng cao chính là yếu tố
đóng góp vào hơn một
nửa các cuộc chuyển
giao sang chế độ dân
chủ trong giai đoạn từ
1870 đến năm 2000.”

Giáo dục giúp đảm bảo rằng những công dân có nhiều bức xúc sẽ thể hiện sự bức xúc của họ thông qua các phong trào dân sự phi bạo lực, chẳng hạn như biểu tình dân sự, tẩy chay, đình công, mít-tinh, biểu tình chính trị, từ chối hợp tác và phản kháng. Ở khắp 106 quốc gia trong suốt 55 năm qua, các nhóm dân tộc có trình độ giáo dục cao hơn thường tham gia các cuộc biểu tình phi bạo lực.

Khả năng tiếp cận rộng rãi và bình đẳng tới giáo dục chất lượng giúp duy trì các thông lệ và thiết chế mang tính dân chủ. Trình độ biết chữ được nâng cao chính là yếu tố đóng góp vào hơn một nửa các cuộc chuyển giao sang chế độ dân chủ trong giai đoạn từ 1870 đến năm 2000.

GIÁO DỤC VÀ XUNG ĐỘT: MỐI QUAN HỆ PHỨC TẠP

Nghèo đói, thất nghiệp và thất vọng bắt nguồn từ việc thiếu một nền giáo dục có chất lượng có thể là tác nhân thúc đẩy gia nhập các phần tử vũ trang. Ở Xi-ê-ra lê-ôn, những thanh niên thất học có nguy cơ gia nhập các nhóm bạo động cao hơn 9 lần so với những thanh niên có ít nhất trình độ trung học. Bất bình đẳng trong giáo dục làm cho vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Số liệu từ 100 quốc gia trong suốt giai đoạn 50 năm qua chỉ ra rằng những quốc gia nào có khoảng cách chênh lệch trong giáo dục càng lớn thì họ càng dễ có nguy cơ rơi vào tình trạng xung đột. Song, giáo dục nhiều hơn không phải là một 'liều thuốc chữa bách bệnh': khi trình độ giáo dục tăng lên mà thị trường lao động lại trì trệ, thì sự bức xúc có thể càng trở nên sục sôi hơn.

Những nhà trường nuôi dưỡng sự thành kiến, thiếu khoan dung và xuyên tạc lịch sử có thể trở thành mầm mống của bạo lực. Ở nhiều quốc gia, người ta phát hiện ra rằng chương trình giáo dục và tài liệu học tập củng cố sự rập khuôn và làm cho sự bức xúc về chính

“
Số liệu từ 100 quốc gia trong suốt giai đoạn 50 năm qua chỉ ra rằng những quốc gia nào có khoảng cách chênh lệch trong giáo dục càng lớn thì họ càng dễ có nguy cơ rơi vào tình trạng xung đột.”

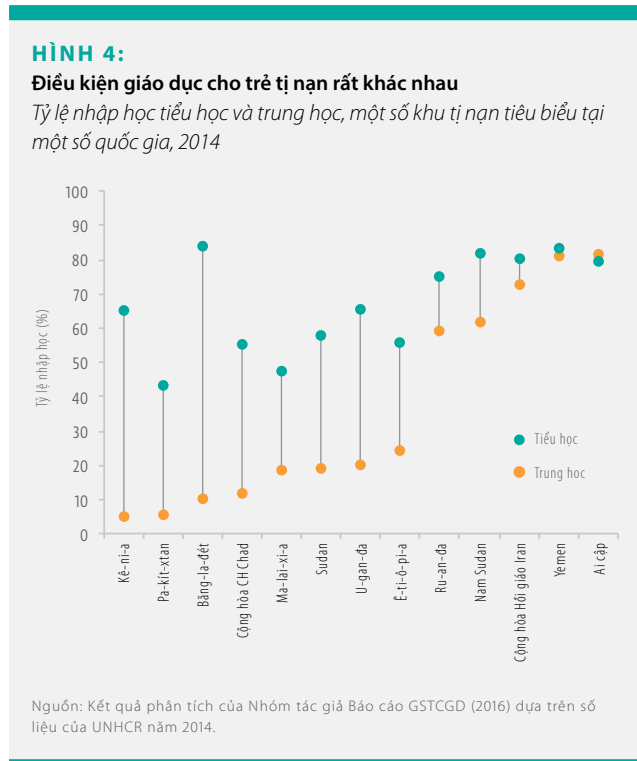
trị và xã hội càng trở nên trầm trọng hơn. Ở Ru-an-đa, việc rà soát các chính sách và chương trình giáo dục trong giai đoạn 1962–1994 chỉ ra rằng nội dung giáo dục góp phần kỳ thị và xếp người Hutu và người Tutsi vào các nhóm yếu thế. Ngôn ngữ trong giáo dục cũng có thể là yếu tố dẫn đến những bức xúc to lớn hơn.

Xung đột vũ trang là một trong những rào cản lớn nhất đối với tiến bộ trong giáo dục. Ở những quốc gia chịu ảnh hưởng của xung đột, 21,5 triệu trẻ em độ tuổi tiểu học (chiếm 35% tổng số) và gần 15 triệu trẻ vị thành niên độ tuổi THCS (25%) là những đối

tượng ngoài nhà trường. Ở Cộng hòa Ả-rập Xy-ri, có hơn nửa triệu trẻ em ngoài nhà trường năm 2013. Nhà trường thường được dùng vào các mục đích quân sự. Giáo viên chịu nhiều rủi ro: ở Cô-lôm-bi-a, 140 giáo viên bị sát hại trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2013. Nhiều nơi vẫn còn tồn tại hiện tượng tuyển mộ ép buộc tràn lan trẻ em vào các nhóm vũ trang.

Dân tị nạn chính là thách thức rất lớn đối với các hệ thống giáo dục. Trẻ em và vị thành niên tị nạn có nguy cơ thất học cao hơn gấp 5 lần so với những em không phải tị nạn. Tại một số khu vực tị nạn, tỷ lệ học sinh/giáo viên cao tới 70:1 và nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn.

Giáo dục có thể giúp giải quyết sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc và tôn giáo. Song ở những nơi nhà trường vẫn duy trì tình trạng phân biệt thông qua sự phân biệt về chương trình giảng dạy hay trường học, thì những nơi đó có thể gieo vào tâm trí người học thái độ phân biệt đối xử. Ở Bosnia và Herzegovina, các nhà trường được tách biệt theo dân tộc và ngôn ngữ kể từ sau khi kết thúc chiến tranh năm 1996. Nội dung chương trình có thể củng cố hay chia rẽ các mối quan hệ giữa những nhóm người với nhau sau xung đột. Thành công của bất kỳ công cuộc đổi mới chương trình giáo dục nào cũng phụ thuộc vào việc có lực lượng giáo viên tâm huyết, yêu nghề và đạt chuẩn nghề nghiệp hay không.



Chương trình giáo dục chính quy và không chính quy về hòa bình được thiết kế công phu có thể giúp học sinh bớt hung bạo, tình trạng bắt nạt học đường và tham gia vào xung đột bạo lực của học sinh. Giáo dục cần được lồng ghép vào các chương trình nghị sự xây dựng hòa bình quốc tế, nhưng thực tế các vấn đề về an ninh lại hay được ưu tiên hơn. Trong số 37 hiệp định hòa bình được ký kết trong khoảng thời gian từ 1989 đến 2005, có tới 11 hiệp định không hề đề cập đến giáo dục.

GIÁO DỤC CÓ THỂ ĐÓNG VAI TRÒ NÒNG CỐT TRONG VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ

Một hệ thống tư pháp hoạt động hiệu quả là yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo duy trì xã hội hòa bình. Tuy nhiên, nhiều công dân còn thiếu kỹ năng tiếp cận các hệ thống tư pháp phức tạp. Năm 2011, theo kết quả điều tra đối tượng sử dụng tòa án tại Cộng hòa Mác-xi-đô-ni-a trực thuộc Nam Tư cũ, chỉ có 32% người có trình độ tiểu học được cung cấp đầy đủ hoặc một phần thông tin về hệ thống tư pháp cũng như các cuộc cải cách tư pháp, so với 77% người có trình độ đại học. Các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng có thể giúp nâng cao hiểu biết về quyền pháp lý, nhất là đối với các nhóm thiệt thòi.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực tư pháp và thực thi pháp luật là điều rất cấp thiết. Công tác bồi dưỡng và nâng cao năng lực không đầy đủ có thể cản trở công tác tư pháp và dẫn đến những chậm trễ, sai sót hoặc thiếu sót trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, thiếu thực thi, và lạm dụng. Ở Haiti, cảnh sát quốc gia, chỉ trong vòng 5 năm nhờ có chương trình đào tạo và huấn luyện tuyển dụng của Liên Hợp Quốc kéo dài 7 tháng, đã chuyển đổi từ một cơ quan nhà nước ít được tin nhiệm nhất trở thành cơ quan được tin nhiệm nhất.



Trẻ em nhìn qua cửa sổ phòng học đã bị hư hỏng tại Trường Tiểu học Yerwa, Maiduguri, bang Borno, do Nhóm hồi giáo cực đoan Boko Haram tàn phá trong các cuộc tấn công vào năm 2010 và 2013. Thành lập năm 1915, đây là trường tiểu học đầu tiên tại miền Đông bắc Ni-giê-ri-a.

NƠI CHỒN

CÁC THÀNH PHỐ ĐANG NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN VÀ THAY ĐỔI NHANH CHÓNG, ĐẶC BIỆT LÀ Ở NHỮNG NƯỚC NGHÈO HƠN.



NGƯỜI TA THƯỜNG ĐI CHUYẾN TỚI NHỮNG THÀNH PHỐ ĐỂ CÓ THỂ TIẾP CẬN CÁC CƠ HỘI TỐT HƠN, TUY NHIÊN VIỆC CÓ NHIỆM NẶNG HƠN SẼ ĐẶT THÊM GÁNH NẶNG LÊN KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG DỊCH VỤ.



GIÁO DỤC GIÚP CON NGƯỜI TÌM ĐƯỢC VIỆC LÀM, VÀ BIẾN CÁC THÀNH PHỐ THÀNH NHỮNG NƠI CÓ SỨC HẤP DẪN THU HÚT MỌI NGƯỜI



VÀ CHÚNG TA CŨNG CÓ THỂ GIÁO DỤC CHO CÁC KHU ĐÔ THỊ TRỞ NÊN XANH HƠN!



THẬM CHÍ CÒN HƠN THẾ NỮA - LOẠI HÌNH GIÁO DỤC PHÙ HỢP CÓ THỂ GIÁM THIỂM TÌNH TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, TỘI PHẠM VÀ GIÚP XÂY DỰNG CÁC CỘNG ĐỒNG VỮNG MẠNH HƠN.



ĐẶC BIỆT KHI CÁC THỊ TRƯỞNG VÀ CÁC NHÀ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ LẮNG NGHE NHÌU CÂM CỦA CHÚNG TA



Nơi chốn: các thành phố và khu định cư

Đô thị hóa là một trong những xu hướng nhân khẩu học vô cùng quan trọng hiện nay – hơn nửa thế giới sống tại các thành phố và khu vực thành thị, và hầu hết các dự báo tăng trưởng dân số đô thị tới năm 2050 sẽ diễn ra ở các thành phố có mức thu nhập thấp. Báo cáo GSTCGD xem xét những ảnh hưởng của các thành phố và tình trạng đô thị hóa đến giáo dục, cũng như những ảnh hưởng của giáo dục đến các vấn đề đô thị.

Phạm vi và tốc độ thay đổi đô thị đòi hỏi phải có quản trị hiệu quả, sự mềm dẻo và đổi mới sáng tạo. Giáo dục phải được lồng ghép vào công tác quy hoạch đô thị nhằm đảm bảo rằng nhu cầu và quyền giáo dục của mọi người đều được đáp ứng khi dân số đô thị thay đổi. Tuy nhiên, giáo dục hầu như bị thiếu vắng trong các cuộc thảo luận quan trọng về phát triển đô thị. Các bên liên quan tới giáo dục và các nhà lãnh đạo đô thị cần vận động chính sách và chỉ đạo quyết liệt hơn nữa nếu muốn giáo dục có chỗ đứng trong các cuộc thảo luận về tương lai của các thành phố.

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THÀNH PHỐ TỚI QUY HOẠCH GIÁO DỤC

Trên phạm vi toàn cầu, khoảng 50% tăng trưởng đô thị là do tăng trưởng dân số tự nhiên và 50% còn lại là do di cư từ khu vực nông thôn. Sự tăng trưởng đó làm tăng nhu cầu về giáo dục cơ bản, HTSĐ, phát triển kỹ năng và đội ngũ giáo viên, đồng thời làm tăng sự cần thiết phải thúc đẩy sự gắn kết xã hội và lòng khoan dung đối với đa dạng văn hóa thông qua giáo dục, bao gồm những người sống tại các khu ổ chuột, người di cư và người tị nạn.

Hơn 1/3 người dân đô thị ở các nước có thu nhập thấp hơn sống trong các khu ổ chuột hoặc các khu phố tồi tàn ở các trung tâm thành phố hoặc ở vùng ven đô. Điều kiện tại các khu ổ chuột rất khác nhau, song đặc trưng chung của nhiều khu là ít khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, trong đó có giáo dục. Dữ liệu tổng hợp từ 130 hồ sơ khu ổ chuột thuộc 12 thành phố và thị trấn ở U-gan-đa chỉ ra rằng mặc dù hầu hết các khu định cư đều được tiếp cận trường lớp, nhưng các đối tượng trả lời nêu bật sự cần thiết phải tăng số lượng các trường công lập để có khả năng tiếp cận lên.

“
Tính đến cuối năm 2014, cứ 10 người tị nạn thì có 6 người sống ở khu vực đô thị. Hơn nửa số người tị nạn trên thế giới có độ tuổi dưới 18.

Người di cư tới các thành phố tìm việc làm phải đối mặt với những thách thức như phân biệt đối xử, rào cản ngôn ngữ, thất nghiệp và bóc lột trong nền kinh tế phi chính thức. Khắc phục những bất cập này đòi hỏi phải chú trọng đến phát triển kỹ năng.

Những hệ thống giáo dục đô thị tiếp nhận những trẻ em và thanh niên thuộc diện di dời bắt buộc cần phải điều chỉnh để hỗ trợ quá trình hòa nhập của các em trong dài hạn — nhất là khi cuộc khủng hoảng tị nạn toàn cầu hiện đang ngày càng nghiêm trọng. Tính đến cuối năm 2014, cứ 10 người tị nạn thì có 6 người sống ở khu vực đô thị. Hơn nửa số người tị nạn trên thế giới có độ tuổi dưới 18. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, 85% trẻ tị nạn người Syria tại các trại tị nạn được đến trường, so với 30% các em ở các khu vực đô thị.

Sự tồn tại của hệ thống trường tư thục, đặc biệt ở các thành phố lớn và các khu ven đô, thường bị xem nhẹ hoặc bỏ qua trong các cuộc thảo luận về giáo dục công. Việc thành lập và hoạt động của hệ thống các trường này ở các khu ven đô hầu hết là không chính thức, không được đưa vào con số thống kê chính thức, và bị bỏ qua một cách nghiêm trọng. Báo cáo thống kê hệ thống trường tư thục năm học 2010/11 tại tỉnh Lagos, Ni-giê-ri-a, chỉ ra rằng trên 85% trẻ mẫu giáo và 60% học sinh tiểu học đều học ở các cơ sở giáo dục tư thục.

GIÁO DỤC CÓ TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẾN CÁC THÀNH PHỐ...

Giáo dục tiểu học và trung học chất lượng tốt và tỷ lệ nhập học cao trong GDDH là nền tảng căn bản để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng thời tăng năng suất lao động ở các nền kinh tế tri thức. Các thành phố thu hút vốn con người và đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng cách phát triển thành những trung tâm toàn cầu về giáo dục đại học, kỹ năng, tài năng, kiến thức và sáng tạo. Siêu đô thị Thượng Hải, Trung Quốc, thu hút được nhiều nhân tài, tiếp cận được trên 100.000 sinh viên tốt nghiệp và đã tăng gấp đôi lực lượng lao động có trình độ đại học trong vòng 1 thập kỷ. Theo báo cáo, Trường Đại học Stanford có tác động đáng kể đến nền kinh tế toàn cầu: 18.000 doanh nghiệp được cộng đồng cựu sinh viên nhà trường sáng lập có trụ sở đặt tại Bang quê nhà California.

Công việc phi chính thức là nguồn việc làm và thu nhập đáng kể ở các nước có thu nhập thấp hơn, đặc biệt là ở các thành phố, đồng thời là điểm trú chân quan trọng ở các nước có mức thu nhập cao hơn trong các cuộc khủng hoảng kinh tế. Việc công nhận và thống kê việc làm phi chính thức ở các nền kinh tế đô thị là điều quan trọng cho sự thịnh vượng và hòa nhập xã hội ở các thành phố.

Giáo dục cũng có tác động xã hội tích cực, đặc biệt đối với việc giảm thiểu tội phạm. Ở Anh và xứ Wales (Vương Quốc Anh), việc kéo dài giáo dục bắt buộc đã giúp giảm thiểu đáng kể tội phạm và bạo lực. Ở Mỹ, việc đầu tư vào giáo dục mầm non đã có những tác động dài lâu trong việc giảm thiểu tội phạm ở người lớn.

Giáo dục có thể nâng cao nhận thức về những thách thức và trách nhiệm về môi trường tại các thành phố. Các công cụ giáo dục đã trở nên rất quan trọng thúc đẩy áp dụng đại trà hệ thống xe buýt nhanh và đi xe đạp. Ở Lagos, Ni-giê-ri-a, một chương trình truyền thông rộng rãi về hệ thống xe buýt nhanh đã giúp giảm thời gian trì hoãn thực hiện. Ở những quốc gia có các thành phố đi xe đạp, như Đan Mạch, Đức và Hà Lan, giáo dục được đưa vào thành cách tiếp cận mang tính lồng ghép, và trẻ em được huấn luyện rất kỹ ngay từ tấm bé.

...SONG CŨNG CÓ THỂ GÓP PHẦN LÀM TĂNG BẤT BÌNH ĐẲNG ĐÔ THỊ

Để đảm bảo rằng giáo dục không làm trầm trọng hóa phân hóa xã hội, chính phủ các nước cần phải cân bằng giữa những hoạt động liên quan đến giáo dục có khả năng nâng cao tính cạnh tranh của một thành phố với những hoạt động có khả năng cải thiện công tác hòa nhập xã hội.

HÌNH 5:

Các quốc gia đang phát triển có sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, nhưng sự chênh lệch giữa các khu đô thị cũng rất cao

Sự chênh lệch theo vị trí địa lý (thành thị và nông thôn) và mức độ giàu nghèo (nhóm 20% nghèo nhất và nhóm 20% giàu nhất) về tỷ lệ hoàn thành THCS



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD (2016) dựa trên các Khảo sát Nhân khẩu và Sức khỏe, Điều tra đánh giá các mục tiêu về trẻ em và phụ nữ (MICS) và số liệu khảo sát hộ gia đình quốc gia.

Sự bất bình đẳng nghiêm trọng trong giáo dục giữa các khu đô thị nhiều không kém – thậm chí còn nhiều hơn – giữa thành thị và nông thôn. Thiếu những chính sách khắc phục tình trạng bất bình đẳng có thể làm giảm lợi ích to lớn của việc sống ở một khu đô thị. Các chính sách và thực tiễn có khuynh hướng phân biệt đối xử, chẳng hạn như phân bổ thiếu công bằng lực lượng giáo viên chất lượng, cũng có thể làm cho tình hình bất bình đẳng trở nên trầm trọng hơn. Ở Vùng đô thị Concepción, Chi-lê, người ta phát hiện ra những khác biệt lớn trong việc phân bổ các nhà trường có chất lượng tốt.

Các trường tư thục, thường là kết quả của việc nhà nước chưa đáp ứng hết nhu cầu giáo dục, có thể vừa xóa bỏ nhưng lại vừa làm trầm trọng thêm hiện tượng bất bình đẳng. Việc lựa chọn nhà trường – nghĩa là cho phép phụ huynh lựa chọn giữa trường công lập, trường tư thục, trường dân lập hay các cơ sở giáo dục ngoài công lập khác – thường vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của phân tầng xã hội.

Bất bình đẳng trong giáo dục có thể tồn tại dai dẳng bởi những thái độ tiêu cực. Giáo viên liên tục

có những thái độ phân biệt đối xử với trẻ di cư và con em đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó có thể góp phần vào loại trừ đối với những đối tượng này ra khỏi xã hội. Ở Thượng Hải, nhiều giáo viên lớp 1 có khuynh hướng đánh giá rằng học sinh di cư học đuối hơn so với khối lớp tương ứng về ngôn ngữ, ngay cả sau khi đã xem xét các yếu tố về hoàn cảnh của các em. Giáo dục cũng có thể khiến cho tình trạng loại trừ xã hội tồn tại dai dẳng nếu như những cơ sở giáo dục giảng dạy các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn thường xảy ra bạo lực.

Sự chia tách nhà trường theo yếu tố dân tộc, tầng lớp xã hội hoặc chủng tộc là đặc trưng phổ biến ở các thành phố của Mỹ, nhiều vùng của Châu Âu và ở những quốc gia có nhiều vấn đề về quan hệ chủng tộc trong lịch sử, chẳng hạn như Nam Phi. Sự chia tách trong giáo dục ở những vùng đô thị công nghệ cao, dựa vào tri thức thậm chí còn lớn hơn. Tại 90% trong tổng số 30 khu đô thị lớn nhất của Mỹ, sự chia tách giữa các hộ gia đình có mức thu nhập cao và những hộ có mức thu nhập thấp đã tăng lên. Kết quả nghiên cứu 13 thành phố lớn của Châu Âu chỉ ra rằng sự chia tách theo yếu tố kinh tế - xã hội và không gian địa lý đang ngày một tăng khi mà các tầng lớp dân

cư có trình độ giáo dục cao chính là động lực thúc đẩy sự lớn mạnh của các nền công nghiệp có hàm lượng chất xám cao.

GIÁO DỤC VÀ HTSD CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ GIÚP CHUYỂN ĐỔI CÁC THÀNH PHỐ

“
Ấn Độ có khoảng 1 cán bộ
quy hoạch trên 100.000 dân
cư đô thị, so với tỷ lệ 1/5.000
ở Ca-na-đa và Mỹ.”

Nếu là một phần trong nỗ lực tổng thể, giáo dục có tiềm năng gây ảnh hưởng đến quy hoạch đô thị. Ở Béc-lin, các dự án quản lý khu dân cư được khởi xướng nhằm tạo nên một 'thành phố lồng ghép xã hội' thông qua nhiều hoạt động, giáo dục và cơ hội việc làm.

Để tranh thủ được tiềm năng này đòi hỏi phải cải thiện công tác đào tạo liên ngành giúp cho các nhà quy hoạch đô thị có thể làm việc hiệu quả trong nhiều lĩnh vực và nhiều ngành nhằm thúc đẩy môi trường sống bền vững hơn. Ở hầu hết các quốc gia, số trường học và chương trình đào tạo về quy hoạch đô thị vẫn còn rất ít. Ấn Độ có khoảng 1 cán bộ quy hoạch trên 100.000 dân cư

đô thị, so với tỷ lệ 1/5.000 ở Ca-na-đa và Mỹ.

Các phương pháp tiếp cận có sự tham gia thông qua giáo dục, trong đó công nhận nhu cầu của các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, cải thiện công tác quy hoạch đô thị và ra quyết định. Mạng lưới Quốc tế về Dân cư tại các Khu ổ chuột/khu tồi tàn đã giúp các thành viên cộng đồng tài liệu hóa những trường hợp bất bình đẳng và đòi hỏi các dịch vụ từ chính quyền địa phương. Phối hợp với Hiệp hội các trường quy hoạch Châu Phi, mạng lưới này đã tham gia vào các nỗ lực nhằm giúp công tác quy hoạch đô thị phù hợp hơn, đặc biệt liên quan đến các khu định cư phi chính thức.

Các nhà lãnh đạo thành phố sáng suốt có thể sử dụng giáo dục và HTSD để chuyển đổi thành phố. Ở Medellín, Cò-lôm-bi-a, thị trường thành phố đã giúp chuyển đổi thành phố này từ một trong những thành phố bạo lực nhất thế giới sang thành một trong những thành phố sáng tạo nhất thế giới thông qua một chiến dịch thay đổi xã hội thông qua giáo dục. Khi mà các thành phố ngày càng trở nên quan trọng, thì việc nâng cao tính tự chủ của địa phương và chú trọng tới các chiến lược giáo dục là chìa khóa để đưa các thành phố ấy trở nên bền vững và hòa nhập hơn.

Khu ổ chuột tại Rio de Janeiro, được hình thành sau khi nhiều người dân Bra-xin chuyển từ khu vực nông thôn ra thành thị.

TÁC GIẢ: ANNA SPYSZ/GEM REPORT

QUAN HỆ ĐỐI TÁC

NHƯNG ĐIỀU NÀY CÓ VẄ THẬT TUYỆT, NHƯNG GIÁO DỤC CHẮC HẸN PHẪI TỐN KẸM, VẬY LẬY TIỀN ĐỀM RẬ ĐỂ CHỊ TRẢ CHỖ NHỮNG KHOẢN NÀY?



TRƯỚC HẾT, CHÍNH PHỤ CÁC NƯỚC PHẪI HỤY ĐỘNG THÊM KINH PHÍ TRONG NƯỚC - CHẶNG HẸN NHỊ THỜNG QUA THỤẾ, ĐỘNG THỜ ĐỘNG CỖ THẾ ĐỘNG MỘT PHẦN VẬI TRỖ TRONG VIỆC GIỤP NGƯỜI DẶN HẸM RỖ HƠN VẾ HỆ THỜNG THỤẾ



NGẬY CẢ VẬY, HẸN VẬN CỜN MỘT KHOẶNG CÁCH RẬY LỚN - TỖI THỤẾ 39 TỖ USD - GIỮA NHỮNG GÌ CHỮNG TẬ MIỜN LẬM VẬ NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ LẬM ĐỘC NHỮNG ĐIỂ ĐỖ.



CẶN TẶNG VIỆC TRỖ QUỐC TẾ, VẾ TỜNG THẾ, VIỆC TRỖ ĐẶNG GIẢM DẶN, XỜNG CỜN 1.2 TỖ USD SỖ VỚI MỨC ĐỀNH NẬM 2010.



CHỮNG TẬ CẶN PHẪI THỜNG THẬ HƠN VẾ CÁCH CHỊ TIỂM NGUỒN VỜN VIỆC TRỖ, CHỮNG TẬ CẶN ỤM TIỂN CHỖ NHỮNG NƯỚC ĐẶNG TRỜNG TÌNH TRẶNG XƯNG ĐỘT VẬ NHỮNG NỖI CỖ NHỮEM TRỀ EM NGỎẠI NHẢ TRỜNG NHẬ.



CÁC NHẢ TẬ TRỖ VẬ CÁC CHỊNH KHÁCH CẶN PHẪI THỜNG THẬ HƠN VẾ CÁCH TRIỂN KHẬI CÁC HOẬT ĐỘNG - VẬ PHỖI HỢP VỚI NHẬM! - NHỤ VẬY HỖ SẼ KỜNG BỊ CHỖNG CHẾỖ VẾ CHỊ PHÍ.



VẬ THỤC SỤ QUẶN HỆ ĐỖI TẶC CHỊNH LẬ CHỊNH KHỜ. TẬT CẢ CHỮNG TẬ CẶN CHỮNG TẬY HẶNH ĐỘNG NHỤ MIỜN CẶNG NHẬM ĐỘT ĐỘC MỤC TIỂM CHỮNG.



Quan hệ đối tác: điều kiện đảm bảo thực hiện MTPTBV 4 và các MTPTBV khác

Chương trình nghị sự 2030 xem những thách thức kinh tế, xã hội và môi trường hiện nay là những yếu tố không thể tách rời, do vậy đòi hỏi phải có cách ứng phó mang tính lồng ghép. MTPTBV 17 đề ra các phương thức cần thiết để hiện thực hóa các MTPTBV, đồng thời kêu gọi phục hồi các mối quan hệ đối tác toàn cầu. Các chỉ tiêu được đưa ra trong MTPTBV này nêu bật sự cần thiết phải hợp tác nhằm đảm bảo có đủ nguồn lực tài chính, tăng cường sự gắn kết về chính sách và xây dựng các mối quan hệ đối tác đa phương, cùng nhiều khía cạnh khác nữa.

TÀI CHÍNH

Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD ước tính tổng chi phí hàng năm để đảm bảo rằng mọi trẻ em và vị thành niên ở các quốc gia có mức thu nhập thấp đến trung bình đều được tiếp cận giáo dục chất lượng tốt từ mẫu giáo đến THPT sẽ tăng từ 149 tỷ USD lên 340 tỷ USD vào năm 2030. Ủy ban Quốc tế Cấp cao về Tài chính cho Giáo dục Toàn cầu, được thành lập tại Hội nghị Thượng đỉnh về Giáo dục vì sự phát triển tại Oslo, Na Uy vào tháng 7 năm 2015, sẽ xác định những biện pháp nhằm khắc phục thiếu hụt về tài chính này.

Khung Hành động Giáo dục đến năm 2030 đề ra 2 ngưỡng về phân bổ tài chính trong nước cho giáo dục: 4% đến 6% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và 15%-20% chi tiêu công. Việc huy động nguồn lực trong nước là vô cùng quan trọng. Trong khoảng nửa số quốc gia có thu nhập thấp hơn, nguồn thu từ thuế, lệ phí chiếm dưới 15% GDP, so với 18% ở các nền kinh tế mới nổi và 26% ở các nền kinh tế phát triển. Để tăng tỷ lệ thuế, lệ phí ở các nước nghèo đòi hỏi phải có những nỗ lực trong nước và toàn cầu. Giáo dục có thể cải thiện hành vi của người nộp thuế và tăng sự tuân thủ. Trong một nghiên cứu trên 123 quốc gia có số liệu từ 1996 đến năm 2010, người ta phát hiện ra rằng tỷ lệ biết chữ thấp thường đồng nghĩa với nguồn thu từ thuế, lệ phí giảm. Những người trốn thuế thường là giới thượng lưu có trình độ giáo dục cao, song giáo dục lại gắn liền với thái độ tích cực liên quan đến thuế. Ở Châu Mỹ La-tinh, 9 quốc gia đã đưa nội dung thuế vào chương trình giáo dục với sự phối hợp giữa Bộ Giáo dục và cơ quan thuế.

“
Những quốc gia có thu nhập thấp hơn mất khoảng 100 tỷ USD do tình trạng trốn thuế đã quốc gia.

Khắc phục tình trạng trốn thuế và tránh thuế cũng là trách nhiệm toàn cầu. Các ước tính gần đây cho thấy mỗi năm những quốc gia có thu nhập thấp hơn mất khoảng 100 tỷ USD do tình trạng trốn thuế đa quốc gia thông qua các khoản đầu tư ra nước ngoài. Cần phải có các hành động phối hợp trong nước và quốc tế về ưu đãi thuế, hiệp ước thuế và những quyết định gây tổn hại của doanh nghiệp để các quốc gia có thu nhập thấp hơn có thể giành lại nguồn thu thuế đã mất.

Nhiều quốc gia có thể phân bổ lại chi tiêu cho giáo dục. Hai cách để ưu tiên chi tiêu cho giáo dục là xóa bỏ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch và trích lập kinh phí cho giáo dục. Ở In-đô-nê-xi-a, chi tiêu công cho giáo dục tăng hơn 60% trong giai đoạn 2005-2009, phần lớn là nhờ những cải cách về trợ cấp nhiên liệu.

Tuy nhiên, ngay cả khi giả định rằng nỗ lực huy động tài chính trong nước được cải thiện, thì vẫn còn đó thiếu hụt tài chính hàng năm lên tới 39 tỷ USD. Viện trợ sẽ tiếp tục là yếu tố cần thiết cho nhiều quốc gia có thu nhập thấp. Tuy nhiên, thực tế là, từ năm 2013 đến năm 2014 viện trợ cho giáo dục đã giảm khoảng 600 triệu USD. Trong bối cảnh đó, có 3 phương án tiềm năng: trích lập thêm kinh phí cho giáo dục thông qua các cơ chế đa phương; sử dụng viện trợ nhiều hơn để nâng cao năng lực cho các cơ quan trong nước nhằm tăng cường các nguồn lực trong nước; và định hướng lại nguồn viện trợ cho những quốc gia và những cấp học có nhu cầu lớn nhất. Vẫn còn rất nhiều vấn đề cần cải thiện: bất chấp những lợi ích to lớn của việc đầu tư sớm vào giáo dục, nhưng giáo dục mầm non vẫn chỉ nhận được 106 triệu USD viện trợ trực tiếp trong năm 2014, thấp hơn 3% so với viện trợ cho giáo dục sau trung học.

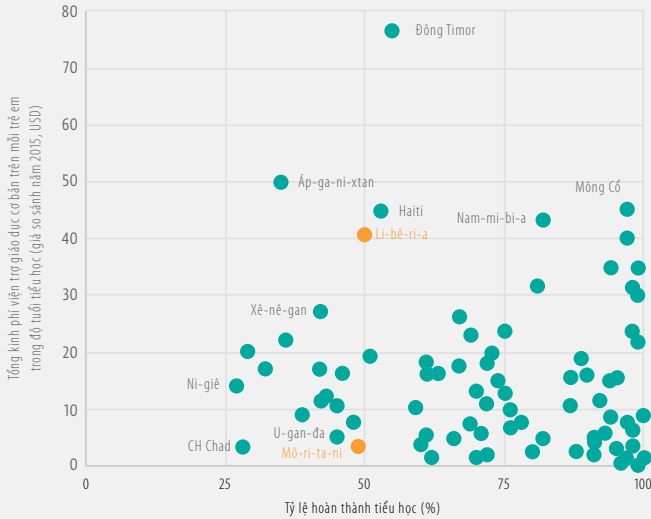
GẮN KẾT VỀ CHÍNH SÁCH

Các phương pháp tiếp cận theo ngành vẫn chưa đủ để khắc phục được những thách thức vốn phụ thuộc lẫn nhau của phát triển bền vững. Chương trình nghị sự PTBV đòi hỏi cách tiếp cận đa ngành. Trong giáo dục, sự can thiệp liên ngành bao gồm các sáng kiến lồng ghép trong việc hỗ trợ bữa ăn cho học sinh tại trường, y tế học đường, chăm sóc và giáo dục mầm non, giáo dục kỹ năng và đào tạo về sinh kế.

Ở cấp quốc gia, những nỗ lực thành công trong việc cải thiện công tác lập kế hoạch liên ngành phản ánh tầm quan trọng của ý chí chính trị, sự hỗ trợ về thể chế, năng lực chuyên môn và số liệu thống kê đầy đủ. Ở Ni-giê-ri-a, các quỹ xóa nợ được sử dụng để hỗ trợ cung ứng dịch vụ về giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh ở địa phương để hỗ trợ cho các Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ. Kế hoạch phát triển quốc gia

HÌNH 6:**Viện trợ cho giáo dục cơ bản không tương quan với nhu cầu**

Tổng kinh phí viện trợ cho giáo dục cơ bản trên mỗi trẻ em trong độ tuổi tiểu học (2014) và tỷ lệ hoàn thành tiểu học (2008–2014)



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo TCGSGD dựa trên số liệu từ Hệ thống Báo cáo Chủ nợ (CRS) thuộc OECD (2016); Cơ sở dữ liệu về bất bình đẳng trong giáo dục trên thế giới

của Cô-lôm-bi-a coi giáo dục, hòa bình và bình đẳng là những ưu tiên của Tổng thống; kế hoạch đề ra là đưa Cô-lôm-bi-a trở thành đất nước có trình độ giáo dục cao nhất tại khu vực Châu Mỹ La-tinh vào năm 2025.

Các cơ quan của chính phủ thường có xu hướng chú trọng đến việc hoạch định và thực hiện chính sách thuộc lĩnh vực của mình, gây ảnh hưởng đến công tác điều phối và hợp tác. Các kế hoạch phát triển quốc gia được xây dựng công phu, có sự gắn kết mật thiết với các kế hoạch khả thi về tài chính cho giáo dục cũng như các hệ thống lập kế hoạch và tài chính phân cấp, đảm bảo sự lồng ghép liên ngành hiệu quả, chỉ là một số trường hợp ngoại lệ chứ không phải quy định ở hầu hết các quốc gia nghèo hơn.

Các cơ quan viện trợ phải đối mặt với 2 thách thức trong việc triển khai những chương trình phù hợp với yêu cầu lập kế hoạch mang tính lồng ghép trong các MTPTBV: họ có thể thiếu một tầm nhìn gắn kết trong cách tiếp cận phát triển của mình, và họ gặp khó khăn trong việc điều phối các chương trình liên ngành. Kinh phí viện trợ hiện nay không được phân bổ một cách đầy đủ theo nhu cầu của quốc gia. Ở Li-bê-ri-a và Mô-ri-ta-ni, khoảng một nửa số trẻ em hoàn thành giáo dục tiểu học, nhưng kinh phí viện trợ cho giáo dục cơ bản trên mỗi em trong độ tuổi đến trường mà Li-bê-ri-a nhận được cao hơn gấp 10 lần so với nước kia.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC

Các cơ quan nhà nước cấp trung ương và địa phương, xã hội dân sự, học giả, cộng đồng khoa học, khu vực tư nhân và các tổ chức đa phương toàn cầu là những đối tác có thể hỗ trợ thực hiện chương trình nghị sự toàn cầu như chương trình nghị sự PTBV này. Xã hội dân sự, khu vực tư nhân và các đối tác đa phương có vai trò to lớn trong việc tài trợ, thực hiện và đảm bảo trách nhiệm giải trình lẫn nhau về chương trình nghị sự mới này, chương trình được kỳ vọng sẽ do chính phủ các nước thúc đẩy.

Xã hội dân sự tăng cường hoạt động là thành tựu to lớn của chương trình nghị sự GDCMN. Song vẫn còn nhiều thách thức trong việc thiết kế các mối quan hệ đối tác giữa các tổ chức xã hội dân sự sao cho hiệu quả hơn. Làm thế nào để những tổ chức phụ thuộc nhiều vào nguồn kinh phí của các nhà tài trợ có thể duy trì được tiếng nói độc lập? Một thách thức khác là hiện nay có vô cùng nhiều chủ thể khác nhau trong cùng một tập hợp xã hội dân sự.

Động lực và nguồn kinh phí tài trợ từ khu vực tư nhân để thực hiện các MTPTBV là lý do để lạc quan. Tuy nhiên, trong khi một số người ca ngợi sự lớn mạnh trong việc tham gia của khu vực tư nhân đồng nghĩa với việc mang lại nguồn tài trợ, tính linh hoạt, sáng tạo và cải thiện kết quả học tập, thì những người theo chủ nghĩa hoài nghi lại thấy nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng và sự ảnh hưởng thái quá của thị trường tới giáo dục nhà trường.

“
Vai trò của các cơ quan tài trợ và điều phối là hết sức quan trọng.

”

Vai trò của các cơ quan tài trợ và điều phối là hết sức quan trọng. Cơ chế điều phối giáo dục toàn cầu bao gồm Ban Chỉ đạo MTPTBV 2030 về Giáo dục, Hội nghị Giáo dục Toàn cầu, Hội nghị Khu vực và Tham vấn Tập thể các Tổ chức Phi Chính phủ về Giáo dục cho Mọi người. Ban Chỉ đạo này được kỳ vọng là cơ chế chính hỗ trợ cho các quốc gia, rà soát tiến độ và khuyến khích điều phối các hoạt động đối tác. Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE), cơ chế phối hợp đa bên chính của ngành giáo dục, có thể học tập kinh nghiệm từ các cơ chế đối tác trong ngành y tế như Quỹ toàn cầu Phòng chống HIV/AIDS, Lao và Sốt rét và Liên minh Toàn cầu về Vắc xin và Tiêm chủng (GAVI), những cơ chế này vốn rất hiệu quả trong việc huy động kinh phí. Quỹ giáo dục khẩn cấp mang tên “Education

Cannot Wait” (Giáo dục không thể chờ đợi) mới được thành lập sẽ có mục đích huy động kinh phí để cung ứng dịch vụ giáo dục theo đối tượng mục tiêu, cụ thể là cho những người bị ảnh hưởng bởi xung đột, thảm họa thiên tai và dịch bệnh.

Dự báo: Việc mở rộng giáo dục sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thành tựu phát triển bền vững?

DỰ BÁO KẾT QUẢ GIÁO DỤC TOÀN CẦU ĐẾN NĂM 2030 VÀ XA HƠN NỮA

Báo cáo GSTCGD 2016 dự báo về triển vọng hoàn thành phổ cập giáo dục trung học vào năm 2030 sử dụng bộ số liệu mang tính đại diện toàn cầu và phương pháp dự báo hiện đại. Thông điệp đưa ra rất rõ ràng: Thế giới phải cần 50 năm nữa mới có thể hoàn thành những cam kết giáo dục toàn cầu. Nếu cứ tiếp tục xu hướng như hiện nay, việc phổ cập giáo dục tiểu học sẽ hoàn thành vào năm 2042 và THCS sẽ được hoàn thành vào năm 2059 và phổ cập giáo dục THPT sẽ hoàn thành vào năm 2084. Các nước nghèo nhất hoàn thành phổ cập giáo dục sau các nước giàu nhất 100 năm. Kết luận chính đưa ra là, ở những quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, kịch bản PTBV đòi hỏi phải có đột phá chưa từng có là đoạn tuyệt với xu hướng trong quá khứ nếu như muốn đạt được các kết quả giáo dục đề ra trong Chỉ tiêu 4.1.

DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN

Mặc dù kết quả dự báo cho thấy các chỉ tiêu trong MTPTBV về giáo dục có thể không đạt được, nhưng ngay cả một chút tiến bộ thôi cũng tạo nên sự khác biệt lớn cho thế hệ tiếp theo. Để biết được mức độ đóng góp của việc mở rộng giáo dục đến các MTPTBV khác, Báo cáo GSTCGD phân tích mức độ giáo dục giúp cứu sống mạng người (bằng việc giảm thiểu tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em và tăng tuổi thọ ở người lớn), đưa con người và các quốc gia ra khỏi nghèo đói (bằng việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia và giảm tỷ lệ nghèo cùng cực), đồng thời giảm tính dễ tổn thương đối với các rủi ro thảm họa thiên tai.

Nếu, đến năm 2030, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được phổ cập giáo dục trung học, thì đến năm 2030 tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi ở Tiểu vùng Sahara Châu Phi sẽ giảm từ 68 xuống 54 trẻ sơ sinh bị chết trong 1.000 ca sinh và đến năm 2050 từ 51 xuống 38 trẻ sơ sinh bị chết trong 1.000 ca sinh. Do chăm sóc sức khỏe trẻ em có thể được hưởng lợi từ những tác động ở cấp cộng đồng cũng như việc phổ biến các kinh nghiệm hay và hành vi lành mạnh, nên tỷ lệ tử vong ở trẻ em có thể giảm thậm chí nhiều hơn những con số dự báo trên đây.

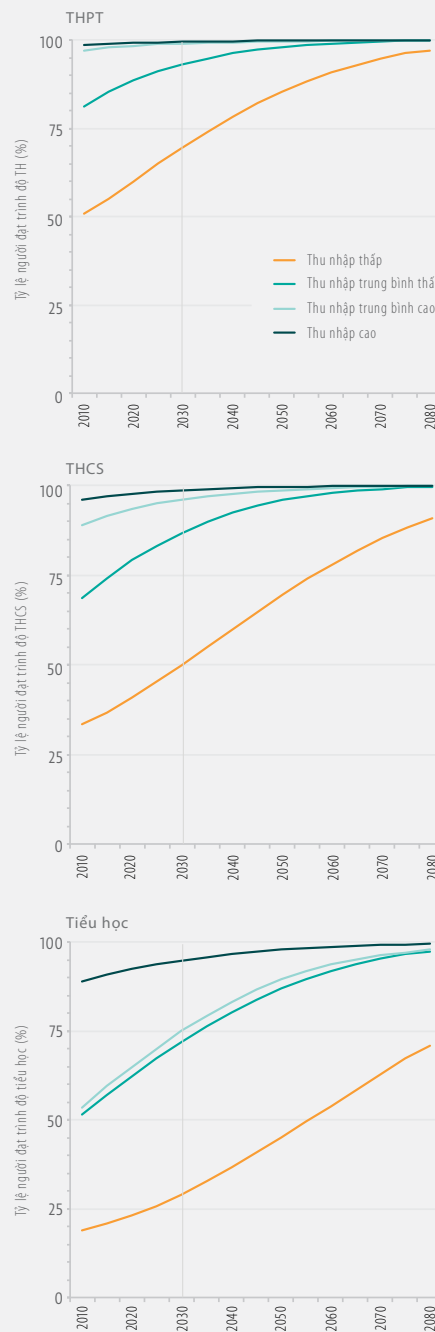
Giáo dục có thể làm tăng thu nhập bình quân đầu người bằng cách nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ. Ở những quốc gia có thu nhập thấp, việc hoàn thành phổ cập THPT sẽ làm tăng thu nhập bình quân đầu người thêm 75% vào năm 2050. Thậm chí nếu đạt được chỉ tiêu 4.1 cũng không đủ để xóa nghèo cùng cực vào năm 2030, nhưng có thể rút ngắn thời gian xóa nghèo sớm hơn 10 năm.

Giáo dục có thể giúp giảm thiểu số ca tử vong liên quan đến thảm họa thiên tai, vì những người có trình độ giáo dục thường có nhận thức cao hơn về những nguy cơ, mức độ phòng chống và ứng phó tốt hơn cũng

HÌNH 7:

Theo xu hướng trong quá khứ, đến năm 2030, ngay cả mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học cũng sẽ không thực hiện được ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình

Dự báo tỷ lệ trình độ học vấn của thanh niên độ tuổi 15-19 theo cấp học và nhóm quốc gia thu nhập, 2010-2080



Nguồn: Barakat (2016).

nhu thiệt hại trung bình thấp hơn khi thảm họa xảy đến. Nếu đạt được phổ cập giáo dục trung học vào năm 2030, thì đến 2040–2050 số lượng tử vong mỗi thập kỷ liên quan đến thảm họa thiên tai sẽ giảm khoảng 10.000 đến 20.000 người, so với con số 250.000 ca tử vong trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2010, nếu tần suất thảm họa thiên tai không đổi. Việc đạt được phổ cập giáo dục trung học sẽ có tác động rất mạnh đến số lượng ca tử vong liên quan đến thảm họa thiên tai ở Châu Á, bởi vì đây là khu vực đông dân nhất, đồng thời nhiều nhóm đối tượng dễ tổn thương nhất lại cư trú ở các khu vực ven biển.

Giáo dục và bền vững: Chúng ta biết những gì và cần làm những gì

Phần trên đây đã chỉ ra nhiều mối liên hệ giữa giáo dục và phát triển bền vững. Báo cáo chỉ ra rằng lợi ích của việc hoàn thành giáo dục tiểu học và giáo dục trung học là rất lớn, không chỉ cho các cá nhân mà còn cho gia đình, cộng đồng, nơi làm việc. Những người có trình độ giáo dục cao hơn, kể cả nam lẫn nữ, thường có xu hướng ý thức hơn về môi trường, chống chịu tốt hơn trước tác động của biến đổi khí hậu, năng suất hơn và có khả năng tạo ra nhiều thu nhập hơn, có nhiều khả năng sống cuộc sống tốt đẹp hơn, quan tâm và tham gia vào chính trị cũng như biết cách kiểm soát tốt hơn cuộc sống của bản thân. Lợi ích của việc giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái là vô cùng nhiều và có sức lan tỏa liên thế hệ.

Nhiều người bày tỏ quan ngại rằng các điều kiện toàn cầu mới xuất hiện lại đang làm biến đổi tác động của giáo dục. Chẳng hạn, nền kinh tế thế giới đã tạo ra nhiều của cải cho số ít người nhưng lại đẩy nhiều người lùi lại phía sau, khiến cho cuộc sống và sinh kế của họ dễ bị tác động bởi sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nghèo dai dẳng hoặc cả hai. Các chu kỳ suy thoái kinh tế càng làm trầm trọng thêm bất

“
Để giáo dục được chuyển biến theo hướng hỗ trợ chương trình nghị sự phát triển bền vững mới, thì ‘giáo dục như thường lệ’ sẽ là không đủ.

ổn chính trị và xung đột, khiến hàng triệu người phải ly tán. Việc phải di dời do thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nỗ lực của quốc gia đảm bảo rằng tất cả thanh niên phải hoàn thành ít nhất 12 năm học cũng như cung cấp cơ hội HTSD cho mọi người.

Để giáo dục được chuyển biến theo hướng hỗ trợ chương trình nghị sự phát triển bền vững mới, thì ‘giáo dục như thường lệ’ sẽ là không đủ. Học tập cần phải thúc đẩy lối tư duy có liên hệ, mang tính tổng hợp, đồng cảm, tiên liệu và có hệ thống. Nhà trường phải trở thành những không gian kiểu mẫu về tính bền vững – hòa nhập, dân chủ, lành mạnh, là nơi trung lập về các-bon – đặt nền móng cho việc hiện thực hóa các MTPTBV.

Các khuyến nghị về chính sách sau đây cho thấy cách mà các hệ thống giáo dục có thể đóng góp hiệu quả hơn nữa cho sự nghiệp phát triển bền vững.

- *Hỗ trợ sự hợp tác và sức mạnh tổng hợp của tất cả các ngành và các đối tác.* Do nhiều vấn đề có tính hệ thống đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên cũng như cần có nhiều quan điểm khác nhau, nên phải nỗ lực hơn nữa trong việc huy động sự vào cuộc của tất cả các đối tác, bao gồm các bộ ngành, các chuyên gia giáo dục, và xã hội dân sự, ở cấp trung ương và địa phương, cũng như sự phối hợp giữa các ngành.
- *Chính phủ các nước cần coi giáo dục chính quy và không chính quy là chìa khóa cho nỗ lực giải quyết các vấn đề liên ngành của mình.* Giáo dục có thể trở thành công cụ quan trọng để nâng cao năng lực trong tất cả các ngành. Nhiều chỉ tiêu đề ra trong các MTPTBV đòi hỏi phải có kỹ năng và chuyên môn sâu do hệ thống giáo dục trang bị.
- *Giáo dục có thể giúp thu hẹp sự bất bình đẳng về thu nhập, nhưng một mình nó thôi là chưa đủ.* Mở rộng tiếp cận giáo dục tiểu học và giáo dục trung học chất lượng tốt cho các nhóm đối tượng thiệt thòi sẽ giúp đảm bảo thu nhập ổn định và giảm chênh lệch. Những thay đổi trong quy chế điều tiết thị trường lao động và công nghệ không được gây phương hại đến người lao động làm những công việc ít chắc chắn, nhất là trong khu vực phi chính thức.
- *Các hệ thống giáo dục cần thêm kinh phí và nguồn kinh phí có khả năng dự báo được để* (a) phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học; (b) nâng cao số lượng giáo viên đạt chuẩn, có tâm huyết và giàu kiến thức; (c) cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng tốt cho các nhóm đối tượng thiệt thòi; và (d) phòng chống tác động của biến đổi khí hậu và nguy cơ xung đột kéo dài.

CẢI THIỆN SỰ BÌNH ĐẲNG

- *Phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học, nhất là với các em gái, là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy quyền tự chủ và khả năng ra quyết định của phụ nữ.* Việc hiện thực hóa chỉ tiêu này sẽ giúp giảm tăng trưởng dân số, chuyển biến các chuẩn mực và thực tiễn xã hội qua nhiều thế hệ, đồng thời bớt đi gánh nặng đối với hành tinh của chúng ta.
- *Các chính sách giáo dục hướng tới cộng đồng thiểu số, người tị nạn và dân di cư trong nước cần phải ưu tiên về ngôn ngữ giảng dạy phù hợp, đồng thời đảm bảo sử dụng chương trình giáo dục và tài liệu học tập không có định kiến.* Việc xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và thành thực các ngôn ngữ cần thiết là điều rất quan trọng ở những quốc gia có tỷ lệ người dân tộc thiểu số và dân di cư cao.
- *Quy hoạch đô thị cần phải có cả quy hoạch giáo dục, và không được để khu vực nông thôn tụt hậu.* Quy hoạch giáo dục, ngoài những dịch vụ cơ bản khác, cho những người sống tại các khu ổ chuột là việc làm thiết yếu. Các tiện ích và công trình công cộng và đội ngũ giáo viên cần phải được phân bổ công bằng, và nhà trường phải đảm bảo an toàn và phi bạo lực. Những vùng nông thôn đang trong quá trình suy giảm dân số và kiên cố hóa trường học ở địa bàn cần phải được quan tâm về mặt quy hoạch và có sự tham gia của cộng đồng.

THAY ĐỔI TRỌNG TÂM GIÁO DỤC

- *Khi xây dựng các chính sách phát triển kỹ năng, hệ thống giáo dục các quốc gia cần phải xem xét cả nhu cầu trung hạn và dài hạn cũng như những tác động của tăng trưởng bền vững.* Giảng dạy các kỹ năng xanh cho học sinh, tạo điều kiện cho người lao động được đào tạo lại và nâng cao kỹ năng của họ là điều cần làm, cũng như cần phải thay đổi chương trình giáo dục trung học và đại học. Sự hợp tác chặt chẽ hơn với khối doanh nghiệp sẽ cải thiện được tính phù hợp và chất lượng giảng dạy.
- *Các chương trình giáo dục công dân, giáo dục hòa bình và giáo dục về tính bền vững có thể là những đòn bẩy quan trọng thúc đẩy việc thực hiện các MTPTBV.* Nếu triển khai hiệu quả, các chương trình này có thể đảm bảo hệ thống tư pháp công bằng, nâng cao năng lực về tư pháp và thực thi pháp luật, thúc đẩy các xã hội ít bạo lực hơn và nhiều kiến tạo hơn, nâng cao hiểu biết về mối liên hệ giữa văn hóa, kinh tế và môi trường, đồng thời ưu tiên cho những hành động giúp cải thiện cuộc sống của thế hệ mai sau.

Những thách thức trong việc giám sát tiến độ thực hiện giáo dục trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững

MTPTBV 4, với 10 chỉ tiêu, thể hiện mức độ kỳ vọng trong 15 năm tới vượt ra ngoài khuôn khổ bất kỳ hiệp ước giáo dục toàn cầu nào trước đây. Báo cáo GSTCGD trình bày những thách thức trong việc giám sát tiến độ thực hiện giáo dục trong Chương trình nghị sự 2030. Báo cáo sẽ phân tích tất cả các chỉ tiêu thuộc MTPTBV 4 – một vài chỉ tiêu được thiết kế tương đối nghèo nàn – và thảo luận những thách thức về mặt kỹ thuật trong việc giám sát các chỉ số liên quan. Đồng thời, báo cáo còn xem xét các nỗ lực xây dựng hệ thống công cụ đo lường hợp lệ, đáng tin cậy và dễ so sánh.

Báo cáo GSTCGD đặt ra câu hỏi đầu là những ưu tiên giám sát giáo dục toàn cầu, đồng thời các quốc gia và tổ chức cần tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực nào. Báo cáo xem xét bối cảnh thể chế, chính trị và kỹ thuật mà ở đó các chỉ số được đo lường.

VAI TRÒ CỦA BÁO CÁO GSTCGD

Báo cáo GSTCGD có sứ mệnh giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ liệu thế giới có đang thực sự có được những tiến bộ trong giáo dục và HTSD và có được những tiến bộ đó như thế nào. Mặc dù *Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN* được xem là đã hoàn thành sứ mệnh của mình, nhưng cục diện đang thay đổi nhanh chóng với việc mở rộng phạm vi Chương trình nghị sự 2030, đặt ra những thách thức mới.

“
**Báo cáo GSTCGD có sự
 mệnh liệt tả việc liệu thể
 giới có đang đạt những
 tiến bộ trong giáo dục
 và học tập suốt đời
 không, và nếu có thì
 tiến bộ đến mức nào.**”

Bộ chỉ số giám sát đã được thiết kế (Hộp 1), mặc dù phương pháp đo lường các chỉ số này hiện vẫn đang trong quá trình xây dựng. Nhiều chỉ số chỉ phản ánh một phần các khái niệm trong từng chỉ tiêu. Ngoài ra, cần tìm hiểu các cách thức khác nhau để đo lường và giám sát các chỉ tiêu ở cấp quốc gia và cấp khu vực.

Trong những năm tiếp theo, Báo cáo GSTCGD sẽ đánh giá toàn diện tiến độ thực hiện giáo dục trên phạm vi toàn cầu bằng việc sử dụng các chỉ số sẵn có, xem xét mức độ hữu dụng của chúng, bình luận về chất lượng các nguồn, giới thiệu các phương pháp mới để phân tích minh chứng, và vận động để cải thiện tình hình.

HỘP 1

Các chỉ tiêu và khung chỉ số toàn cầu đối với MTPTBV 4 về giáo dục

MỤC TIÊU 4. *Đảm bảo nền giáo dục bình đẳng, hoà nhập, chất lượng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người*

Chỉ tiêu 4.1. *Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả các em gái và em trai đều hoàn thành giáo dục tiểu học và giáo dục trung học miễn phí, bình đẳng và chất lượng, mang lại kết quả học tập phù hợp và hiệu quả*

- Tỷ lệ trẻ em và thanh niên: (a) các lớp 2/3; (b) cuối cấp tiểu học; và (c) cuối cấp THCS đạt mức độ thành thực tối thiểu về (i) đọc hiểu và (ii) toán số, chia theo giới tính. **[Chỉ số toàn cầu 4.1.1]**
- Triển khai đánh giá kết quả học tập đại diện cho cả nước (i) trong cấp tiểu học (ii) cuối cấp tiểu học và (iii) cuối cấp THCS
- Tỷ lệ nhập học thô vào lớp cuối cấp (TH, THCS)
- Tỷ lệ hoàn thành (TH, THCS, THPT)
- Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường (TH, THCS, THPT)
- Tỷ lệ trẻ quá tuổi so với lớp (TH, THCS)
- Số năm học tiểu học và trung học (i) miễn phí và (ii) bắt buộc theo quy định của pháp luật

Chỉ tiêu 4.2. *Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả các em gái và em trai đều được tiếp cận giáo dục mầm non, gồm nhà trẻ và mẫu giáo, có chất lượng để chuẩn bị bước vào tiểu học*

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển đúng lộ trình về sức khỏe, học tập và tâm lý-xã hội, chia theo giới tính **[Chỉ số toàn cầu 4.2.1]**
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được trải nghiệm môi trường học tập ở nhà tích cực và hứng thú
- Tỷ lệ tham gia chương trình học tập có tổ chức (trước độ tuổi nhập học tiểu học chính thức 1 năm), chia theo giới tính **[Chỉ số toàn cầu 4.2.2]**
- Tỷ lệ nhập học mẫu giáo thô
- Số năm học mẫu giáo (i) miễn phí và (ii) bắt buộc theo quy định của pháp luật

Chỉ tiêu 4.3. *Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận bình đẳng giáo dục kỹ thuật và dạy nghề và giáo dục đại học, bao gồm cả trường đại học, có chất lượng và khả thi về chi phí cho mọi phụ nữ và nam giới*

- Tỷ lệ nhập học thô GDĐH
- Tỷ lệ tham gia các chương trình giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (nhóm tuổi 15-24)
- Tỷ lệ tham gia của thanh niên và người lớn trong các chương trình giáo dục chính quy và không chính quy trong vòng 12 tháng qua, chia theo giới tính **[Chỉ số toàn cầu 4.3.1]**

Chỉ tiêu 4.4. *Đến năm 2030, tăng đáng kể số lượng thanh niên và người lớn có kỹ năng phù hợp, bao gồm kỹ năng nghề và kỹ thuật, để xin việc, khởi nghiệp và làm các công việc chất lượng*

- Tỷ lệ thanh niên và người lớn đạt được ít nhất mức độ thành thực tối thiểu về kỹ năng sử dụng thiết bị và công nghệ số
- Tỷ lệ thanh niên và người lớn có kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) chia theo loại hình kỹ năng **[Chỉ số toàn cầu 4.4.1]**
- Tỷ lệ về trình độ học vấn của thanh niên/người lớn chia theo nhóm tuổi, tình trạng hoạt động kinh tế, cấp học/trình độ đào tạo và định hướng chương trình

Chỉ tiêu 4.5. *Đến năm 2030, xóa bỏ bất cân bằng về giới trong giáo dục và đảm bảo tiếp cận bình đẳng với tất cả các cấp học và đào tạo nghề cho những đối tượng thiệt thòi, bao gồm người khuyết tật, người dân tộc và trẻ em trong tình trạng dễ tổn thương*

Các chỉ số cân bằng (nữ/nam, nông thôn/thành thị, nhóm thu nhập cao nhất/thấp nhất và các chỉ số khác như khuyết tật, dân tộc và chịu ảnh hưởng bởi xung đột, tới mức có thể thu thập được số liệu) đối với tất cả các chỉ số giáo dục trong danh sách này mà có thể phân tổ được **[Chỉ số toàn cầu 4.5.1]**

- Tỷ lệ phần trăm học sinh tiểu học được dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ ở nhà.

HỘP 1

19. Mức độ áp dụng các chính sách dựa trên công thức minh bạch khi phân bổ nguồn lực giáo dục cho các nhóm đối tượng khó khăn.
20. Chỉ tiêu cho giáo dục trên mỗi học sinh theo cấp học và nguồn kinh phí
21. Tỷ lệ phần trăm trong tổng kinh phí viện trợ cho giáo dục được phân bổ cho các nước có thu nhập thấp

Chỉ tiêu 4.6. Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả thanh niên và một tỷ trọng đáng kể người lớn, cả nam giới và nữ giới, đều có kỹ năng biết chữ và toán số

22. Tỷ lệ phần trăm dân số theo nhóm tuổi đạt được ít nhất một mức độ thành thực về kỹ năng hành dụng (a) biết chữ và (b) toán số, chia theo giới tính [**Chỉ số toàn cầu 4.6.1**]
23. Tỷ lệ biết chữ ở thanh niên/người lớn
24. Tỷ lệ tham gia của thanh niên/người lớn vào các chương trình giáo dục xóa mù chữ

Chỉ tiêu 4.7. Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả người học đều linh hoạt các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm, thông qua giáo dục vì sự phát triển bền vững, lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và phi bạo lực, công dân toàn cầu, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, và sự đóng góp của văn hóa cho phát triển bền vững, cùng những kỹ năng liên quan khác

25. Mức độ (i) giáo dục công dân toàn cầu và (ii) giáo dục vì sự phát triển bền vững, bao gồm bình đẳng giới và quyền con người, được lồng ghép tại tất cả các cấp trong (a) chính sách giáo dục quốc dân; (b) chương trình giáo dục; (c) đào tạo giáo viên và (d) đánh giá học sinh [**Chỉ số toàn cầu 4.7.1**]
26. Tỷ lệ học sinh theo nhóm tuổi (hoặc cấp học) thể hiện hiểu biết đầy đủ về các vấn đề liên quan đến công dân toàn cầu và tính bền vững
27. Tỷ lệ học sinh 15 tuổi thể hiện sự am hiểu về khoa học môi trường và khoa học địa chất
28. Tỷ lệ nhà trường cung cấp các chương trình giáo dục phòng chống HIV/AIDS và giáo dục giới tính theo chuyên đề kỹ năng sống
29. Mức độ Khung Chương trình Thế giới về Giáo dục Nhân quyền được triển khai trên phạm vi toàn quốc (theo Nghị quyết UNGA 59/113)

Chỉ tiêu 4.a. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục theo hướng thân thiện với học sinh, người khuyết tật và giới, đồng thời trang bị môi trường học tập an toàn, phi bạo lực, hòa nhập và hiệu quả cho mọi người

- 30-32. Tỷ lệ phần trăm nhà trường có: (a) điện lưới, (b) Internet phục vụ cho các mục đích sư phạm, (c) máy tính cho các mục đích sư phạm, (d) cơ sở vật chất và tài liệu được hiệu chỉnh cho học sinh khuyết tật, (e) nước uống cơ bản; (f) công trình vệ sinh cơ bản tách riêng cho nam và nữ và (g) thiết bị rửa tay cơ bản (theo định nghĩa về chỉ số này của Chương trình Nước sạch và Vệ sinh (WASH) [**Chỉ số toàn cầu 4.a.1**]
33. Tỷ lệ học sinh từng bị bắt nạt, trừng phạt thân thể, quấy rối, bạo lực, phân biệt giới tính, và lạm dụng tình dục
34. Số lượng các vụ tấn công lên học sinh, cán bộ công nhân viên và cơ sở giáo dục

Chỉ tiêu 4.b. Đến năm 2020, mở rộng đáng kể trên phạm vi toàn cầu số lượng học bổng cho các quốc gia đang phát triển, nhất là các quốc gia kém phát triển nhất, tiểu quốc đảo đang phát triển và các quốc gia Châu Phi, để theo học đại học, bao gồm các chương trình giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, khoa học và công nghệ, ở những quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển khác

35. Số lượng học bổng giáo dục đại học đã cấp, chia theo quốc gia hưởng lợi
36. Giá trị vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) phân bổ cho học bổng theo ngành và loại hình học tập [**Chỉ số toàn cầu 4.b.1**]

Chỉ tiêu 4.c. Đến năm 2030, tăng đáng kể nguồn cung giáo viên đạt chuẩn, bao gồm thông qua hợp tác quốc tế cho công tác đào tạo giáo viên tại các quốc gia đang phát triển, đặt biệt là những quốc gia kém phát triển nhất và tiểu quốc đảo đang phát triển

37. Tỷ lệ phần trăm giáo viên đạt chuẩn theo chuẩn giáo viên quốc gia, chia theo cấp học và loại hình trường
38. Tỷ lệ học sinh/giáo viên đạt chuẩn, chia theo cấp học
39. Tỷ trọng giáo viên: (a) mẫu giáo, (b) TH, (c) THCS và (d) THPT đã từng theo học ít nhất một chương trình đào tạo và bồi dưỡng sư phạm bắt buộc để dạy ở cấp học tương ứng tại đất nước mình [**Chỉ số toàn cầu 4.c.1**]
40. Tỷ lệ học sinh/giáo viên qua đào tạo, chia theo cấp học
41. Mức lương trung bình của giáo viên so với các nghề khác đòi hỏi trình độ đào tạo tương tự
42. Tỷ lệ nghỉ việc ở giáo viên, chia theo cấp học
43. Tỷ lệ phần trăm giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn trong vào 12 tháng qua, chia theo loại hình bồi dưỡng

Nguồn: Phụ lục, UNESCO (2016). Tuyên bố Incheon về Giáo dục đến năm 2030 và Khung Hành động: Giáo dục đến năm 2030: Hướng tới nền giáo dục bình đẳng, hòa nhập, chất lượng và học tập suốt đời cho mọi người. Pa-ri, UNESCO. (bản cập nhật)



CHI TIÊU 4.1

Giáo dục tiểu học và giáo dục trung học

Chi tiêu 4.1 coi phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học là con đường dẫn tới học tập chất lượng và hiệu quả. Tiến độ thực hiện chi tiêu này sẽ được xem là thước đo chính về sự cam kết của chính phủ và cộng đồng quốc tế đối với các MPTPTBV. Các nhà phê phán chi tiêu này cho rằng việc thúc đẩy thực hiện phổ cập THPT làm chệch hướng ưu tiên phải hoàn thành ít nhất 9 năm học cơ bản cho tất cả mọi người.

Tiếp cận, tham gia và hoàn thành

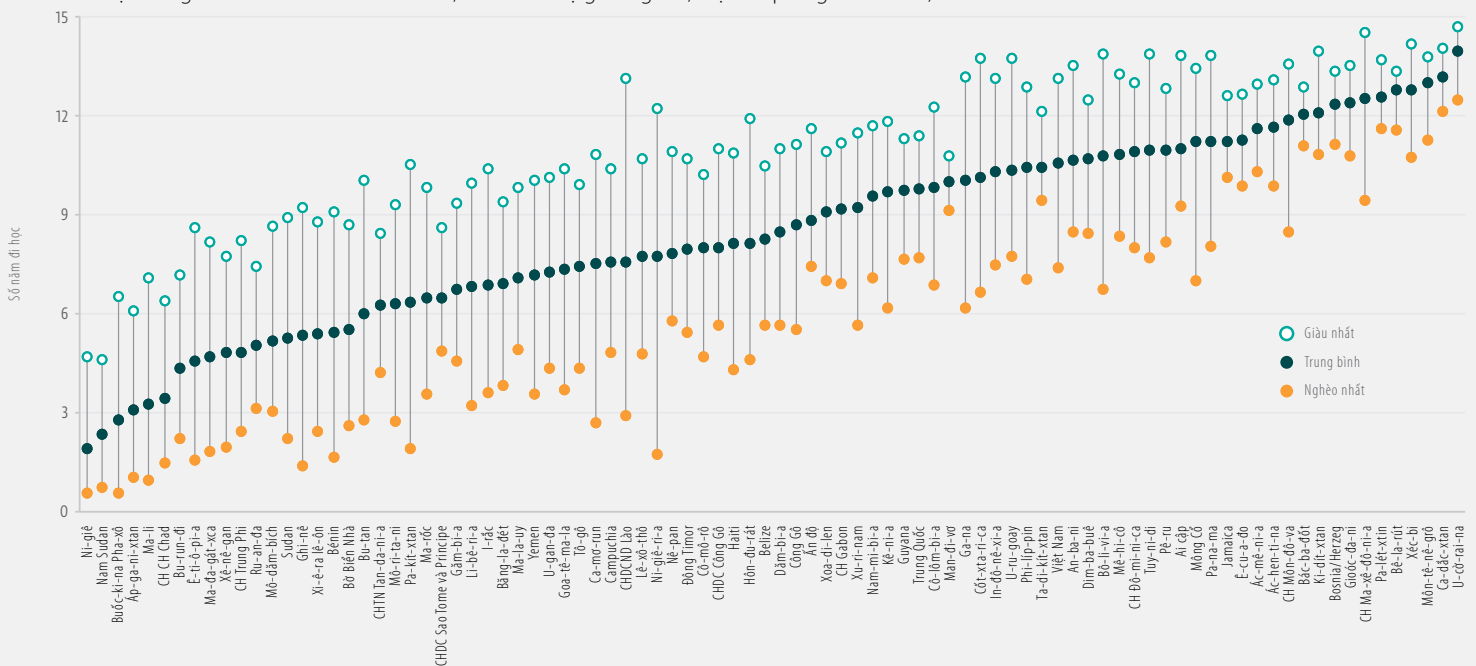
Khả năng tiếp cận cần được giám sát chặt chẽ trong chương trình nghị sự mới. Mặc dù chương trình nghị sự này phấn đấu đến năm 2030, mọi trẻ em phải hoàn thành chương trình giáo dục 12 năm, nhưng chúng ta không được quên rằng 25 triệu trẻ em hiện thậm chí còn không được học tiểu học. Gần 30% trẻ em thuộc các hộ gia đình nghèo nhất ở những quốc gia có thu nhập thấp chưa từng được đến trường.

Chi tiêu 4.1 đề cập đến sự tham gia GDTH, THCS và là lần đầu tiên, THPT. Năm 2014, 91% trẻ em độ tuổi tiểu học, 84% vị thành niên độ tuổi THCS và 63% thanh niên độ tuổi THPT được đến trường. Suy luận từ những con số ước lượng này cho thấy có tổng số 263 triệu em không đến trường: 61 triệu em độ tuổi tiểu học, 60 triệu em độ tuổi THCS và 142 triệu em độ tuổi THPT.

HÌNH 8:

Chỉ số 2 trên 90 quốc gia thu nhập thấp và trung bình có thanh niên nghèo nhất hoàn thành chương trình giáo dục 12 năm

Số năm đi học trong nhóm thanh niên 20-24 tuổi, theo mức độ giàu nghèo, một số quốc gia tiêu biểu, 2008 và 2014



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD sử dụng các khảo sát hộ gia đình.

Chương trình nghị sự mới này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chú trọng đến tỷ lệ hoàn thành so với tỷ lệ tham gia. Trong giai đoạn 2008–2014, tỷ lệ hoàn thành tiểu học đạt 92% ở những quốc gia có thu nhập trung bình cao, 84% ở những quốc gia có thu nhập trung bình thấp và 51% ở những quốc gia có thu nhập thấp; trong nhóm cuối cùng, tỷ lệ này ở những em gái nghèo nhất chỉ đạt 25%. Tỷ lệ hoàn thành THPT đạt 84% ở những quốc gia có thu nhập cao, 43% ở những quốc gia có thu nhập trung bình cao, 38% ở những quốc gia có thu nhập trung bình thấp và 14% ở những quốc gia có thu nhập thấp. Ngay cả những em học sinh thuộc tầng lớp giàu nhất trong những quốc gia có thu nhập cao cũng chỉ đạt tỷ lệ hoàn thành ở mức 93%. Ở những quốc gia có thu nhập thấp, tỷ lệ những em gái nghèo nhất hoàn thành THPT chỉ đạt 1%.



Trong số 190 quốc gia có số liệu về giáo dục bắt buộc, có 44 quốc gia (chiếm 23%) quy định dưới 9 năm đối với giáo dục bắt buộc.



GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ MIỄN PHÍ

Một trong những chỉ số trong khung chỉ số giám sát là số năm học tiểu học và trung học (i) miễn phí và (ii) bắt buộc theo quy định của pháp luật. Trong số 190 quốc gia có số liệu về giáo dục bắt buộc, có 44 quốc gia (chiếm 23%) quy định dưới 9 năm đối với giáo dục bắt buộc.

Số năm trung vị đối với giáo dục bắt buộc là 9 năm, và đối với giáo dục miễn phí là 11 năm. Tuy nhiên, khái niệm giáo dục miễn phí là có vấn đề khi đo lường tiến độ thực hiện chỉ tiêu: ngay cả khi các khoản phí được miễn, thì cũng có nhiều loại chi phí giáo dục khác đè nặng lên vai gia đình học sinh. Tỷ trọng chi phí mà các hộ gia đình phải gánh chịu trong tổng chi tiêu cho giáo dục ở

mỗi cấp học sẽ là chỉ báo rõ nét hơn về mức độ miễn phí của giáo dục.

CHẤT LƯỢNG

Khung giám sát được đề xuất không chú trọng vào chất lượng, ngoại trừ trong các chỉ số liên quan đến kết quả học tập và bình đẳng trong giáo dục.

Sử dụng khung phân tích để định hướng cho việc thảo luận về chất lượng, có 2 vấn đề được lựa chọn: đầu vào và quy trình liên quan đến lớp học. Tính sẵn có và tình hình sử dụng SGK là những khía cạnh quan trọng của chất lượng, song các chuyến thị sát nhà trường và dự giờ lớp học cho thấy các số liệu chính thức về những khía cạnh này không thực sự đáng tin cậy. Ở CH Chad, khoảng 90% học sinh các bộ môn đọc hiểu và toán lớp 2 và lớp 6 phải dùng chung SGK với ít nhất 2 em khác.

Thật khó có thể vận động cho sử dụng hình thức dự giờ lớp học để so sánh giữa các hệ thống giáo dục với nhau. Song, các công cụ giám sát tương đối nhất quán với nhau sẽ giúp làm sáng tỏ các vấn đề then chốt trong thực tiễn giảng dạy và sự phạm cho các nhà hoạch định chính sách. Một cuộc khảo sát trên 15.000 lớp học ở Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Hôn-đu-rát, Gia-mai-ca và Pê-ru chỉ ra rằng giáo viên dành khoảng 60–65% quỹ thời gian của họ vào việc giảng dạy, thấp hơn nhiều so với quỹ thời gian khuyến nghị là 85%. Cần phải tiếp tục tìm kiếm những công cụ để điều chỉnh nhưng đáng tin cậy, hợp lệ, hiệu quả kinh tế và dễ sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau.

KẾT QUẢ HỌC TẬP

Nhằm cải thiện kết quả học tập, cần phải đưa ra một chuẩn tham chiếu để dựa vào đó xác định xem liệu có bất kỳ sự tiến bộ nào không. Tuy nhiên, có nhiều câu hỏi về thể nào gọi là ‘kết quả học tập phù hợp và hiệu quả’, làm thế nào để đo lường cũng như làm sao để sử dụng được những phát hiện.

Việc đo lường các chỉ số toàn cầu được đề xuất – kỹ năng đọc hiểu và toán học – đòi hỏi phải có sự thống nhất về nội dung kết quả học tập được đánh giá, tiêu chuẩn chất lượng mà hoạt động đánh giá cần đáp ứng cũng như chuẩn mực báo cáo và định nghĩa được áp dụng.

ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HỌC TẬP: XÁC ĐỊNH NỘI DUNG

Để xác định trình độ năng lực tối thiểu trong các lĩnh vực như đọc hiểu và toán học, bất kỳ đánh giá nào cũng cần phải có các thông số cơ bản. Phải làm gì khi cần phải xác định một cơ sở chung giữa các chương trình giáo dục khác nhau? Mức độ tiến bộ kỳ vọng trong học tập giữa các chương trình là gì? Cần phải đặt ra những câu hỏi nào để biết được rằng người học đã đạt được một trình độ nhất định? Hay trình độ, năng lực được xác định như thế nào?

Có hai vấn đề đối nghịch chứng minh cho sự căng thẳng này. Thứ nhất, đánh giá kỹ năng đọc hiểu và toán học ở các khối lớp thấp rất dễ gây chia rẽ, vì các lý do chính trị và kỹ thuật. Song, nó lại làm sáng tỏ những thách thức lớn trên thực tế. Ở Ma-la-uy năm 2012, 90% học sinh lớp 2 không thể đọc nổi một từ bằng tiếng Chichewa; gần 40% học sinh vẫn chưa thể đọc được khi lên tới lớp 4.

Thứ hai, chỉ số toàn cầu về trình độ đọc hiểu và toán số loại trừ những đối tượng ngoài nhà trường. Ở khu vực nông thôn của Pa-kít-xtan, 89% học sinh lớp 10 có thể đọc một câu chuyện lớp 2 bằng tiếng Urdu, Sindhi hay Pashto nhưng chỉ có 64% trong tổng số các em 14 tuổi có thể làm được điều này.

CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HỌC TẬP: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA ĐÁNH GIÁ

Một chỉ số trong khung giám sát là xác định xem liệu một quốc gia có triển khai đánh giá kết quả học tập mang tính đại diện cho cả nước trong cấp tiểu học, cuối cấp tiểu học và cuối cấp THCS hay không. Điều cần thiết là phải có các tiêu chuẩn rõ ràng để đánh giá, cũng như phải có cơ chế rõ ràng nhằm đảm bảo rằng hoạt động đánh giá đáp ứng được các tiêu chuẩn này.

Có hai khía cạnh quan trọng của chất lượng đánh giá cần chú ý: (a) cần phải có một môi trường thể chế thuận lợi để đảm bảo tính bền vững và mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống giáo dục; và (b) hoạt động đánh giá mang tính đại diện cho cả nước cần phải hợp lệ và đáng tin cậy, cung cấp các thông tin phù hợp cho các nhà hoạch định chính sách và công chúng. Những đánh giá mang tính đại diện cho cả nước cần phù hợp với mục tiêu giáo dục và mục tiêu học tập của học sinh cũng như với những cơ hội phát triển chuyên môn cho giáo viên.

Câu hỏi làm thế nào để đảm bảo rằng công tác đánh giá phù hợp với mục tiêu giám sát làm nảy sinh 2 vấn đề. Thứ nhất, các yêu cầu kỹ thuật quá cứng nhắc có thể đặt năng lực cần thiết nằm ngoài tầm với của nhiều quốc gia và vì vậy dẫn tới việc chỉ có một số nhà cung ứng dịch vụ triển khai hầu hết các đánh giá, làm giảm tính phù hợp và hạn chế sử dụng ở các quốc gia. Thứ hai, cần phải phân bổ hiệu quả hơn nữa các nguồn lực nhằm nâng cao năng lực quốc gia để tiến hành đánh giá kết quả học tập của học sinh trên quy mô lớn.

ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HỌC TẬP: BÁO CÁO KẾT QUẢ TỪ CÁC ĐÁNH GIÁ KHÁC NHAU

Thước đo toàn cầu về kết quả học tập đòi hỏi phải có sự thống nhất về chuẩn mực báo cáo và định nghĩa theo cấp học (hoặc theo độ tuổi) và môn học. Điều này kéo theo sự cần thiết phải soạn thảo một bộ câu hỏi từ nhiều đánh giá khác nhau mà có thể được kết nối thông qua việc phân tích mức độ khó tương đối của các câu hỏi đó. Song, việc kết nối các câu hỏi đánh giá không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn liên quan nhiều đến mục đích ban đầu của chỉ số.

Các chỉ số có khả năng so sánh toàn cầu về kết quả học tập cần phải đáp ứng không chỉ mục tiêu của công tác giám sát toàn cầu mà còn cả nhu cầu của quốc gia. Liên minh Toàn cầu về Giám sát Học tập mới được thành lập gần đây sẽ hỗ trợ để đạt được cả mục tiêu trên.



CHI TIÊU 4.2

Chăm sóc và giáo dục mầm non

Chi tiêu 4.2 tái khẳng định trọng tâm của cộng đồng thế giới nhằm đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi trẻ em thông qua chăm sóc và giáo dục mầm non. Việc giám sát các cấu phần trong chỉ tiêu này gặp phải 3 thách thức: (a) hiện nay vẫn chưa có đủ thông tin về số lượng trẻ được hưởng lợi ít nhất 1 năm từ giáo dục mẫu giáo; (b) các chỉ số để xuất không bao gồm chất lượng dịch vụ; và (c) mặc dù chỉ tiêu này mở rộng phạm vi từ chăm sóc và giáo dục sang phát triển trẻ em, nhưng tính khả thi của cơ chế giám sát đối với phát triển trẻ em là không cao.

“

Giáo dục mẫu giáo miễn phí và/hoặc bắt buộc: bắt buộc tại 50 quốc gia, và miễn phí và bắt buộc ít nhất 1 năm tại 38 quốc gia.

”

TIẾP CẬN VÀ THAM GIA

So sánh tỷ lệ tham gia giữa các quốc gia ở giáo dục mẫu giáo khó hơn so với giáo dục tiểu học và giáo dục trung học. Nhóm tuổi mẫu giáo và độ tuổi bắt đầu vào học ít được chuẩn hóa hơn so với các cấp học khác. Tương đối ít quốc gia có giáo dục mẫu giáo miễn phí và/hoặc bắt buộc: bắt buộc tại 50 quốc gia, và miễn phí và bắt buộc ít nhất 1 năm tại 38 quốc gia.

Trên phạm vi toàn cầu, 67% trẻ em vào học mẫu giáo hoặc tiểu học trước độ tuổi nhập học tiểu học 1 năm. Con số ước lượng này xấp xỉ nhưng không phải khi nào cũng trùng với con số trong khảo sát hộ gia đình về tình hình nhập học mẫu giáo của các em học sinh lớp 1, mà ta cũng có thể theo dõi mức độ tham gia của các em theo điều kiện kinh tế hộ gia đình. Trong số những trẻ em độ tuổi từ 3 đến 4 tuổi ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, trẻ em ở các hộ gia đình giàu nhất có khả năng tham gia chương trình chăm sóc và giáo dục mầm non cao gấp gần 6 lần so với những em nghèo nhất

CHẤT LƯỢNG

Chỉ tiêu này chú trọng đến việc cung ứng giáo dục chất lượng tốt. Chất lượng có thể được hiểu là mức độ nhà trường và lớp học (bao gồm cơ sở vật chất và quy trình giảng dạy) và hệ thống giáo dục hỗ trợ cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nhất là những em có nguy cơ bị loại trừ xã hội. Mặc dù các quốc gia cần phải tự đề ra các mục tiêu và tiêu chuẩn chất lượng cho mình, nhưng cũng có những công cụ có thể áp dụng để giám sát chất lượng giáo dục mầm non theo cách dễ so sánh, dù rằng những công cụ ấy đã chậm ngòi cho các cuộc tranh luận về chính sách. Trong số 21 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình theo một đánh giá của Ngân hàng Thế giới về các chính sách chăm sóc và giáo dục mầm non, 13 quốc gia đã ra các chuẩn cơ bản về tỷ lệ học sinh/giáo viên nhưng chỉ có 8 quốc gia thực thi các chuẩn đó.

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN TRẺ EM

Chỉ tiêu 4.2 chú trọng đến việc đảm bảo rằng trẻ em phải bắt đầu chương trình học chính quy theo đúng lộ trình phát triển và ‘sẵn sàng vào tiểu học’. Quan điểm tổng thể này đánh dấu sự chuyển dịch từ phát triển trẻ em chỉ dựa thuần túy vào các chỉ số liên quan đến sức khỏe. Quyết định đầu là cách tốt nhất để đo lường mức độ phát triển của trẻ là điều khá phức tạp. Cần phải theo dõi sự phát triển theo quy chuẩn của các quốc gia/nền văn hóa khác nhau và từ đó xây dựng phương pháp đo lường chung dựa trên những phát hiện.

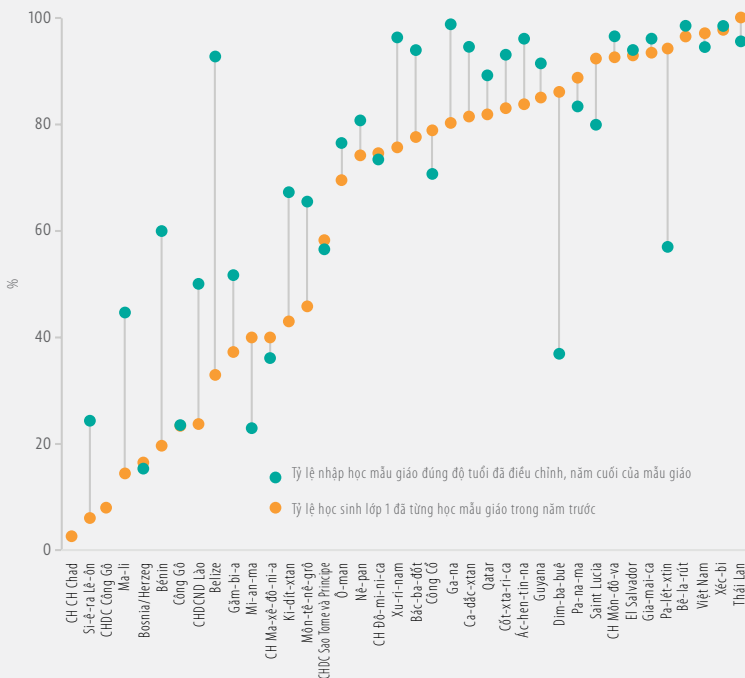
Thước đo phổ biến nhất hiện nay là Chỉ số Phát triển Trẻ em của UNICEF (ECDI). Trong số 56 quốc gia chủ yếu có mức thu nhập thấp và trung bình trong giai đoạn 2010–2015, chỉ số này chỉ ra rằng khoảng 70% trẻ em 3 tuổi và 80% trẻ em 4 tuổi phát triển đúng lộ trình. Chỉ số này gồm 4 cấu phần nhưng chủ yếu lại được quyết định bởi một cấu phần, đó là biết chữ và toán số, mà điều này dễ bị chỉ trích là phản ánh các chuẩn mực giáo dục đầu cấp thay vì năng lực nhận thức.

Một nhân tố chính giúp trẻ em phát huy tiềm năng của mình là môi trường gia đình, môi trường đó tạo điều kiện tiếp xúc giữa các thành viên và trang bị các tài liệu học tập cho các em. Ở Ukraina, người lớn trong gia đình khuyến khích hầu hết con cái từ 3 đến 4 tuổi tham gia vào ít nhất 4 hoạt động, so với 40% ở Ga-na. Trong số 54 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình trong giai đoạn 2010–2015, 19% hộ gia đình có ít nhất 3 quyển sách cho trẻ em và 7,5% có 10 quyển. Trong số 20% hộ gia đình nghèo nhất, tỷ lệ hộ gia đình có ít nhất 10 quyển sách chỉ đạt dưới 1%.

HÌNH 9:

Tình hình tham gia các chương trình chăm sóc và giáo dục mầm non khác nhau giữa các hộ gia đình và giữa các nhà trường

Tỷ lệ nhập học mẫu giáo đúng độ tuổi đã điều chỉnh vào năm cuối của mẫu giáo, 2004, và tỷ lệ học sinh lớp 1 đã từng học mẫu giáo trong năm trước, theo quốc gia, 2010–2015



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện Thống kê UNESCO (UIS) về tỷ lệ nhập học đúng độ tuổi đã điều chỉnh; báo cáo chính thức và báo cáo phát hiện của Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ (MICS) về tỷ lệ học sinh lớp 1 đã từng học mẫu giáo trong năm học trước.



CHI TIÊU 4.3

Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, giáo dục đại học và giáo dục người lớn

Chi tiêu 4.3 đưa giáo dục kỹ thuật và dạy nghề và giáo dục đại học vào chương trình nghị sự phát triển. Trước đây, những lĩnh vực này được xem là một phần của GDCMN, nhưng chỉ làm phương tiện hỗ trợ cho các mục tiêu khác.

Chỉ số toàn cầu cho chỉ tiêu này — tỷ lệ tham gia của thanh niên và người lớn vào các chương trình giáo dục chính quy và không chính quy trong vòng 12 tháng qua — cũng bao hàm cả giáo dục người lớn. Do đó, Báo cáo GSTCGD xem xét giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, giáo dục đại học và giáo dục người lớn thuộc chỉ tiêu 4.3 từ 3 góc độ: tiếp cận, khả năng chi trả và chất lượng.

GIÁO DỤC KỸ THUẬT VÀ DẠY NGHỀ

Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (TVET) được tiến hành tại các cơ sở đào tạo, nơi làm việc hoặc kết hợp cả hai. Do có rất nhiều khung chính sách, thể chế và tổ chức khác nhau, nên các cơ quan thống kê quốc gia có thể chỉ nắm được một phần số liệu, vì vậy việc so sánh về tình hình giáo dục TVET giữa các quốc gia trở nên khó khăn.

“
Kết quả phân tích trên 12 quốc gia phục vụ Báo cáo GSTCGD chỉ ra rằng khoảng 20% thanh niên đã từng tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo tại nơi làm việc.
 ”

Các cơ chế giám sát hiện nay nhấn mạnh tình hình nhập học tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là những cơ sở thuộc Bộ Giáo dục. Điều này làm thu hẹp đáng kể phạm vi giám sát chỉ tiêu. Việc bổ sung giáo dục và đào tạo tại nơi làm việc đòi hỏi phải có số liệu từ các cuộc điều tra lực lượng lao động, doanh nghiệp hoặc hộ gia đình, mà như vậy thì phải phối các định nghĩa và bảng hỏi chặt chẽ hơn. Kết quả phân tích trên 12 quốc gia phục vụ Báo cáo GSTCGD chỉ ra rằng khoảng 20% thanh niên đã từng tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo tại nơi làm việc.

Các câu hỏi về khả năng chi trả cần tập trung vào mức độ hỗ trợ của hệ thống chính sách của nhà nước đối với việc giải quyết tình trạng bất bình đẳng trong TVET. Sự đa dạng của cơ sở dạy nghề, mức chi phí, chính sách công và bối cảnh quốc gia khiến cho việc đưa ra một chỉ số duy nhất để mô tả về khả năng chi trả là điều không thể. Cách tiếp cận khả thi ở đây có thể là xem xét mức độ thu nhập của cơ sở đào tạo từ nguồn đóng góp của học sinh/sinh viên, so với khoản hỗ trợ tài chính của nhà nước mà học sinh/sinh viên nhận được.

Một cách tiếp cận để đánh giá chất lượng TVET là chú trọng vào việc liệu các tiêu chuẩn đáng tin cậy có được đưa vào khung trình độ quốc gia không. Ít nhất 140 quốc gia có các khung này. Mặc dù hiệu quả khác nhau nhưng chúng có thể giúp người học, cơ sở giáo dục và nhà tuyển dụng chú trọng vào kết quả thay vì bằng cấp.

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

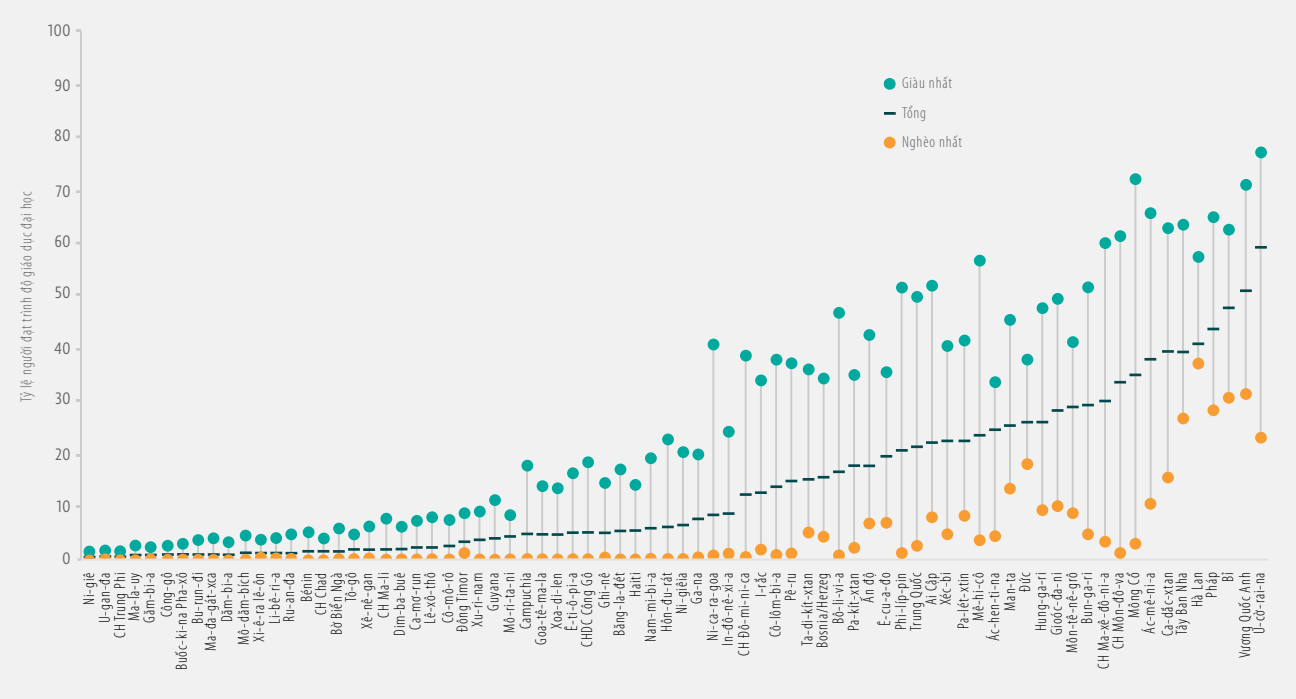
Giáo dục đại học gồm từ các khóa ngắn hạn đến chương trình học cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Các cơ sở giáo dục đại học rất khác nhau về quy mô, chi phí, khóa học, quy trình và chất lượng. Vấn đề công bằng cần phải xem xét những rào cản ở các giai đoạn khác nhau từ nhập học đến tốt nghiệp. Số lượng nhập học trên phạm vi toàn cầu đối với GDDH đã tăng lên gấp đôi từ 100 triệu sinh viên năm 2000 lên 207 triệu sinh viên năm 2014, nhưng sự chênh lệch giữa các quốc gia và trong bản thân các quốc gia là rất lớn. Ở Phi-líp-pin năm 2013, 52% thanh niên giàu nhất độ tuổi 25-29, và chỉ có 1% thanh niên nghèo nhất cùng độ tuổi, hoàn thành ít nhất 4 năm GDDH.

Khả năng chi trả trong GDDH phụ thuộc vào mối quan hệ giữa chi phí và thu nhập. Có thể so sánh tổng chi phí với mức thu nhập trung bình của các hộ gia đình. Dù đây là một chỉ báo hữu hiệu, nhưng nó không cho ta biết có bao nhiêu người thực tế không có khả năng chi trả giáo dục đại học. Một thước đo khả thi là so sánh gánh nặng tài chính của các hộ gia đình với hỗ trợ tài chính của chính phủ cho các hộ gia đình. Cũng cần giám sát cả những thành công trong việc hỗ trợ những đối tượng có nhu cầu cao nhất.

HÌNH 10:

Giữa nhóm giàu và nhóm nghèo có sự chênh lệch rất lớn về trình độ giáo dục đại học

Tỷ lệ thanh niên độ tuổi 25-29 đã hoàn thành ít nhất 4 năm GĐĐG, theo mức độ giàu nghèo, quốc gia tiêu biểu, 2008–2014



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo TCGSGD sử dụng số liệu khảo sát hộ gia đình.

Sự khác biệt về cơ cấu chính sách và nguồn lực quốc gia, và về sứ mệnh của các cơ sở GĐĐH là những khó khăn cản trở hình thành một thước đo toàn cầu có ý nghĩa về chất lượng GĐĐH. Kết quả xếp hạng nhà trường cũng thu hút sự chú ý bởi vì dễ hiểu, nhưng việc xếp hạng ấy lại dựa trên các nghiên cứu thay vì chất lượng giảng dạy hay việc học tập của sinh viên.

GIÁO DỤC NGƯỜI LỚN

Giáo dục, đào tạo và học tập người lớn chính tạo thành chiến lược để hoàn thành chỉ tiêu 4.3, theo Khung Hành động 2030 về Giáo dục. Giáo dục người lớn có thể được tổ chức dưới dạng chính quy (thể chế hóa), không chính quy hoặc phi chính quy.

Các loại hình cung ứng dịch vụ này rất đa dạng khiến cho việc giám sát trở nên đặc biệt khó khăn. Mặc dù có một số thông tin về người học là người lớn trong giáo dục chính quy, nhưng đây mới chỉ là phần rất nhỏ của bức tranh tổng thể. Trong số 28 quốc gia Liên minh Châu Âu, khoảng 6% người lớn tham gia giáo dục chính quy và 37% tham gia giáo dục không chính quy vào năm 2011. Đây là kết quả của một khảo sát và có thể rút ra các bài học để xây dựng công cụ đo lường tỷ lệ tham gia giáo dục người lớn trên phạm vi toàn cầu.

Việc đánh giá về khả năng chi trả bị hạn chế không chỉ bởi vì tư nhân chỉ trả ngày một nhiều hơn mà còn là vì thiếu thông tin ngay cả về chi tiêu công. Cứ trong 6 quốc gia thì chưa đến 1 quốc gia chi hơn 0,3% GDP cho giáo dục người lớn. Nói chung, cần có thêm thông tin về chi tiêu công để nắm được tỷ trọng phân bổ cho những nhóm đối tượng có nhu cầu lớn nhất là bao nhiêu.

Giám sát tất cả các khía cạnh của chất lượng giáo dục người lớn sẽ là một thách thức lớn. Báo cáo Toàn cầu về Giáo dục Người lớn lần thứ 3 kết luận rằng những nỗ lực cải thiện số liệu cần phải cân trọng để ra những ưu tiên và đảm bảo rằng những ưu tiên ấy phải phù hợp với nguồn lực sẵn có.



CHI TIÊU 4.4

Kỹ năng cho công việc

Chi tiêu 4.4 nêu lên 3 câu hỏi quan trọng: Những kỹ năng gì 'cho việc làm, có công việc đầy đủ và kinh doanh' đặc biệt phù hợp cần giám sát toàn cầu trong các bối cảnh khác nhau? Những kỹ năng đó chủ yếu thu lượm được trong giáo dục và đào tạo, hay ở nơi nào khác? Các thước đo hiện tại có hợp lệ và khả thi với chi phí thấp không?

Các chỉ số đề xuất đã phản ánh sự bất ổn của câu hỏi này. Một là tỷ lệ trình độ học vấn trong dân số người lớn, đây không phải là thước đo về kỹ năng. Chỉ số còn lại, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và kỹ năng sử dụng thiết bị và công nghệ số, có nguy cơ làm thu hẹp chương trình nghị sự này nhưng cũng là một nỗ lực nhằm chú trọng vào những kỹ năng cụ thể, có thể đo lường.



Ở Liên minh Châu Âu, năm 2014, có 44% dân số người lớn sử dụng các công thức số học cơ bản trong ứng dụng Excel.



KỸ NĂNG NHẬN THỨC

Những kỹ năng nhận thức cơ bản bao gồm biết chữ và toán số. Kết quả phân tích phục vụ Báo cáo GSTCGD chỉ ra rằng kỹ năng biết chữ cao sẽ tăng gần gấp đôi khả năng có được một việc làm bền vững.

ICT đã trở nên thiếu yếu đối với cuộc sống và công việc thường nhật. Ở Liên minh Châu Âu, năm 2014 có 44% người lớn có thể sử dụng các công thức số học cơ bản trong Excel, con số này dao động từ 16% ở Ru-ma-ni đến 63% ở Phần Lan.

Kỹ năng sử dụng thiết bị và công nghệ số là một chỉ báo rõ ràng hơn, vì có thể đánh giá trực tiếp kỹ năng này. Ở Cộng hòa Séc, 85% học sinh lớp 8 thể hiện kiến thức và hiểu biết cơ bản về máy tính vào năm 2013, so với 13% ở Thái Lan và 9% ở Thổ Nhĩ Kỳ. Công cụ giám sát toàn cầu cần phải đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ theo thời gian và, đặc biệt là những định kiến văn hóa biểu hiện rõ trong các câu hỏi hiện đang được sử dụng.

KỸ NĂNG PHI NHẬN THỨC...

Ngày càng có nhiều quan tâm đến những kỹ năng được cho là ít liên quan đến tư duy nhận thức, mặc dù trên thực tế nhiều kỹ năng tại nơi làm việc được đánh giá cao nhất – chẳng hạn như kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và hợp tác – lại tránh được sự phân loại dễ dàng đó.

Hiện nay còn thiếu minh chứng cho thấy mức độ mà tại đó những kỹ năng phi nhận thức, chẳng hạn như sự kiên định, tự kiểm soát, hay kỹ năng xã hội và cảm xúc tiên đoán được kết quả công việc một cách tích cực. Mức độ tốt nhất có nhiều khả năng phụ thuộc vào bối cảnh công việc.

Việc xây dựng các thước đo cho phép so sánh các kỹ năng phi nhận thức giữa các quốc gia là điều khá khó khăn. Báo cáo GSTCGD gợi ý nên tránh sử dụng các thước đo trên quy mô lớn cho mục đích giám sát toàn cầu và thay vào đó kêu gọi phải chú trọng nghiên cứu đánh giá được việc thu lượm được những kỹ năng này và tác động của chúng.

... VÀ SỰ KẾT HỢP GIỮA CHÚNG CHO THẾ GIỚI VIỆC LÀM

Hai ví dụ về việc kết hợp giữa kỹ năng nhận thức và kỹ năng phi nhận thức phù hợp với thế giới việc làm là kiến thức tài chính và kỹ năng kinh doanh. Đã có những nỗ lực xây dựng một thước đo thực tế về kiến thức tài chính trong những năm gần đây. Theo một định nghĩa, 33% người lớn trên khắp thế giới có hiểu biết về tài chính, con số này dao động từ 13% ở Yemen đến 71% ở Na-uy. Việc đánh giá kỹ năng kinh doanh, hiện nay vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, đặt ra câu hỏi là nên lồng ghép những chủ đề gì vào chương trình giáo dục nhà trường.



CHI TIÊU 4.5

Công bằng

Phương châm 'không bỏ ai lại phía sau' xuyên suốt Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, nó được kỳ vọng sẽ thúc đẩy yêu cầu phải giám sát và báo cáo toàn cầu về sự không công bằng. Báo cáo GSTCGD giải quyết 3 vấn đề chính: đầu là những cách thức phù hợp để đo lường sự không công bằng và sự phát triển của nó, làm thế nào để thu thập thông tin trong đó xác định các cá thể là những thành viên của các nhóm dễ tổn thương, và những khía cạnh lớn nào của không công bằng trong giáo dục có thể được đo lường, ngoài khía cạnh cân bằng.

CÁC THƯỚC ĐO BẤT BÌNH ĐẲNG

Ba yếu tố chính làm phức tạp hóa việc đo lường bất bình đẳng trong giáo dục. Thứ nhất, bất bình đẳng có thể được xem xét cùng với việc tham chiếu một loạt các chỉ số về, chẳng hạn, tiếp cận hay học tập. Thứ hai, trong số nhiều thước đo bất bình đẳng được sử dụng để xem xét cách thức phân bổ của chỉ số này trong dân số, mỗi thước đo đều có những ưu và nhược điểm riêng. Các thước đo khác nhau có thể dẫn tới những kết luận khác nhau về mức độ bất bình đẳng và có thể thay đổi theo thời gian. Thứ ba, các nhà hoạch định chính sách cần biết mức độ khác nhau của một chỉ số theo các đặc trưng, chẳng hạn như thu nhập, nhưng thường khó có thể so sánh những đặc trưng này giữa các quốc gia.



Ở các quốc gia có thu nhập trung bình cao, chỉ số cân bằng về thu nhập trong tỷ lệ hoàn thành là 0,9 đối với giáo dục tiểu học, 0,71 đối với THCS và 0,44 đối với THPT. Ở những quốc gia có mức thu nhập thấp, chỉ số tương ứng là 0,36, 0,19 và 0,07.

Nhóm Chuyên gia và Liên ngành về Bộ Chỉ số MTPTBV đã đề xuất chỉ số cân bằng làm thước đo bất bình đẳng trong giáo dục. Thước đo này là công cụ dễ nhất để thông tin cho mọi người và đã rất hiệu quả trong phản ánh tình trạng bất cân bằng giới trong vòng 2 thập kỷ qua. Trong số những đặc trưng có thể áp dụng, bất cân bằng về thu nhập là lớn nhất. Ở các quốc gia có thu nhập trung bình cao, chỉ số cân bằng về thu nhập trong tỷ lệ hoàn thành là 0,9 đối với giáo dục tiểu học, 0,71 đối với THCS và 0,44 đối với THPT. Ở những quốc gia có mức thu nhập thấp, chỉ số tương ứng là 0,36, 0,19 và 0,07.

Việc thành lập Nhóm Liên ngành về Bộ Chỉ số Bất bình đẳng Giáo dục là một bước tiến trong hướng đi đúng đắn vì nhóm sẽ hỗ trợ việc phân tích nhất quán các số liệu điều tra và tập hợp các nguồn số liệu chưa khai thác. Hoạt động ở mức độ toàn cầu cần phải được thực hiện ở cấp quốc gia.

GIỚI

Cân bằng giới đã được đảm bảo trên phạm vi toàn cầu vào năm 2014 đối với giáo dục TH, THCS và THPT, mặc dù chỉ có 63%, 46% và 23% các quốc gia đạt được cân bằng giới ở các cấp học tương ứng. Hơn nữa, những con số trung bình quốc gia đã che lấp sự bất cân bằng trong bản thân quốc gia và giữa các nhóm dân tộc. Ở Tiểu vùng Sahara Châu Phi, cân bằng giới đạt được ở những đối tượng hoàn thành tiểu học trong nhóm 20% học sinh giàu nhất, trong khi ở nhóm 20% học sinh nghèo nhất, tỷ lệ này chỉ là 83 nữ trên 100 nam hoàn thành tiểu học. Sự bất cân bằng còn lớn hơn ở cấp học cao hơn, với 73 nữ ở THCS và 40 nữ ở THPT.

Việc áp dụng chỉ số cân bằng giới để giám sát các khía cạnh về giới trong chỉ tiêu 4.5 không chỉ giới hạn ở tỷ lệ nhập học mà còn ở tất cả các chỉ số giáo dục, bao gồm kết quả học tập. Mặc dù đây là điều tích cực, nhưng chỉ số này chỉ giải quyết một trong nhiều lĩnh vực về bình đẳng giới trong giáo dục. Để cải thiện công tác giám sát bình đẳng giới trong giáo dục, cần tập trung nỗ lực vào việc thu thập thêm số liệu hoàn chỉnh hơn về các khía cạnh giới trong chương trình giảng dạy, SGK, đánh giá và đào tạo giáo viên; cũng như phải có các mối liên hệ chặt chẽ hơn giữa những người xây dựng các chỉ số bình đẳng giới trong giáo dục và các đối tượng khác nữa.

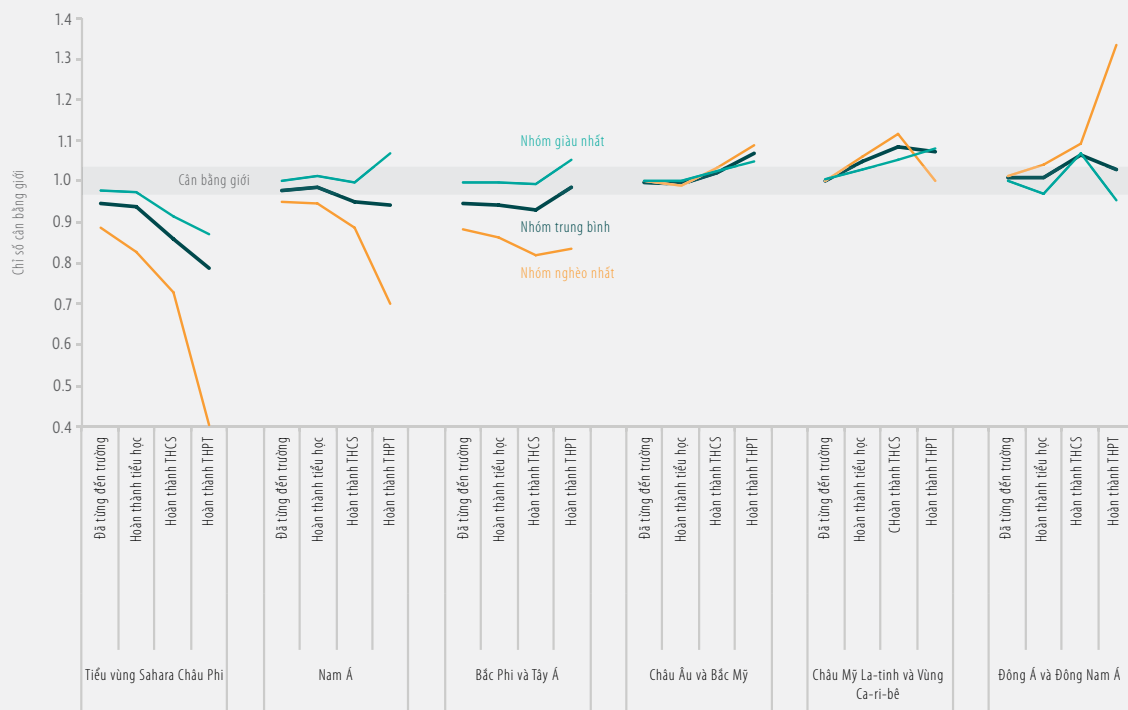
BẢNG 2:**Chỉ số cân bằng giới, theo khu vực và nhóm quốc gia thu nhập, 2014**

	TH		THCS		THPT	
	Chỉ số cân bằng giới	Tỷ lệ các quốc gia tương ứng (%)	Chỉ số cân bằng giới	Tỷ lệ các quốc gia tương ứng (%)	Chỉ số cân bằng giới	Tỷ lệ các quốc gia tương ứng (%)
Thế giới	0.99	63	0.99	46	0.98	23
Thu nhập thấp	0.93	31	0.86	9	0.74	5
Thu nhập trung bình thấp	1.02	52	1.02	33	0.93	17
Thu nhập trung bình cao	0.97	71	1.00	60	1.06	22
Thu nhập cao	1.00	81	0.99	59	1.01	37
Vùng Cáp-ca-dơ và Trung Á	0.99	100	0.99	83	0.98	29
Đông Á và Đông Nam Á	0.99	86	1.01	57	1.01	37
Châu Âu và Bắc Mỹ	1.00	93	0.99	67	1.01	31
Châu Mỹ La-tinh và Vùng Ca-ri-bê	0.98	48	1.03	39	1.13	19
Bắc Phi và Tây Á	0.95	56	0.93	46	0.96	33
Thái Bình Dương	0.97	64	0.95	44	0.94	0
Nam Á	1.06	29	1.04	25	0.94	38
Tiểu vùng Sahara Châu Phi	0.93	38	0.88	19	0.82	6

Chú thích: Tất cả các giá trị trong bảng đều là giá trị trung vị.
 Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện TK UNESCO (UIS).

HÌNH 11:**Tình trạng bất cân bằng giới cao hơn ở những nhóm nghèo nhất**

Chỉ số cân bằng giới cho một số chỉ số giáo dục cơ bản, theo mức độ giàu nghèo, vùng địa lý, 2008–2014



Chú thích: Các giá trị của Nam Á và Đông Nam Á, Bắc Phi và Tây Á chỉ thể hiện các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.
 Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD (2016) dựa trên dữ liệu khảo sát hộ gia đình.

KHUYẾT TẬT

Để xác định tiến độ thực hiện tiếp cận bình đẳng giáo dục đối với người khuyết tật đòi hỏi phải có một thước đo có thể so sánh quốc tế về khuyết tật, nhưng khuyết tật lại có nhiều loại hình khác nhau. Theo một thước đo, trong cả 30 hệ thống giáo dục ở Châu Âu, 3,7% học sinh giáo dục bắt buộc được xác định là có nhu cầu giáo dục đặc biệt năm 2010. UNICEF và Cơ quan Thống kê Khuyết tật Washington

hiện đang chủ trì xây dựng một thước đo khả thi về khuyết tật. Ngoài ra, cần phải giám sát xem đội ngũ nhà giáo có được trang bị kỹ lưỡng cũng như cơ sở vật chất có được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật không.

NGÔN NGỮ

Việc tiếp tục bỏ qua giáo dục đa ngôn ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ giúp lý giải những chênh lệch lớn về kết quả giáo dục. Cần nỗ lực hơn nữa để giám sát các chính sách về ngôn ngữ trong giáo dục. Theo một thước đo, khoảng 40% người dân trên toàn thế giới không tiếp cận được môi trường sư phạm theo ngôn ngữ mà họ có thể hiểu hoặc nói. Giám sát các tài liệu chính sách quốc gia không cho biết thông tin về việc liệu học sinh có được tiếp cận tài liệu dạy và học bằng ngôn ngữ ở nhà của các em không, giáo viên có được trang bị kiến thức không hay các chính sách chính thức có được thực hiện trên thực tế không. Ở Vùng Mopti của CH Ma-li, chỉ có 1% trường tiểu học dạy song ngữ bằng ngôn ngữ phù hợp và do một giáo viên đã qua đào tạo giảng dạy, mặc dù đã có chính sách quốc gia về vấn đề này.

DI CƯ VÀ DI DỜI BẮT BUỘC

“
Người tị nạn là nhóm dễ tổn thương nhất: 50% người tị nạn trong độ tuổi học tiểu học và 75% người trong độ tuổi trung học trên toàn thế giới hiện nay đang ngoài nhà trường.”

Cho dù có nhiều vấn đề còn tồn tại xoay quanh việc đáp ứng chỗ ở cho người di cư từ nông thôn, những người thường chuyển đến ở các khu ổ chuột hoặc các khu ven đô có ít khả năng tiếp cận các trường công lập, nhưng nhìn chung việc di cư tới các khu đô thị tạo điều kiện thuận lợi cho khả năng tiếp cận các dịch vụ công. Trong trường hợp di cư quốc tế, thách thức đối với các nhà hoạch định chính sách là những đối tượng học sinh này có xu hướng tập trung tại những trường ở các vùng khó khăn.

Những thách thức lớn liên quan đến những người thuộc diện di dời bắt buộc. Những người di dời trong nước thường tương đối ẩn dật. Tại 19 trong tổng số 42 trại di dời thuộc 6 tỉnh của Ni-giê-ri-a vào tháng 6 năm 2015, trẻ em không được tiếp cận giáo dục chính quy cũng như giáo dục không chính quy. Người tị nạn là nhóm dễ tổn thương nhất: 50% người tị nạn trong độ tuổi học tiểu học và 75% người trong độ tuổi trung học trên toàn thế giới hiện nay đang ngoài nhà trường. Việc giám sát thực trạng giáo dục của người di cư và người di dời bắt buộc thường rất khó khăn. Cần phải tăng cường các nỗ lực phối hợp để tìm hiểu rõ hơn những lý do dẫn tới tình trạng bất cân bằng trong

tiếp cận giáo dục của những nhóm đối tượng này.



CHI TIÊU 4.6

Biết chữ và toán số

Chi tiêu 4.6 thể hiện sự quan tâm của quốc tế đến tình hình biết chữ ở người lớn, vốn là một phần của mục tiêu GDMCN thứ tư, đồng thời cho ra 2 sáng kiến quan trọng. Thứ nhất, chỉ số toàn cầu về trình độ biết chữ và toán số được xây dựng rõ ràng dưới dạng thành thực về kỹ năng. Điều này sát với quan điểm xem biết chữ không chỉ là một tập hợp các kỹ năng nhận thức cơ bản mà còn là khả năng áp dụng chúng để đóng góp cho xã hội, đất nước và thay đổi cá nhân. Thứ hai, việc tham chiếu cụ thể tới kỹ năng toán số đòi hỏi phải chú ý tới những thuộc tính của nó.

THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI LỚN

Việc đo lường tỷ lệ tham gia của người lớn vào các chương trình giáo dục xóa mù chữ chính quy và không chính quy khó khăn đến kinh ngạc. Báo cáo Toàn cầu về Giáo dục Người lớn cần xây dựng một biểu mẫu báo cáo chuẩn tắc trong đó ít nhất có nội dung về tình hình tham gia của người lớn trong các chương trình giáo dục xóa mù chữ của nhà nước hoặc được tài trợ.

Phân tích mới đây phục vụ cho Báo cáo GSTCGD sử dụng một câu hỏi đã từng thường được đưa vào các cuộc Điều tra nhân khẩu và sức khỏe; kết quả phân tích chỉ ra rằng trong khoảng thời gian từ 2004 đến 2011, chỉ có 6% người lớn độ tuổi 15 tới 49 từng tham gia một chương trình giáo dục xóa mù chữ tại 29 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Phần lớn những người lớn mù chữ đều là phụ nữ và nghèo, nhưng lại có nhiều nam giới và những người khá giả hơn tham gia chương trình.

TỶ LỆ BIẾT CHỮ

Mặc dù Chương trình nghị sự PTBV đã chuyển dịch sự quan tâm sang các thước đo về mức độ thành thực về kỹ năng biết chữ, nhưng những công cụ đo lường cần thiết thì lại chưa có, vì vậy công tác báo cáo về tình hình biết chữ ở thanh niên và người lớn dựa trên các tỷ lệ biết chữ truyền thống vẫn sẽ tiếp tục được thực hiện. Trong giai đoạn 2005–2014, khoảng 758 triệu người lớn, tương đương 15%, trên phạm vi toàn cầu thiếu các kỹ năng biết chữ hành dụng, 63% trong đó là phụ nữ.

TRÌNH ĐỘ BIẾT CHỮ VÀ TOÁN SỐ

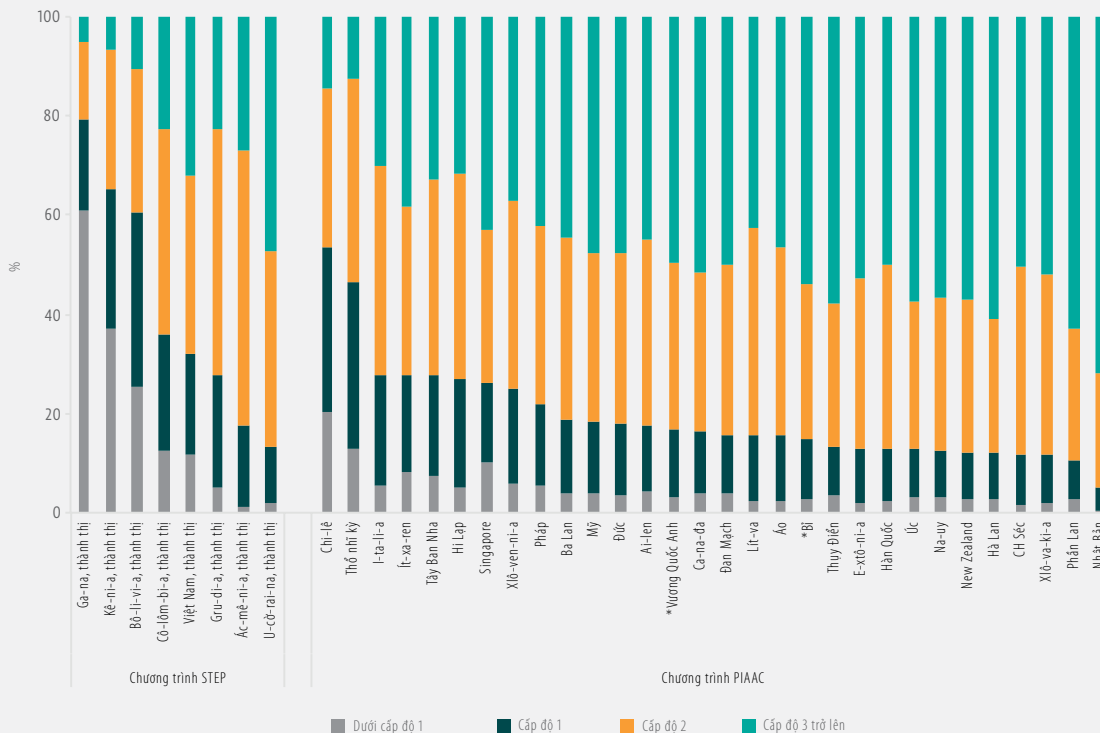
Thông tin về trình độ biết chữ và toán số, những chỉ số được đánh giá trực tiếp, sẵn có ở nhiều quốc gia có thu nhập cao. Trong số những người tham gia Chương trình Đánh giá Quốc tế về Năng lực Người lớn của OECD, 15% không đạt được tiêu chuẩn cơ bản về mức độ thành thực, mức độ này mới chỉ là rút ra những suy luận ở mức độ thấp từ các văn bản; tỷ lệ này dao động từ dưới 5% ở Nhật Bản tới gần 28% ở I-ta-li-a.

Hợp tác quốc tế là điều cần thiết để thúc đẩy công tác đánh giá trình độ biết chữ và toán số. Để cung cấp số liệu giám sát hữu ích đến năm 2030, cách tiếp cận tốt phải cân bằng được năng lực tự tiến hành đánh giá của các quốc gia với nhu cầu đánh giá các tiêu chuẩn toàn cầu.

HÌNH 12:

Đánh giá trình độ biết chữ trên thang đo liên tục phản ánh kỹ năng biết chữ ở người lớn một cách chính xác hơn.

Dân số người lớn theo mức độ thành thực về biết chữ, 2011–2014



Chú thích: Đối với những quốc gia có dấu hoa thị (*), số liệu của Chương trình Đánh giá quốc tế về năng lực của người trưởng thành (PIAAC) chỉ thể hiện các vùng thuộc: Jakarta của In-đô-nê-xi-a, Anh và Bắc Ai Len của Vương Quốc Anh, Vùng Flanders của Bỉ.

Nguồn: OECD (2013; 2016) và Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD sử dụng số liệu STEP của Ngân hàng Thế giới.



CHI TIÊU 4.7

Phát triển bền vững và công dân toàn cầu

Hơn bất kỳ chỉ tiêu nào khác, Chỉ tiêu 4.7 liên quan đến các mục đích của giáo dục từ góc độ xã hội, nhân văn và đạo đức. Chỉ tiêu này gắn kết chặt chẽ giáo dục với các MPTTBV khác, đồng thời phản ánh mong muốn chuyển đổi của chương trình nghị sự mới về phát triển toàn cầu.

Báo cáo GSTCGD tập trung vào chỉ số toàn cầu được đề xuất và xem xét mức độ lồng ghép nội dung công dân toàn cầu và phát triển bền vững vào các can thiệp toàn hệ thống, các tài liệu giảng dạy như khung chương trình giảng dạy quốc gia và sách giáo khoa, và chương trình đào tạo giáo viên.

Việc xác định các chỉ số để giám sát kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết nhằm thúc đẩy phát triển bền vững thực sự rất khó khăn. Báo cáo này xem xét những sáng kiến có thể được áp dụng để giám sát việc lĩnh hội các kiến thức và kỹ năng liên quan, cũng như thái độ của thanh niên và người lớn.

Chỉ tiêu 4.7 rất phù hợp với một khung HTSD, và không cụ thể hóa cấp học/trình độ đào tạo hay nhóm tuổi nào gắn với các chuyên đề của nó. Các chỉ số giám sát toàn cầu được đề xuất chủ yếu tập trung vào trẻ em và vị thành niên trong giáo dục chính quy. Không có một chỉ số giám sát đề xuất nào để cập một cách rõ ràng tới các đối tượng người học là người lớn trong giáo dục không chính quy và phi chính quy.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

Chương trình giáo dục là phương tiện chính để truyền tải kiến thức và kỹ năng về phát triển bền vững và công dân toàn cầu. Có một chỉ số giám sát đề xuất đo lường mức độ thực hiện cấp quốc gia đối với Khung Chương trình Thế giới về Giáo dục Quyền con người. Chỉ số này chứa đựng các thuộc tính của Chỉ tiêu 4.7 liên quan đến quyền con người, tự do cơ bản và khoan dung, cùng nhiều khía cạnh khác.

Một chỉ số khác được đề xuất để giám sát chỉ tiêu 4.7 – tỷ lệ nhà trường thực hiện các chương trình giáo dục phòng chống HIV/AIDS và giáo dục giới tính theo chuyên đề kỹ năng sống – đáp ứng 5 thuộc tính của chỉ tiêu 4.7: quyền con người, bình đẳng giới, văn hóa hòa bình, phi bạo lực, và kiến thức – kỹ năng để thúc đẩy phát triển bền vững và lối sống. Việc đưa chỉ số này vào các hệ thống thông tin quản lý giáo dục và các khảo sát cấp trường đã được thử nghiệm ở vài quốc gia, theo đó sẽ giúp nâng cao hiệu quả của công tác giám sát trong tương lai.

“
Trong giai đoạn 2005-2015, ba phần tư (3/4) số quốc gia đã ít nhiều chú trọng đến các vấn đề phát triển bền vững trong chương trình giáo dục quốc dân của mình.

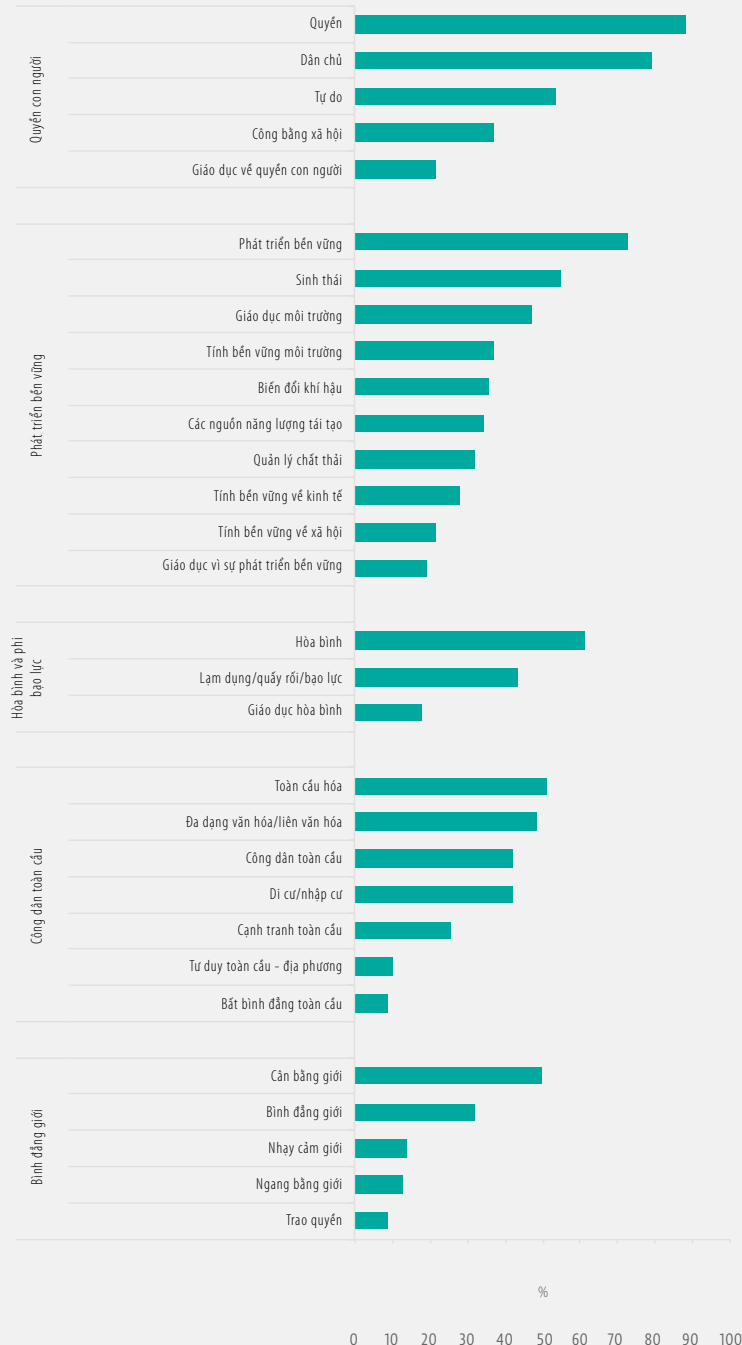
Việc tiếp tục nghiên cứu về chương trình giáo dục theo môn học sẽ giúp hiểu rõ hơn về tiến độ thực hiện chỉ tiêu 4.7. Cần có danh sách các khung chương trình giảng dạy và tài liệu liên quan ở cấp quốc gia. Kết quả phân tích phục vụ Báo cáo GSTCGD đối với trên 110 khung chương trình quốc gia cấp tiểu học và trung học tại 78 quốc gia cho thấy, trong giai đoạn 2005–2015, 3/4 số quốc gia ít nhiều chú trọng đến các vấn đề phát triển bền vững, nhưng có rất ít quốc gia đề cập đến những thuật ngữ liên quan đến công dân toàn cầu. Bình đẳng giới cũng ít xuất hiện: chưa đầy 15% các quốc gia lồng ghép các thuật ngữ chủ chốt như trao quyền giới, cân bằng giới hay nhạy cảm giới, trong khi nửa số quốc gia có đề cập bình đẳng giới.

SÁCH GIÁO KHOA

Những tiến bộ gần đây về phân tích nội dung sách giáo khoa (SGK) là biểu hiện tích cực cho việc đánh giá nội dung chương trình. Đối với Báo cáo GSTCGD, có 3 bộ số liệu về SGK trung học các môn lịch sử, giáo dục công dân, khoa học xã hội và địa lý được tổng hợp. Kết quả phân tích cho thấy gần 50% SGK đề cập đến quyền con người trong giai đoạn 2000–2013, so với khoảng 5% trong giai đoạn 1890–1913. Chỉ hơn 10% lượng SGK ở Bắc Phi và Tây Á có đề cập đến quyền của phụ nữ trong vòng thập kỷ qua. Từ kết quả phân tích này, ta thấy có thể xây dựng các thước đo hợp lệ và đáng tin cậy đánh giá việc sử dụng SGK. Cơ chế giám sát định kỳ cần được thiết lập

HÌNH 13:**Quyền con người là khái niệm phổ biến nhất trong chương trình giáo dục quốc dân**

Tỷ lệ quốc gia lồng ghép những khái niệm quan trọng vào khung chương trình giáo dục, 2005–2015



Chú thích: Đây là kết quả phân tích dựa trên mẫu đại diện gồm 78 quốc gia
 Nguồn: IBE (2016).

nhằm cung cấp các số liệu so sánh toàn cầu về nội dung SGK.

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Giáo viên cần được trang bị kiến thức và kỹ năng để giảng dạy về những lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững và công dân toàn cầu. Chỉ có 8% trong tổng số 66 quốc gia được khảo sát có lồng ghép nội dung phát triển bền vững vào công tác đào tạo giáo viên vào năm 2013, so với 2% năm 2005. Nội dung chương trình đào tạo giáo viên hiếm khi có sẵn, nhưng một số thông tin, chủ yếu ở cấp khu vực, đã được thu thập. Cần phải khẩn trương có những nỗ lực mạnh mẽ hơn để đánh giá các khái niệm trong chỉ tiêu 4.7 về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Việc áp dụng quy trình đưa các tiêu chuẩn vào các chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo giáo viên sẽ giúp ta có thể phân tích tính hiệu quả của công tác chuyên môn trong việc đào tạo giáo viên để đáp ứng nhu cầu của nhiều cộng đồng học sinh khác nhau.

CÁC HOẠT ĐỘNG NGOÀI LỚP HỌC

Học sinh được giảng dạy về tính bền vững và công dân toàn cầu không chỉ trong bối cảnh nhà trường mà còn thông qua các câu lạc bộ học tập, hội học sinh, câu lạc bộ thể thao, sân phẩm sân khấu, nhóm âm nhạc, hoạt động tình nguyện và nhiều hoạt động khác. Kết quả phân tích phục vụ Báo cáo GSTCGD chỉ ra rằng các hoạt động có tính hòa nhập, được thiết kế công phu và dễ tiếp cận sẽ giúp cải thiện khả năng giải quyết xung đột và tăng gắn kết xã hội, nâng cao nhận thức về các khung pháp lý và khái niệm liên quan đến quyền con người, đồng thời thúc đẩy ý thức công dân toàn cầu. Các công cụ thu thập số liệu hiện có chưa quan tâm đúng mức tới chất lượng của các trải nghiệm và quá trình phát triển trong những hoạt động này. Ngoài ra, việc thiếu các chuẩn mực báo cáo thống nhất đã hạn chế khả năng tập hợp được các số liệu đáng tin cậy và có khả năng so sánh toàn cầu.

KẾT QUẢ

Để giám sát mục đích cốt lõi của chỉ tiêu 4.7 – tiếp thu kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp phát triển bền vững – là điều không hề dễ dàng. Sự hiểu biết cơ bản và liên quan tới nhau như lịch sử thế giới, địa lý, các thiết chế thể giới và quá trình vận hành toàn cầu có thể đóng vai trò là xuất phát điểm,

nhưng hiện nay có rất ít các đánh giá nhận thức về lĩnh vực này. Ở nhiều quốc gia, chỉ có 2/3 học sinh là biết đến Tuyên bố Toàn cầu về Quyền con người.

Có một thách thức lớn ở đây, đó là phải giải quyết sự căng thẳng giữa các giá trị địa phương và các cam kết toàn cầu ngày càng tăng lên. Những sáng kiến gần đây tìm cách cải thiện cơ chế giám sát đối với chỉ tiêu 4.7 liên quan đến vị thành niên, chủ yếu là ở giáo dục phổ thông. Năm 2016, UNESCO và Hiệp hội Quốc tế Đánh giá Kết quả Học tập đã chính thức bắt đầu hợp tác đánh giá kiến thức về công dân toàn cầu và phát triển bền vững. Ma trận Học tập Tiểu học Đông Nam Á, chú trọng vào công dân toàn cầu ở lớp 5, phần đầu xây dựng các đánh giá mang tính so sánh sát hơn với điều kiện địa phương.



CHI TIÊU 4.A

Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục và môi trường học tập

Chi tiêu 4.a coi việc lấy trẻ em làm trung tâm, tham gia dân chủ và hòa nhập là những nguyên tắc của nhà trường thân thiện. Không phải tất cả những yếu tố này đều dễ giám sát trên phạm vi toàn cầu, nhưng có 3 khía cạnh để giám sát, đó là: cơ sở vật chất nhà trường, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), và bạo lực và tấn công trong nhà trường.



Năm 2013, chỉ có 52% các trường tiểu học có đủ nguồn nước sinh hoạt ở các quốc gia kém phát triển nhất.

CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ TRƯỜNG

Cải thiện các công trình nước và vệ sinh trong các cơ sở giáo dục có thể có những tác động đáng kể và tích cực đến tình hình sức khỏe và kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, chỉ có 71% trong số các nhà trường tiểu học có đủ nguồn nước vào năm 2013, và con số này chỉ là 52% ở 49 quốc gia kém phát triển nhất.



Khi nhà trường không được an toàn, thì tác động của thảm họa thiên tai sẽ tăng lên bội phần. Một số quốc gia kiểm soát rất chặt chẽ sự an toàn của nhà trường, nhưng không phải tất cả các quốc gia đều có đủ nguồn lực để giám sát tỷ mỉ. Các công cụ giám sát đồng tham gia đã được xây dựng để giúp học sinh và cộng đồng cung cấp thông tin về điều kiện nhà trường.

Người khuyết tật phải vượt qua rất nhiều rào cản từ thể chất đến xã hội để được tiếp cận nhà trường. Do thiếu một định nghĩa về nhà trường dễ tiếp cận cộng với năng lực giám sát hạn chế, nên thật khó để biết được liệu các công trình có thực sự phù hợp với trẻ khuyết tật hay không.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

Cơ sở để giám sát ICT trong giáo dục là Khung Hành động Geneva 2003 được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin, trong đó có 2 chỉ tiêu liên quan đến giáo dục.

Để ứng dụng ICT trong nhà trường đòi hỏi phải có nguồn điện ổn định. Ở nhiều quốc gia thuộc Tiểu vùng Sahara Châu Phi, việc thiếu điện đã làm giảm khả năng sử dụng ICT. Ở Cộng hòa Trung Phi, gần như không một trường tiểu học hay trung học nào có điện lưới. Ở Ghi-nê và Ma-đa-gát-xca, trung bình có tới hơn 500 người học trên một máy tính.

BẠO LỰC VÀ TẤN CÔNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

Các hành vi bạo lực hoặc các mối đe dọa liên quan đến nhà trường có thể xảy ra trong khuôn viên trường học, nhưng cũng có thể xảy ra trên đường tới trường, tại nhà hoặc trên mạng. Mặc dù người ta thường chỉ chú ý đến những trường hợp cực đoan, chẳng hạn như bắn nhau, nhưng những hình thức bạo lực phổ biến hơn lại có tác động tiêu cực lớn nhất đến tình hình giáo dục trẻ em và vị thành niên. Các vụ bạo lực này thường không được thông báo đầy đủ, vì nó còn liên quan đến sự cấm kỵ.

“
Khoảng 40% trẻ em 13-15 tuổi ở 37 quốc gia cho biết đã từng tham gia đánh nhau trong giai đoạn 2009–2012.”

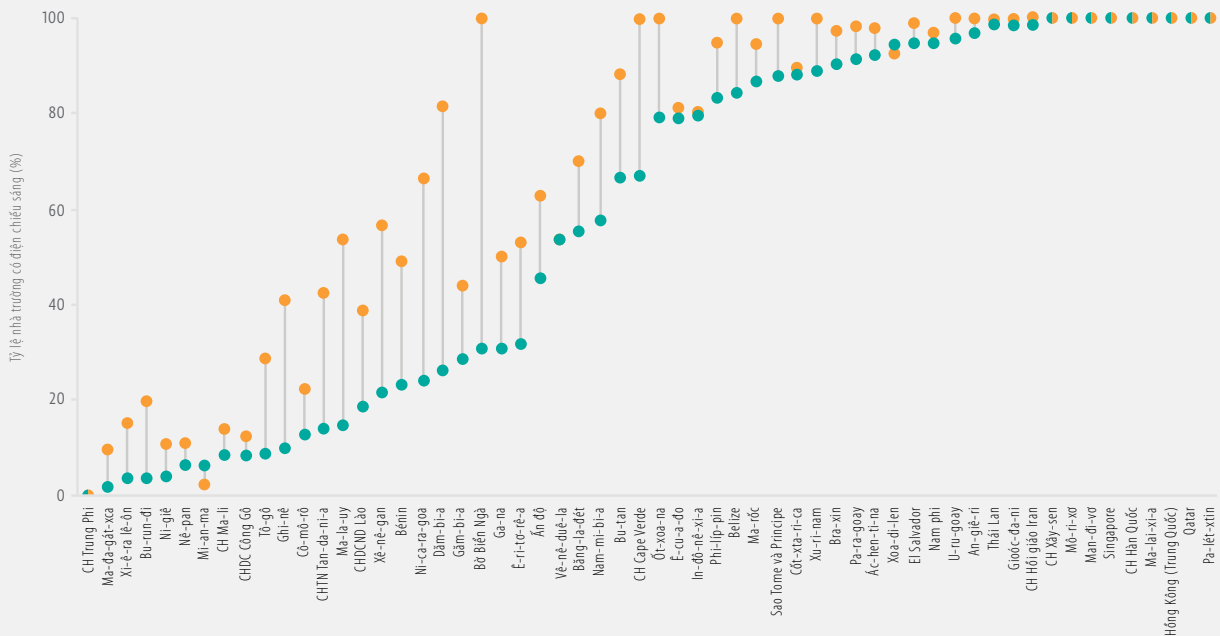
Bất nạt học đường là hình thức bạo lực được ghi nhận nhiều nhất trong nhà trường. Theo Nghiên cứu Xu hướng Toán học và Khoa học Quốc tế (TIMSS) năm 2011, khoảng 41% học sinh lớp 8 cho biết bị bắt nạt ít nhất một lần trong tháng trước. Bạo lực thân thể là hình thức rất phổ biến. Khoảng 40% trẻ em 13-15 tuổi ở 37 quốc gia cho biết đã từng tham gia đánh nhau trong giai đoạn 2009–2012. Bạo lực tình dục là hình thức bạo lực rất nguy hiểm trong nhà trường, mà trong nhiều trường hợp, phạm vi và mức độ thường bị che giấu. Nói chung, các cuộc khảo sát quốc tế cần phải điều phối tốt hơn nữa các câu hỏi mà họ sử dụng để đảm bảo đo lường một cách nhất quán xu hướng bạo lực học đường trên phạm vi toàn cầu.

Công tác giám sát các vụ tấn công liên quan đến giáo dục cũng là việc hết sức quan trọng để đáp ứng hiệu quả và quy trách nhiệm cho thủ phạm. Việc sử dụng nhà trường vào mục đích quân sự đã diễn ra tại 26 quốc gia trong giai đoạn 2005–2015. Trong giai đoạn 2009–2012, ở 6 quốc gia, có ít nhất 1.000 vụ tấn công liên quan đến giáo dục ở mỗi quốc gia.

HÌNH 14:

Hầu hết các trường tiểu học không có điện ở một số quốc gia nghèo nhất

Tỷ lệ trường tiểu học và trung học có điện chiếu sáng, 2009–2014



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện TK UNESCO (UIS).



CHI TIÊU 4.B

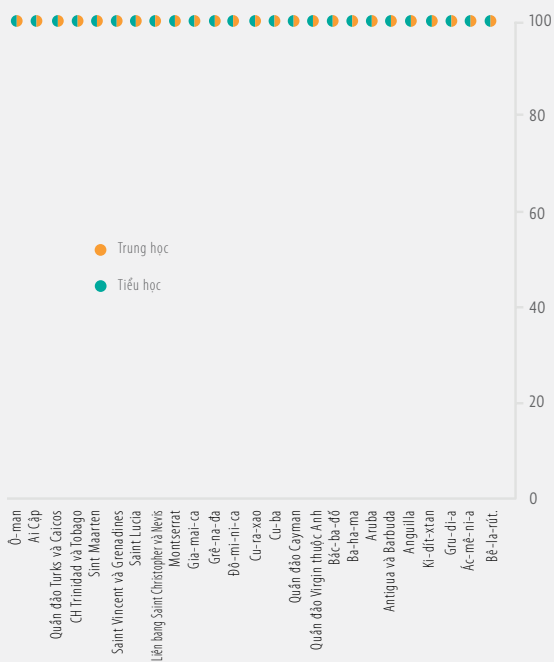
Học bổng

Chi tiêu 4.b, chú trọng đến các quốc gia cụ thể, có vẻ như không nhất quán với một chương trình nghị sự toàn cầu. Giống như tất cả các chỉ tiêu khác, nó có tham vọng giảm thiểu sự bất bình đẳng giữa các quốc gia, nhưng nó có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng trong các quốc gia bởi lẽ những đối tượng hưởng lợi từ học bổng thường có xu hướng có hoàn cảnh thuận lợi. Ngoài ra, nhiều người nhận học bổng không trở về sau khi học xong. Điều này cho thấy học bổng có xu hướng hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học của các nước giàu thay vì mang lại lợi ích cho những nước nghèo.

“
Thông tin thu được phục vụ cho Báo cáo này từ 54 chương trình học bổng chính phủ cho thấy có khoảng 25.000 suất học bổng được cấp vào năm 2015.
 ”

Việc thiết kế chi tiêu 4.b còn thiếu một số khía cạnh. Báo cáo này đề xuất chỉ nên tính học bổng là hợp lệ nếu học bổng ấy cấp để học tập ở các cơ sở giáo dục đại học tại những quốc gia không phải là quốc gia của chính người nhận học bổng, đồng thời học bổng phải được nhà nước tài trợ ít nhất một phần.

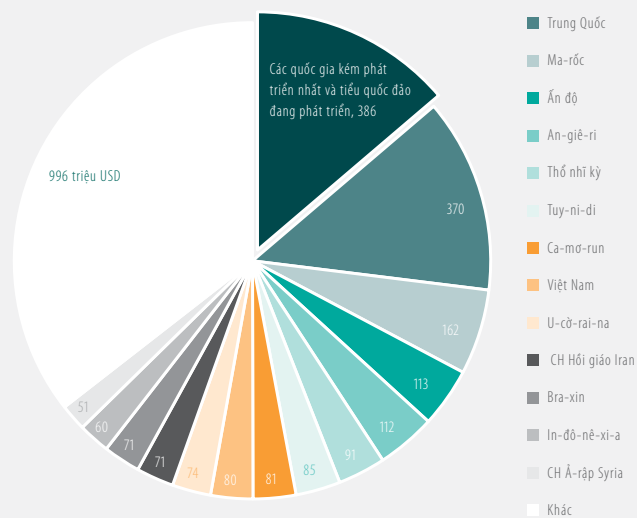
Tỷ lệ sinh viên đi học nước ngoài, nghĩa là số lượng sinh viên từ một quốc gia đi học ở nước ngoài, được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên tổng số sinh viên nhập học giáo dục đại học ở quốc gia đó, ở các quốc gia đang phát triển là 1,8%. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, tiêu biểu là những



HÌNH 15:

Một nửa số kinh phí viện trợ cho học bổng và sinh hoạt phí của sinh viên tập trung ở 13 quốc gia có thu nhập trung bình

Phân bố học bổng và sinh hoạt phí của sinh viên theo quốc gia tiếp nhận, 2014



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo GSTCGD (2016) sử dụng dữ liệu của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển (DAC) thuộc OECD.

tiểu quốc đảo đang phát triển, con số này cao hơn đáng kể. Ở Saint Lucia, trung bình cứ có 10 sinh viên học trong nước thì có 5 sinh viên du học nước ngoài.

Điều đáng ngạc nhiên là hiện nay không có con số tổng hợp trên phạm vi toàn cầu về số lượng học bổng, chứ chưa nói đến quốc tịch của người nhận học bổng hay ngành học. Thông tin thu thập phục vụ cho Báo cáo GSTCGD từ 54 chương trình học bổng của nhà nước chỉ ra rằng có khoảng 22.500 suất học bổng được cấp trong năm 2015, tương ứng với 1% số lượng sinh viên di chuyển ra khỏi các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình thấp.

Cần có một cơ chế toàn cầu để giám sát học bổng nhằm cập nhật thông tin về các chỉ số như số lượng học bổng được cấp, số năm được cấp trên mỗi học bổng, số lượng người nhận học bổng hoàn thành chương trình học và số lượng người nhận học bổng trở về nước làm việc sau khi hoàn thành khóa học.

Số liệu về vốn viện trợ có thể cung cấp một phần thông tin về các chương trình học bổng. Năm 2014, 2,8 tỷ USD vốn viện trợ được phân bổ cho học bổng và sinh hoạt phí của sinh viên. Trong số này, 386 triệu USD được chuyển tới các quốc gia kém phát triển nhất và tiểu quốc đảo đang phát triển.



Đội ngũ giáo viên

CHI TIÊU 4.C

Đã có nhiều người bày tỏ sự thất vọng về việc MTPTBV xem giáo viên như là ‘phương tiện thực hiện’, vì như thế rất có nguy cơ đánh giá thấp sự đóng góp quan trọng của nghề này vào sự nghiệp giáo dục chất lượng tốt cũng như môi trường học tập thuận lợi. Việc thiết kế chỉ tiêu này khá yếu, ít đề cập đến các vấn đề chủ chốt của giáo viên.

Báo cáo GSTCGD giải quyết các khía cạnh liên quan đến giám sát cam kết được thể hiện trong Khung Hành động 2030 về Giáo dục, đó là ‘đảm bảo rằng giáo viên, các nhà giáo nói chung được trao quyền, tuyển dụng đầy đủ, đào tạo bài bản, đạt chuẩn nghề nghiệp, được khuyến khích và hỗ trợ’.

CUNG CẤP ĐỦ GIÁO VIÊN ĐẠT CHUẨN

Tình trạng lớp học quá đông vẫn còn khá phổ biến ở nhiều quốc gia nghèo nhất cho thấy có tình trạng thiếu giáo viên. Có hai thách thức lớn trong việc xác định tình trạng thiếu giáo viên: số liệu thống kê về tỷ lệ trung bình giáo viên che khuất sự bất bình đẳng rất lớn tại bản thân các quốc gia, và số lượng giáo viên không thể tách rời khỏi chất lượng. Các nhà hoạch định chính sách thường đáp ứng nhu cầu tăng lên về mở rộng tiếp cận giáo dục và quy mô lớp học bằng cách hạ thấp tiêu chuẩn tuyển dụng.

Số liệu về giáo viên ‘đạt chuẩn’ theo cách gọi của chỉ tiêu này, thường được hiểu chủ yếu dưới dạng bằng cấp, hiện nay khá hạn chế. Năm 2014, trung bình có 82% giáo viên có bằng cấp tối thiểu cần thiết để dạy mẫu giáo, 93% giáo dục tiểu học và 91% giáo dục trung học.

Chỉ số toàn cầu đối với chỉ tiêu 4.C – tỷ lệ phần trăm giáo viên đã qua đào tạo tối thiểu – có mức độ bao phủ rộng hơn nhưng lại thiếu một chuẩn tham chiếu để so sánh với các chuẩn quốc gia. Ngay cả như vậy, có nhiều bằng chứng rõ ràng cho thấy nhiều giáo viên chưa đạt được tiêu chí đào tạo tối thiểu. Ở vùng Ca-ri-bê, tỷ lệ giáo viên tiểu học đã qua đào tạo là 85%. Ở Bắc Phi và Tây Á, tỷ lệ giáo viên mầm non đã qua đào tạo là 74%. Ở Tiểu vùng Sahara Châu Phi, chưa đầy 1/2 số giáo viên mẫu giáo và 3/4 giáo viên THPT đã qua đào tạo.

Vốn viện trợ cho công tác đào tạo giáo viên đã tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 2002–2014 lên tới 251 triệu USD, tương đương với 2% tổng vốn viện trợ trực tiếp cho giáo dục. Các quốc gia kém phát triển nhất nhận được 41% tổng vốn viện trợ cho đào tạo giáo viên và tiểu quốc đảo đang phát triển nhận được 7%.

THÚC ĐẨY VÀ HỖ TRỢ GIÁO VIÊN

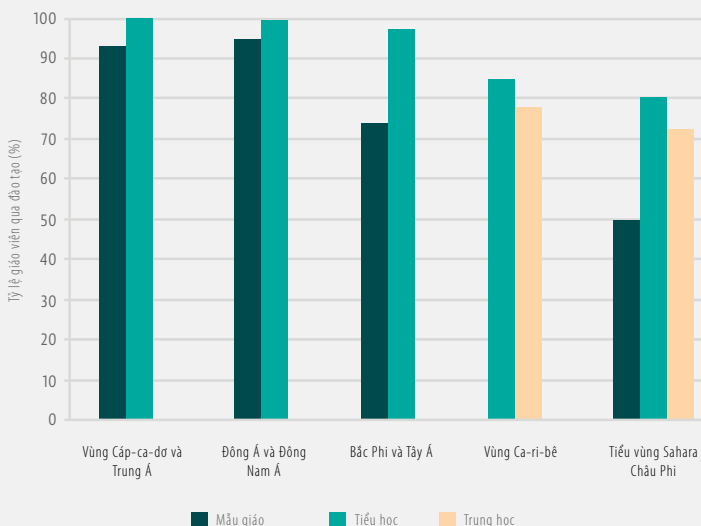
Làm thế nào để thúc đẩy và hỗ trợ giáo viên là mối quan tâm lớn về chính sách được phản ánh trong Khung Hành động 2030 về Giáo dục. Để thu thập được những thông tin trực tiếp từ giáo viên về những yếu tố như sự thúc đẩy và sự hài lòng với công việc là một thách thức lớn.

Báo cáo đã xem xét các yếu tố bên ngoài, chủ yếu liên quan đến chính sách của chính phủ:

HÌNH 16:

Hơn một nửa số giáo viên mẫu giáo và một phần tư giáo viên trung học ở Tiểu vùng Sahara Châu Phi không qua đào tạo

Tỷ lệ giáo viên qua đào tạo, theo cấp học và khu vực, 2014



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện TK UNESCO (UIS).

bổ nhiệm bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ. Khảo sát Quốc tế về Dạy và Học năm 2013 phát hiện thấy khoảng 25% giáo viên THCS có dưới 5 năm thâm niên cho biết họ được phân công một người giúp đỡ, con số này giảm xuống còn 6% ở Chi-lê và 9% ở I-ta-li-a.

Chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh là yếu tố không thể thiếu để tuyển dụng và giữ chân những người giỏi nhất trong nghề. Ở Cộng hòa Đô-mi-ni-ca, một giáo viên trung bình có mức thu nhập cao hơn khoảng 70% so với các nghề khác, trong khi ở U-ru-goay, giáo viên được hưởng thuận lợi hơn một chút.

Nói chung, còn rất nhiều việc phía trước cần phải làm để có thể thu thập được số liệu đáng tin cậy về chế độ lương bổng, điều kiện làm việc và tình hình nghỉ việc ở giáo viên.



CHI TIÊU 4.5

Tài chính

Chương trình nghị sự 2030 đưa ra 3 chỉ tiêu liên quan đến phương thức thực hiện, nhưng không chỉ tiêu nào để cập tới tài chính cho giáo dục – dù rằng việc thiếu nguồn lực tài chính được phân bổ công bằng là nguyên nhân chính khiến thế giới không hoàn thành các mục tiêu GDMCN vào năm 2015.

Mặc dù không có chỉ tiêu về tài chính, nhưng hệ thống số liệu hoàn chỉnh và định kỳ về tài chính cho giáo dục là điều kiện tiên quyết để lập kế hoạch giáo dục một cách hiệu quả cũng như để giám sát cam kết của tất cả các bên đối với chương trình nghị sự toàn cầu về giáo dục.

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN GIÁO DỤC QUỐC GIA

Các thảo luận về tài chính cho giáo dục thường hiếm khi xem xét việc kết hợp và tác động qua lại của các nguồn chi cho giáo dục — chi chính phủ, hỗ trợ từ bên ngoài và chi tiêu hộ gia đình. Khi gặp phải thách thức tương tự, ngành y tế đã xây dựng hệ thống tài khoản y tế quốc gia để thu thập và xử lý số liệu chi tiêu y tế.

Một dự án gần đây được triển khai nhằm xây dựng hệ thống tài khoản giáo dục quốc gia (NEA) tại 8 quốc gia. Chẳng hạn Chính phủ Nê-pan chi 3,5% GDP cho giáo dục, thấp hơn Việt Nam 2,6 điểm phần trăm. Nhưng khi tính cả nguồn chi tiêu của hộ gia đình và các nguồn khác, thứ tự này lại bị đảo ngược: Nê-pan phân bổ cho giáo dục nhiều hơn 1,5 điểm phần trăm so với Việt Nam.

CẢI THIỆN SỐ LIỆU TÀI CHÍNH

Để xây dựng hệ thống NEA hiệu quả, cần thiết phải cải thiện thông tin về các luồng chi tiêu từ chính phủ, đối tác viện trợ và hộ gia đình.

CHI TIÊU CÔNG

Khung Hành động 2030 về Giáo dục đề xuất 2 mức làm 'điểm tham chiếu quan trọng': phân bổ ít nhất 4% đến 6% GDP cho giáo dục, và/hoặc

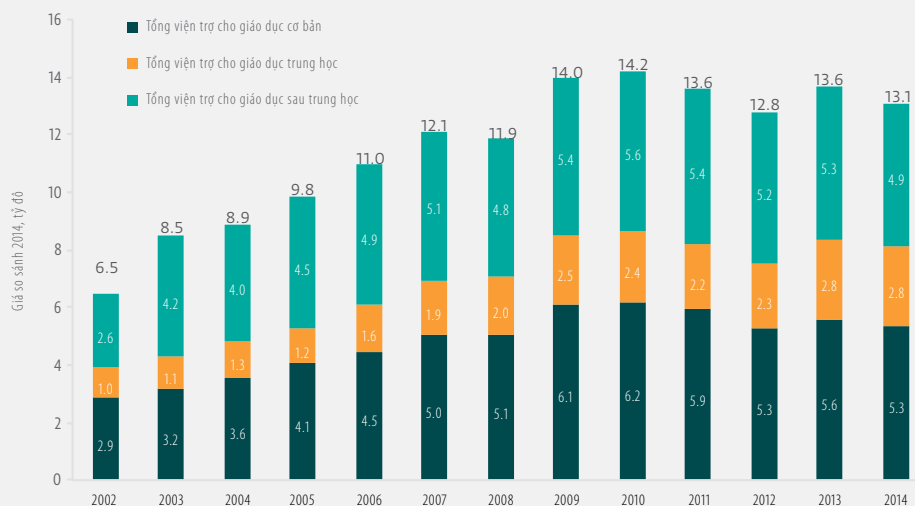
BẢNG 3:
Chi tiêu công cho giáo dục, theo vùng và nhóm quốc gia thu nhập, 2014

	Tỷ trọng chi cho giáo dục trong GDP (%)	Số lượng quốc gia chi <4%	Tỷ trọng chi cho giáo dục trong chi tiêu công (%)	Số lượng quốc gia chi <15% chi tiêu công	Số lượng quốc gia chi <4% GDP và <15% chi tiêu công
Thế giới	4.6	51	14.2	70	35
Thu nhập thấp	3.9	13	16.7	9	9
Thu nhập trung bình thấp	4.1	13	15.6	13	10
Thu nhập trung bình cao	4.6	9	15.7	11	7
Thu nhập cao	4.9	16	11.9	37	9
Vùng Cáp-ca-dơ và Trung Á	2.8	4	12.9	3	3
Đông Á và Đông Nam Á	3.9	7	15.4	6	4
Châu Âu và Bắc Mỹ	5.0	7	12.1	31	5
Châu Mỹ La-tinh và Vùng Ca-ri-bê	4.9	7	16.1	6	3
Bắc Phi và Tây Á	...	3	...	5	3
Thái Bình Dương	...	2	...	2	1
Nam Á	3.8	5	15.3	4	4
Tiểu vùng Sahara Châu Phi	4.3	16	16.6	13	12

Chú thích: Tất cả các giá trị trong bảng đều là giá trị trung vị.
Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Viện TK UNESCO (UIS).

HÌNH 17:**Viện trợ cho giáo dục vẫn chưa đạt mức năm 2010**

Tổng vốn viện trợ được giải ngân cho giáo dục, 2002–2014



Nguồn: Kết quả phân tích của Nhóm tác giả Báo cáo TCGSD dựa trên thông tin thu được từ cơ sở dữ liệu Hệ thống Báo cáo Chủ nợ (CRRS) thuộc OECD.

phần bổ ít nhất 15% đến 20% chi tiêu công cho giáo dục. Trên phạm vi toàn cầu, các quốc gia dành 4.6% GDP cho giáo dục và phân bổ 14.2% chi tiêu công cho giáo dục; ít nhất 35 quốc gia chi dưới 4% GDP và phân bổ dưới 15% chi tiêu công cho giáo dục.

Kết quả phân tích các chỉ số tài chính cho giáo dục công cho thấy việc cung cấp thông tin không đều đặn. Chỉ có 60% các quốc gia có số liệu về tỷ lệ phần trăm tổng chi cho giáo dục trong GDP cho bất kỳ năm nào kể từ năm 2000. Để đảm bảo có sẵn các số liệu tin cậy về chi cho giáo dục, quản lý tốt chi tiêu công ở cấp quốc gia là điều hết sức quan trọng.

Công tác đánh giá chi tiêu công phải mở rộng trọng tâm sang tính bình đẳng cũng như mức độ bù đắp cho những khó khăn trong giáo dục. Việc so sánh giữa các quốc gia là điều khả thi song đòi hỏi rất nhiều nỗ lực lớn hướng tới áp dụng một quy trình, thống nhất về một khung làm việc và thực sự tiến hành đánh giá. Để huy động sự vào cuộc của các quốc gia, trước hết cần phải thiết lập một cơ chế đánh giá lẫn nhau, thông qua đó các nước có thể học tập lẫn nhau.

CHI TIÊU VỐN VIỆN TRỢ

Vốn viện trợ cần phải tăng ít nhất 6 lần để bù đắp thiếu hụt tài chính hàng năm lên tới 39 tỷ USD, nhưng mức viện trợ trong năm 2014 thấp hơn so với mức đỉnh năm 2010 tới 8%. Khoản thiếu hụt tài chính này có thể được khắc phục nếu như các nhà tài trợ dành 0,7% tổng thu nhập quốc gia (GNI) cho viện trợ và phân bổ 10% vốn viện trợ cho giáo dục cơ bản và giáo dục phổ thông; kể từ năm 2005, tổng vốn viện trợ dao động trong khoảng 0,3% thu nhập quốc gia của các quốc gia tài trợ.

Những nước nghèo cần được ưu tiên viện trợ, tuy nhiên thực tế là những quốc gia có thu nhập thấp đã nhận được 28% tổng vốn tài trợ cho giáo dục cơ bản trong năm 2014 nhưng lại chiếm tới 43% trẻ em không hoàn thành tiểu học.

Các mức viện trợ nhân đạo cũng cần được giám sát. Năm 2015, lĩnh vực giáo dục nhận được 198 triệu, hoặc dưới 1,9% tổng viện trợ nhân đạo.

CHI TIÊU HỘ GIA ĐÌNH

Tỷ trọng chi tiêu hộ gia đình trong tổng chi cho giáo dục ở các quốc gia nghèo có xu hướng cao hơn so với các quốc gia giàu. Giảm tỷ trọng này là điều quan trọng để đảm bảo đạt được trọng tâm về bình đẳng trong các chỉ tiêu mới về giáo dục. Ở hầu hết các quốc gia đều có thông tin về chi tiêu hộ gia đình. Phân tích phục vụ Báo cáo GSTCGD cho thấy ít nhất 99 trong số các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình đã đưa những câu hỏi liên quan vào cuộc khảo sát về chi tiêu quốc gia trong giai đoạn 2008-2014; 67 quốc gia đưa những câu hỏi về các hạng mục chi cá nhân. Tuy nhiên, những số liệu này lại hiếm khi được sử dụng. Các nhà hoạch định chính sách có lẽ không hề biết về sự tồn tại và tầm quan trọng của các số liệu này, hoặc họ còn có hạn chế trong năng lực phân tích số liệu và rút ra các kết luận.

Các hệ thống giáo dục

“
Mặc dù một khung toàn cầu để đánh giá các chính sách và hệ thống giáo dục của các quốc gia là điều chúng ta mong muốn, nhưng trên thực tế một cách tiếp cận cấp vùng hoặc tiểu vùng mới là điều khả thi.”

Cần phải có một bộ chỉ số được thẩm định, nặng về định tính về các hệ thống và chính sách giáo dục để hỗ trợ cho công tác giám sát thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về Giáo dục. Mặc dù có được một khung toàn cầu là điều lý tưởng, nhưng trên thực tế cách tiếp cận theo khu vực hoặc tiểu khu vực là điều khả thi hơn.

CÔNG CỤ TOÀN CẦU ĐỂ GIÁM SÁT CÁC HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Năm 1996, Cơ quan Giáo dục Quốc tế của UNESCO (IBE) đã xây dựng các chuỗi Số liệu về Giáo dục Thế giới. Đây là nguồn thông tin rất có giá trị về các hệ thống giáo dục ở cấp toàn cầu, nhưng khó khăn về nguồn lực đã ảnh hưởng đến việc duy trì những số liệu đó và hiện không có bất kỳ kế hoạch nào cho việc cập nhật chuỗi số liệu này, với lần cập nhật cuối cùng là năm 2011.

UNESCO còn cung cấp cơ sở dữ liệu toàn cầu về các hệ thống giáo dục liên quan đến giáo dục bắt buộc và miễn phí hay hệ thống TVET.

Chương trình tiếp cận hệ thống nhằm nâng cao kết quả giáo dục của Ngân hàng Thế giới (SABER), khởi xướng năm 2011, đã tiến hành đánh giá sâu hệ thống và chính sách giáo dục các quốc gia. Chương trình này xem xét 13 khía cạnh của các hệ thống giáo dục quốc dân. Để biến nó thành công cụ giám sát toàn cầu, cần giải quyết ít nhất 2 vấn đề: thống nhất về phạm vi, mức độ bao phủ và tần suất của đánh giá; và tăng quyền tự chủ ở cấp quốc gia.

CÁC CÔNG CỤ GIÁM SÁT HỆ THỐNG GIÁO DỤC CẤP KHU VỰC

Có lẽ công tác giám sát tốt nhất nên được thực hiện ở cấp khu vực, thay vì cấp toàn cầu. Các thành viên của một tổ chức cấp khu vực sẵn sàng tình nguyện trao đổi thông tin về hệ thống giáo dục của mình hơn. Về phần này, có 3 ví dụ tiêu biểu. Mạng lưới Eurydice về các Hệ thống và Chính sách Giáo dục ở Châu Âu, được thành lập năm 1980, đã phát triển thành một mạng lưới toàn cầu gồm 40 đơn vị quốc gia ở 36 nước. Bộ Chỉ số các Hệ thống Giáo dục (INES), một chương trình của OECD, được khởi xướng năm 1992. Năm 2009, một trong 3 mạng lưới của Chương trình này đã được nâng cấp thành Mạng lưới các Chỉ số Giáo dục cấp Hệ thống thuộc INES (NESLI). Tổ chức các Quốc gia Châu Mỹ - Ibero có một chiến lược giáo dục và một cơ quan chuyên trách để đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ số, một vài trong số đó liên quan đến hệ thống giáo dục.

Báo cáo GSTCGD ủng hộ mạnh mẽ việc giám sát các chỉ số liên quan đến hệ thống giáo dục nhằm thúc đẩy đối thoại và khuyến khích chính phủ các quốc gia học tập lẫn nhau ở cấp độ khu vực.

Giáo dục trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững khác

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ghi nhận không chỉ tầm quan trọng của một mục tiêu độc lập về giáo dục mà còn cả sự cần thiết phải đạt được các mục tiêu khác thông qua giáo dục. Trong số những MPTBV ngoài MPTBV 4, có những chỉ số dẫn chiếu trực tiếp hoặc gián tiếp đến giáo dục.

“
Giáo dục được đề cập trực tiếp trong các chỉ số toàn cầu thuộc 5 mục tiêu phát triển bền vững ngoài MPTBV 4.

DẪN CHIẾU TRỰC TIẾP ĐẾN GIÁO DỤC

Giáo dục được đề cập trực tiếp trong 5 chỉ số toàn cầu không thuộc MPTBV 4: về chi chính phủ cho giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội; giáo dục là phương tiện để thực hiện bình đẳng giới; về những đối tượng thanh niên hiện đang không tham gia giáo dục, đào tạo hay làm việc; và về giáo dục công dân toàn cầu và giáo dục vì sự phát triển bền vững.

DẪN CHIẾU GIÁN TIẾP ĐẾN GIÁO DỤC

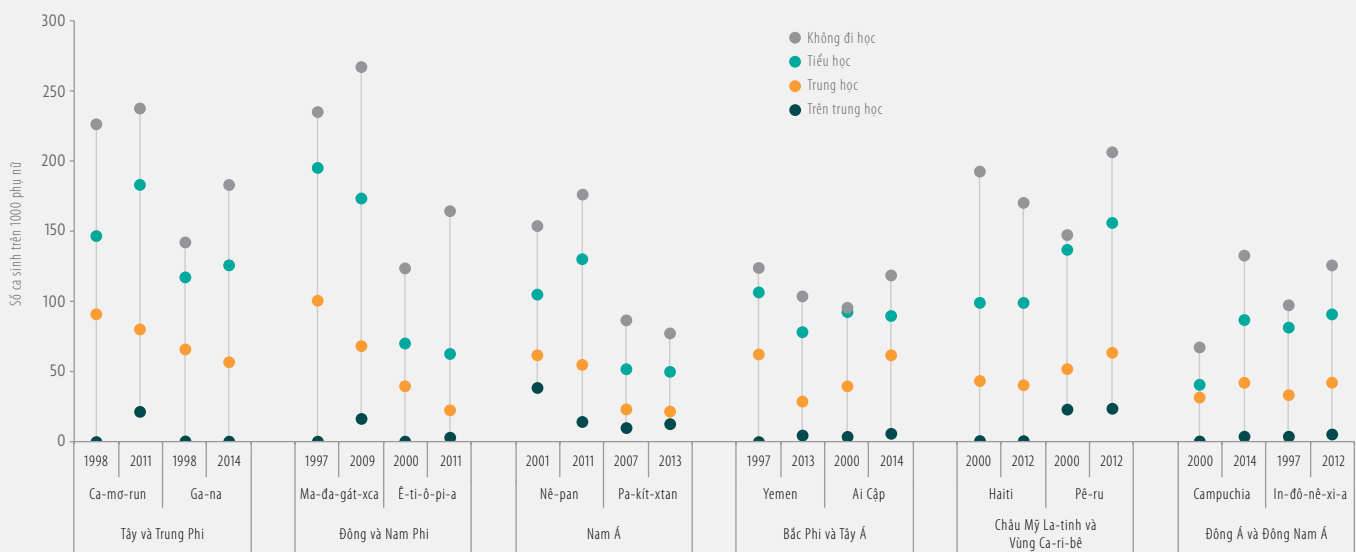
” Ngoài các chỉ số giám sát liên hệ trực tiếp đến giáo dục, các Báo cáo GSTCGD trong tương lai sẽ chú trọng đến các dẫn chiếu gián tiếp tới giáo dục ở các MPTBV khác. Có 3 ví dụ tiêu biểu: giáo dục là yếu tố gắn liền với các thành tựu phát triển khác; những chỉ số về năng lực nguồn nhân lực, vốn dĩ liên quan đến giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học; và vai trò tiềm tàng của giáo dục người lớn.

Việc phân tổ các chỉ số toàn cầu theo cấp học và trình độ đào tạo sẽ giúp làm sáng tỏ sự bất bình đẳng sâu xa gây trở ngại cho việc thực hiện các chỉ tiêu của chương trình nghị sự. Những chỉ số toàn cầu có thể giám sát theo cách này bao gồm những chỉ số liên quan đến nghèo đói, suy dinh dưỡng, hôn nhân trẻ em, tiếp cận công trình vệ sinh được cải thiện, tiếp cận điện lưới, thất nghiệp, dân cư khu ổ chuột, tái chế, tử vong do thảm họa thiên tai, bạo lực và đăng ký khai sinh. Chẳng hạn, ở 54 quốc gia thu nhập thấp và trung bình có số liệu trong giai đoạn 2008–2015, số lượng em bé được sinh trung bình trên 1.000 phụ nữ là 176 đối với những phụ nữ không được đi học, 142 với những phụ nữ có trình độ tiểu học, 61 với những phụ nữ có trình độ trung học và 13 với những phụ nữ có trình độ đại học.

HÌNH 18:

Giáo dục có mối quan hệ tỷ lệ thuận với thành tựu phát triển mong muốn

Tỷ lệ sinh con ở độ tuổi vị thành niên (số ca sinh trên 1.000 phụ nữ độ tuổi 15-19), 1997–2014



Nguồn: Số liệu Khảo sát Nhân khẩu và Sức khỏe (2016).

Những ưu tiên để giám sát giáo dục trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững

Công việc rà soát những thách thức trong giám sát từng chỉ tiêu trong MTPTBV 4 đã chỉ ra những ưu tiên hành động ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu. Mục đích của những ưu tiên này là nhằm đảm bảo có đủ thông tin để so sánh nhằm thúc đẩy đối thoại toàn cầu về tiến độ thực hiện MTPTBV 4. Làm như vậy sẽ không ảnh hưởng tới giám sát tiến độ thực hiện giáo dục của mỗi quốc gia vì giám sát ở cấp quốc gia chú trọng đến bối cảnh trong nước và các nhu cầu cụ thể.

Khung giám sát được đề xuất cung cấp diễn đàn để các cơ quan trong nước và quốc tế trao đổi thông tin về tiến độ thực hiện cũng như những thách thức trong quá trình giám sát. Nhóm Hợp tác Kỹ thuật mới được thành lập, với nhiều đại diện từ các quốc gia, sẽ cải tiến và hỗ trợ khung giám sát này, theo đó thúc đẩy sự đối thoại quốc tế về giám sát giáo dục.

Ở CẤP QUỐC GIA: XÂY DỰNG NĂNG LỰC TRONG 6 LĨNH VỰC CHỦ CHỐT

Có 6 bước chính được đề xuất cho các quốc gia để họ đạt được những tiến bộ đáng kể trong vòng 3-5 năm tới nhằm tăng cường công tác giám sát cấp quốc gia đồng thời góp phần vào công tác giám sát toàn cầu về giáo dục.

Công bằng. Cần có sự đối thoại giữa Bộ Giáo dục và cơ quan thống kê quốc gia nhằm làm sáng tỏ những bất cân bằng cơ bản và sử dụng nhiều nguồn số liệu khác nhau.

Kết quả học tập. Các quốc gia cần đảm bảo thiết lập và áp dụng hệ thống đánh giá kết quả học tập quy mô toàn quốc dựa trên mẫu đại diện để giám sát sự tiến bộ trong học tập theo thời gian.

Chất lượng. Các quốc gia cần tiến hành giám sát chương trình giảng dạy, SGK và chương trình đào tạo giáo viên một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo cam kết đối với các khía cạnh thuộc chỉ tiêu 4.7.

Học tập suốt đời. Các quốc gia cần giám sát nhu cầu, cơ hội và thành tựu giáo dục của dân số người lớn, những người sẽ phải đưa ra những quyết định quan trọng cho sự nghiệp phát triển bền vững.

Hệ thống giáo dục. Các tổ chức trong khu vực cần tạo ra những diễn đàn phù hợp để các quốc gia trao đổi thông tin về đặc điểm giáo dục của đất nước mình và để học hỏi lẫn nhau.

Tài chính. Khuyến khích các quốc gia áp dụng Tài khoản Giáo dục Quốc gia (NEA) để hiểu rõ hơn về sự chia sẻ trong chi tiêu giáo dục giữa chính phủ, nhà tài trợ và hộ gia đình.

Ở CẤP KHU VỰC: HỖ TRỢ HỌC TẬP LẪN NHAU

Sử dụng các mạng lưới khu vực làm cơ chế học tập lẫn nhau, các quốc gia có thể trao đổi kinh nghiệm, chẳng hạn về những chính sách mà họ áp dụng để khắc phục những khó khăn trong giáo dục, hay về mức độ họ sử dụng giáo dục cho mục đích phát triển bền vững và giáo dục công dân toàn cầu.

Ở CẤP TOÀN CẦU: THÚC ĐẨY SỰ ĐỒNG THUẬN VÀ PHỐI HỢP

Có 3 bước được đề xuất để phối hợp các công cụ đo lường và nghiên cứu về các vấn đề toàn cầu. Cần tiến hành chương trình khảo sát quốc tế về hộ gia đình riêng cho lĩnh vực giáo dục để khắc phục một số bất cập chính. Ngoài ra, cũng cần phải có cách tiếp cận nhất quán trong đánh giá kết quả học tập, bao gồm bộ quy tắc ứng xử giữa các nhà tài trợ để tránh chống chéo. Việc thành lập một trung tâm nghiên cứu các vấn đề đo lường giáo dục toàn cầu là một việc rất nên làm, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ xây dựng sự đồng thuận về các kết quả giáo dục chính.

Cuộc cách mạng về dữ liệu giáo dục phải bao gồm đảm bảo sự thống nhất về các khái niệm cơ bản, đầu tư vào các hệ thống dữ liệu chất lượng và công tác điều phối để đảm bảo dễ tiếp cận, mở và trách nhiệm giải trình về dữ liệu.



Một kệ giày dép trong nhà trường ở Chittagong, Băng-la-đét, cho thấy số lượng trẻ em có mặt tại lớp vào ngày hôm đó.

Giáo dục vì con người và hành tinh:

XÂY DỰNG TƯƠNG LAI BỀN VỮNG CHO MỌI NGƯỜI

Giáo dục vì con người và hành tinh: Xây dựng tương lai bền vững cho mọi người tìm hiểu mối quan hệ phức tạp giữa giáo dục và Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, bao gồm 6 trụ cột cơ bản – Hành tinh, Thịnh vượng, Con người, Hòa bình, Nơi chốn và Quan hệ đối tác. Báo cáo chỉ ra rằng giáo dục sẽ không phát huy được tối đa tiềm năng của mình nếu tỷ lệ tới trường không tăng lên một cách mạnh mẽ và phát triển bền vững không đóng vai trò là kim chỉ nam cho công tác cải cách giáo dục. Ngoài ra, Báo cáo còn cảnh báo về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, xung đột, tiêu dùng thiếu bền vững và khoảng cách ngày càng tăng giữa người giàu và người nghèo đến giáo dục. Cần phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ nếu chúng ta mong muốn tạo nên tương lai bền vững cho mọi người.

Bản tóm tắt Báo cáo GSTCGD là ấn phẩm đầu tiên trong chuỗi ấn phẩm nhằm đánh giá tiến độ thực hiện giáo dục trong các MTPTBV mới. Báo cáo GSTCGD đưa ra những khuyến nghị dựa trên minh chứng về các chính sách, chiến lược và chương trình cần thiết để hiện thực hóa tầm nhìn rất tham vọng về Giáo dục đến năm 2030. Báo cáo cũng thảo luận những thách thức của công tác giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu và các chỉ tiêu mới về giáo dục toàn cầu nhằm đảm bảo cải thiện khả năng tiếp cận, sự tham gia, hoàn thành, kết quả học tập và giảm bất bình đẳng. Báo cáo cung cấp cho bạn đọc một nguồn chính thống để giúp họ có được cơ sở để lập luận cho các giá trị và tầm quan trọng của giáo dục ở tất cả các cấp ra quyết định.

Báo cáo GSTCGD là một ấn phẩm độc lập, dựa trên bằng chứng, là một công cụ không thể thiếu trong việc thúc đẩy đối thoại có đầy đủ thông tin và nâng cao nhận thức về những tiến bộ và những thách thức trong giáo dục. Chuỗi báo cáo này đã đánh giá sự tiến bộ trong giáo dục tại hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ kể từ năm 2002. Dựa trên kinh nghiệm này, cùng với sứ mệnh mới trong việc giám sát tiến độ thực hiện giáo dục trong các MTPTBV, Báo cáo GSTCGD sẽ đóng vai trò là nguồn lực quan trọng mang tính toàn cầu cho quá trình đánh giá tiếp theo trong 15 năm tới.

